

ĐÀO DUY ANH khảo chứng
NGUYỄN THỊ THANH XUÂN phiên âm & chú thích

Kinh ĐẠO NAM

*Thơ văn giảng bút của
Vân Hương Đệ Nhất Thánh Mẫu (Liễu Hạnh)
và các vị nữ thánh*



NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

KINH

ĐẠO NAM

(Thơ, văn giảng bút của
Vân Hương Đệ Nhất Thánh Mẫu (Liễu Hạnh)
và các vị nữ thánh)

Tủ sách Khơi lại nguồn xưa

KINH ĐẠO NAM

(Đào Duy Anh sưu tập và khảo chứng
Nguyễn Thị Thanh Xuân phiên âm, chú thích)

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG - 2007

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Trong tay các bạn là một bản kinh lạ. Tập kinh được hình thành qua giảng bút của các tiên thánh. Sao lại gọi là **Đạo Nam Kinh**? Trong tập Càn, lời giảng của Châu đại tướng quân có đoạn: “Phàm là (Kinh) Đạo Nam là ý muốn nói đến *Đạo nước Nam* ta đây. Mà (sở dĩ) sáng tác ra Kinh Đạo Nam này chính là vì các người sinh ra tại phương Nam, dòng dõi đều thuộc họ tộc phương Nam, cho nên kinh này viết bằng chữ Nam (Nôm) để cho người nước Nam đọc chữ Nam (Nôm) không đến nỗi *mộng không khớp mộng* mà không nhập tâm.

Tốt thay Đạo Nam! Đẹp thay Đạo Nam! Thực là tiếng chuông lớn thức tỉnh răn đời, là chiếc bè báu cứu người...”.

Tháng 9, tháng 10 âm lịch năm 1923 Kinh Đạo Nam ra đời do các tiên thánh giảng bút, viết bằng chữ Nôm, được khắc ván in ngay tại đàn. “Bản kinh này từ đầu đến cuối gần một trăm tờ chia làm hai tập **Càn** và **Khôn**. Tập **Càn** nhằm khuyên sĩ nông công thương, tập **Khôn** nhằm khuyên phụ nữ về tam tòng tứ đức, bài nào cũng thấm thía một tinh thần ái quốc dạt dào” (Đào Duy Anh). Qua phần *Lời nói đầu* và phần *Khảo sát văn bản* của người phiên âm - nhà nghiên cứu Nguyễn Thị Thanh Xuân - và phần *Tìm hiểu phong trào Thiện đàn đối với cuộc vận động ái quốc - kinh Đạo Nam* trong *Nhớ nghĩ chiều hôm* chương XIII của

học giả Đào Duy Anh, bạn đọc sẽ có cái nhìn thấu đáo hơn về nội dung của tập Kinh này.

Ngoài những điều mà tự thân **Đạo Nam Kinh** chuyển tải - ở một góc nhìn khác - chúng tôi nhận thấy bản phiên âm tiếng Việt tập Kinh này còn mang một giá trị nhân văn khác nữa, đó là giá trị của sự tiếp nối nguồn mạch học thuật, điều mà người xưa gọi là *học phong*, là sự *truyền thừa*. Công trình này kết quả bởi tâm huyết của hai thế hệ, của thầy và trò, của người học trước kẻ học sau. Phải chăng đây là điều nhắc nhở đối với kẻ đọc sách rằng, nên có niềm tin, cùng chia sẻ và trao gửi cho thế hệ tiếp nối; biết trân trọng và hoàn thiện việc dang dở của người đi trước. Trong hoàn cảnh và ý niệm trong lành, sự gửi gắm và tiếp nhận sẽ trở thành duyên may và hạnh phúc cho những người đi trên biển học - vốn không bờ!

Nhà xuất bản Lao Động trân trọng giới thiệu đến bạn đọc tập sách này - trong tủ sách nghiên cứu, biên khảo **Khởi lại nguồn xưa** - với hy vọng tìm được sự đồng thanh, mặt khác cũng mong bạn đọc am hiểu góp ý giúp cho.

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

LỜI NÓI ĐẦU

Tôi năm nay bảy mươi tuổi.

Điểm lại những may mắn mà cuộc đời đã ưu ái mình, tôi thấy việc rời ngành giáo dục, thi vào lớp Hán Nôm năm 1965 là một duyên may đặc biệt.

Đây là lớp Đại học Hán Nôm chính thức đầu tiên ở miền Bắc do Viện Văn học mở, theo chỉ thị của Thủ tướng Phạm Văn Đồng. Các thầy giảng dạy đều là những bậc túc nho nổi tiếng đương thời: Cao Xuân Huy, Đặng Thai Mai, Phạm Thiều, Ca Văn Thỉnh, Trần Văn Giáp, Nam Trân, Đào Phương Bình, Hoa Bằng, Lê Thước, Đỗ Ngọc Toại, Nguyễn Đồng Chi, Nguyễn Đức Vân, Phạm Phú Tiết... Một may mắn ngẫu nhiên nữa là: tuy chúng tôi không được trực tiếp học thầy Đào Duy Anh nhưng vì thầy và thầy Cao Xuân Huy cùng ở khu tập thể Kim Liên (tầng trên tầng dưới) nên mỗi lần viếng thăm thầy Cao, tôi đều ghé vào thỉnh giáo thầy Đào. Nhờ thế mà tôi trở thành trò “học thêm miễn phí” của thầy. Tôi và bạn bè đồng môn từng nói vui theo kiểu con nhà Hán Nôm: “Bất độc Đào tiên sinh bất thành nhân” (“nhân” đây được hiểu là *con người văn hoá*.)

Cho đến khi chuyển vào Nam công tác, tôi lại may mắn được hầu chuyện thầy nhiều lần ở khách sạn Bến

Nghé trong những dịp thầy “Nam hành”. Đến bây giờ tôi vẫn thấy mình thật sự may mắn và hạnh phúc khi trở thành trò thân thiết của cả hai vị thầy đạo cao đức trọng là thầy Đào Duy Anh và thầy Phạm Thiều ở ngay giữa Sài Gòn.

Cả hai thầy không chỉ dạy tôi kinh nghiệm, giúp đỡ phương pháp nghiên cứu mà mỗi vị còn cho tôi nghe những tâm sự đầy nỗi “ưu thời mẫn thế” lúc cuối đời. Biết tôi có thiên hướng về thơ văn Nôm, hai thầy đều khuyến khích và chỉ bảo tận tình.

Năm 1982, trước khi trở ra Hà Nội, thầy Đào Duy Anh trao cho tôi cuốn **Kinh Đạo Nam** và nói: “Từ lâu tôi đã có ý định phiên dịch và cho in quyển này. Đây là hiện tượng lịch sử và văn hoá rất đáng được nghiên cứu nhưng vì nhiều lẽ tôi chưa làm được, nên tôi đã giành một chương trong cuốn Hồi ký **Nhớ nghĩ chiều hôm** để khảo sơ cuốn sách. Nếu có điều kiện, cô nên phiên âm và cho in để giữ lại một vốn quý về văn hoá cho mai sau.”

Nhận sách từ tay thầy, tôi đâu có ngờ đó là lời ký thác cuối cùng của thầy.

Tôi đã phiên âm cuốn sách thầy trao và đã đọc những nhận xét rất chính xác của thầy: “*Đây là tác phẩm tập đại thành tất cả những tư tưởng của giới nho học tiến bộ trong phần tư đầu thế kỷ... gồm rất nhiều thể thơ văn, thi phú... Có những câu rất hay, những bài có thể đặt vào loại văn rất hay được.*”... Lẽ ra tôi phải bỏ công sưu tầm, bổ sung những nghiên cứu về một phong trào Thiệu đàn rộng rãi từ Bắc vào Nam để triển

khai tiếp ý tưởng của thầy nhưng vì tài hèn sức mọn, “lực bất tòng tâm”...

Đến nay, đã ngót 20 năm thầy đi xa, sách thầy trao vẫn chưa đưa ra vẫn thế để hoàn thành ý nguyện của thầy, vì vậy trong lòng tôi luôn cảm thấy bất an.

Đề tạ lỗi với thầy, tôi xin với hương hồn thầy cho phép tôi được đặt trọn vẹn chương XIII Hồi ký của thầy vào đầu cuốn sách này. Đây chính là tư liệu đầu tiên và chân xác về một hiện tượng lịch sử văn hoá, rất có ích cho người nghiên cứu.

Cuốn sách này là nén nhang tưởng nhớ thầy và tri ân các vị thầy đã dạy dỗ tôi ở lớp Đại học Hán Nôm 40 năm qua mà nay tất cả đã ra người thiên cổ.

Cuốn sách này cũng là để tưởng nhớ công ơn cha mẹ đã sinh thành ra tôi và còn nuôi cho tôi bốn đứa con nhỏ để tôi đi học Hán Nôm ở nơi sơ tán. Nhân đây tôi cũng xin tỏ lòng biết ơn đối với cô bác nông dân ở làng Đồng Bèo huyện Hiệp Hòa tỉnh Bắc Giang đã nhường nhà cho chúng tôi ở nhờ trong suốt gần bốn năm học tập.

Ở cuối sách, tôi cho in phần chính văn đề đọc giả tiện tra cứu. Và sau đó, tôi cũng xin hoàn lại bản gốc Kinh Đạo Nam về Thư viện gia đình Thầy Đào Duy Anh với ý nguyện đưa “*châu về Hộp Phở*”.

Nhân dịp này tôi xin chân thành cảm ơn các anh Nguyễn Khuê, Nguyễn Hiền Tâm, các bác Lạc Thiện, Không Đức cùng các bạn Trần Văn Chánh, Hà Văn

kinh đạo nam

Thùy, Nguyễn Thị Dư Khánh đã giúp cho tôi nhiều ý kiến quý báu.

Vì trình độ còn hạn chế, tôi kính mong được bạn đọc và các nhà nghiên cứu thẳng thắn chỉ ra những thiếu sót và góp ý bổ sung.

Sài Gòn, tháng Vu Lan Ất Dậu 2005.

Nguyễn Thị Thanh Xuân

KHẢO SÁT VĂN BẢN VÀ ĐÔI ĐIỀU SUY NGHĨ

Sách *Đạo Nam Kinh* được in trên giấy dó, loại tốt, khổ 28^{cm} x 14^{cm}, gồm 2 tập.

Tập *Càn*: 64 tờ (mất tờ 1, 2, 5, 6) đã được học giả Đào Duy Anh chép tay bổ sung. Còn 3 tờ mất ở giữa quyển: 54, 55, 56 không có chép bổ sung.

Bìa 1

Trang trí hoa văn: rỗng, mây, phụng. Giống hình thức một tấm bìa.

Trên trán đề: Hưng Thiện Đàn (chữ in nhỏ theo lối chữ triện).

Thân giữa đề: Đạo Nam Càn Tập (chữ lệ).

(Trên đầu bìa 1, ngoài khuôn trang sách, học giả Đào Duy Anh viết thêm ba chữ Hưng Thiện Đàn bằng bút lông, kiểu chữ chân).

Bìa 2

Trang trí 4 hoa thị ở 4 góc, chia làm 3 ô.

Ô giữa đề: Hoàng Nam Khải Định Quý Hợi thu nguyệt kê tứ đông nguyệt đăng tử.

(Hoàng triều Đại Nam niên hiệu Khải Định Quý Hợi 1923, tháng thu câu kê, tháng đông khắc ván in).

Ô phải đề: Nam Định Giao Châu (xã Hạc Châu, huyện Giao Thủy, Nam Định).

Ở trái đề: Hưng Thiện tàng bản (Đàn Hưng Thiện cất giữ).

Mặt sau bìa 2

Trên đầu trang có ghi bút tích của học giả Đào Duy Anh bằng chữ quốc ngữ, Nguyên văn:

“Đàn Hưng Thiện tại làng Hạc Châu phủ Xuân Trường (huyện Giao Thủy) tỉnh Nam Định. Người cầm kê: ông Nguyễn Ngọc Tinh nguyên là cán bộ của Viện sử học Hà Nội.

Văn bản do ông Đào Duy Anh giữ. Xem một chương trong bản Hồi ký *Nhớ Nghĩ Chiều Hôm* của Đào Duy Anh trình bày về nguyên ủy và nội dung của bản kinh lạ lùng này”. Chữ ký: Đào Duy Anh.

(Bút tích này hiện đã mờ, mất nét, khó đọc).

Tập **Khôn** 30 tờ (tờ 30 bị rách được bồi lại bằng giấy bóng mờ ở cuối trang)

Trang trí hoa văn: Giống tập Càn.

Trên trán đề: Thần Đạo (giữa).

Thiết – Giáo (hai bên).

Giữa đề: Đạo Nam Khôn Tập.

Bìa 2: Hoàng Nam Khải Định Quý Hợi niên thập nguyệt kê tứ thập nhất nguyệt đăng từ.

(Hoàng triều Đại Nam niên hiệu Khải Định Quý Hợi 1923 tháng 10 cầu kê, tháng 11 khắc ván in).

Tổng cộng cả 2 tập Càn, Khôn là $94 \text{ tờ} \times 2 = 188 \text{ trg}$ (188 trg này được in ra từ 94 bản khắc gỗ). Mỗi trang 8 dòng, dòng 12 chữ, tính trung bình $96 \text{ chữ} \times 188 =$

17.148 chữ. Chữ in chân phương, rõ nét, đẹp, theo lối chữ Nôm kép thế kỷ XIX-XX.

Có kiêng húy: Gia Long (Chúng), Tự Đức (Thì) bằng cách viết đảo từ trái sang phải. Không thấy kiêng húy Minh Mệnh (Đảm) cả cách viết lẫn cách đọc (vì kiêng húy thì phải đổi Đảm (胆) thành Phủ (腑).

Một điều khá đặc biệt là: quá trình sáng tác và xuất bản được thực hiện gần như “ngay tức khắc” vậy mà ngót hai vạn chữ, phần lớn là chữ Nôm, hầu như không có chữ viết sai hoặc gượng ép, chứng tỏ trình độ của người viết và thợ khắc ván rất thành thạo. (Chỉ có một số chữ Nôm ghi theo lối phát âm địa phương nên có lỗi về chính tả như: nếu = lều, nắp = lắp, nén = lén, lợi = nội...)

Đây quả là một hiện tượng lạ. Bởi vì nói về sách in ở ta, trừ các sách in ở Quốc Sử quán của triều đình, còn những Truyện Nôm dân gian, sách cúng, sách thuốc, sách bói... in ở những nhà in tư nhân như Phúc Văn đường, Liễu Văn đường, v.v... thì “chữ *tác* đánh thành chữ *tô*” không phải là chuyện hiếm.

Một điều đặc biệt nữa là: bản kinh này không chỉ sử dụng rất nhiều thành ngữ, tục ngữ phổ biến trong dân gian mà còn vận dụng nhiều điển cố Trung Quốc từ Hạ, Thương, Chu đến Tần, Hán, Đường.... Trong khối lượng điển cố bạt ngàn đó, nhớ được điển đã là khó, lại còn dẫn điển một cách “đắt” đúng vào hoàn cảnh, sự kiện, tính cách tốt xấu của nhân vật như: Từ Bình, Khước Khuyết, Cung Khương, thói Tần..., một cách thật ngắn, gọn (chỉ bằng một, hai câu thơ) để nêu gương tốt, xấu răn dạy người đời, đòi hỏi tác giả phải am tường sâu

rộng vốn văn hóa cổ kim Việt Nam và Trung Quốc. Đúng như học giả Đào Duy Anh đã nhận xét: “Phải là người hiệp thiệp *Kinh*, *Sử* cùng *Dịch*, *Lão* và đọc nhiều *Tân thư* mới làm nổi”.

Đi vào nội dung tập Kinh càng thấy thêm nhiều điều lạ:

Như ta đã biết, đạo Giáo vốn có nguồn gốc từ Trung Quốc với tục thờ Ngọc hoàng thượng đế và các vị Thánh như Quan Thánh đế quân, Văn Xương đế quân, Lã Động Tân, Dao Trì vương mẫu.... Khi sang đến Việt Nam thì lại được bổ sung bằng những vị Thánh Việt như Trần vương (Trần Hưng Đạo) Đồng vương (Phù Đổng thiên vương) Thánh Tản Viên, Thánh Lý Phục Man, Nguyên Từ Quốc Mẫu, Vân Hương Thánh Mẫu....

Điều khá lạ ở đàn Thiện Hưng là các Thánh Mẫu giữ vai trò chủ chốt. Trong số 25 vị Thánh hiện diện ở tập Kinh thì có tới 22 vị nữ Thánh. Phải chăng đây cũng là minh chứng cho tục thờ Đạo Mẫu vốn là tôn giáo nguyên sơ của dân tộc Việt ?

Một điều lạ nữa là: người đứng vai trò chủ chốt lãnh xướng Thiện đàn này là một Thánh nữ: Đệ nhất Thánh Mẫu Vân Hương Liễu Hạnh. Trong lời *Thoại* Mẫu nói: “Kinh này chia làm 10 chương, tôi phụng mệnh đại giá giảng bút”. Như vậy Mẫu nói rằng đã theo lệnh của *Ngọc hoàng thượng đế* giảng bút ra Kinh. Và tập Kinh được làm theo cách đặc biệt, trong thời gian rất ngắn nhưng đã thể hiện được tài quán xuyến của Mẫu cả về kết cấu lẫn nội dung. Phải chăng đất Vực Bản Nam Định là nơi giảng sinh của Thánh Mẫu nên vì tâm tình đối với quê hương mà Mẫu ban cho bộ kinh quý ?

Đệ nhất Thánh mẫu đã có Thơ giảng bút, Tựa, Hịch ở đầu tập rồi Bạt, Biểu, Tổng Luận... ở cuối tập. Bên trong kết cấu lớp lang đó là nhất quán tấm lòng của Mẫu như người Mẹ lo cho đàn con đại:

THƠ GIẢNG BÚT

(ngày 13 tháng 7 giờ Tuất)

*Nước non lận đận mấy thu tròn,
Nguyên với trắng già một tấm son.
Đi sớm về trưa chi quản mẹ,
Ngàn kinh muôn quyển luống vì con.
Đoái thương nay hãy còn thơ dại,
Nhấn dạy sau rồi cả lớn khôn.
Không dè nhưng cùng trong một bọc,
Vì tình nên mẹ phải lon xon.*

Trong bài Tựa, sau khi nêu lên quá khứ văn hiến của sông Nhị núi Nùng, về oanh liệt của con Hồng cháu Lạc là những lời than đau cắt ruột bằng giọng phẫn uất:

*Xưa sao thế mà nay sao thế?
Toan vạch trời hỏi một đôi câu.
Khôn đường sao mà dại đường sao?
Đề cục mẹ đến trăm ngàn nỗi.
Chua xót lắm, cay đắng lắm,
Tâm sự này biết ngò cùng ai?
Đau đón thay, khổn khổ thay,*

Như người Mẹ hiểu biết và nhân từ, Mẫu không trách trời trách phận mà nhận ra những đau xót ấy vốn là tại lũ con dại của mình.

*Cơ hội ấy vì đâu nên nổi?
Thôi chỉ tại vụng cơ khai hóa,
Gió chiều chẳng biết che chiều.
Cam phận ngu hèn,
Nước yếu không ngờ rằng yếu.
Cắm cổ chết trong vòng nô lệ,
Mối kinh luân còn vắng mặt trượng phu.
Liếc mắt trông một dải non sông,
Vòng danh lợi chỉ rặt tay thiếp phụ.*

... ..
*Kỹ nghệ một chút gì chưa học,
Chỉ khéo tay dán giấy bôi hồ.
Văn minh nửa bước chưa rồi theo,
Đã tài ngón bói lông tìm vết...*

Biết tất cả, nhưng là người Mẹ hiền, Mẫu dạy con bằng những lời thâm thiết:

*Dẫu lọe chọe cũng mẹ với con,
Lòng ân ái vẫn sánh cùng trời đất.
Rày con nên nghĩ lại,
Nước có nguồn, cây có gốc,*

Ngắm xem gương trước làm sao.
Để mẹ vẫn mong cho:
Cá gặp nước, rồng gặp mây,
Tơ tưởng hội sau nhiều lắm.
Trời còn đây, đất còn đây,
Giang sơn rồi lại của con.
Sông chưa cạn, núi chưa mòn,
Hương lửa càng thơm tiếng mẹ.

Cảm thấy nói như vậy chưa đủ, Mẫu còn thống thiết truyền Hịch thức tỉnh đàn con:

Khấp non nước dựng đàn chùng té,
Gọi hồn mê trong bể đại dương.
Đến nay còn mở chút tấm thương,
Bút đào lại dọc ngang tô điểm nữa.

.....
Bút viết mãi thời ngòi cũng tuyệt,
Miệng nói nhiều đã hết cả hơi.
Tiếng đổ quyền kêu lảm dốt rồi,
Lòng sợ thể khôn nguôi trong dạ dò.
Xin chị em thương tình hạ cố,
Quả phúc chung vo rõ cho tròn,
Chữ đồng nguyện một lòng son.

Từ sự chuẩn bị tinh thần như vậy, Thánh Mẫu đi vào 10 chương giáo huấn đàn con trai và 3 chương cho đàn con gái.

Do nắm vững thực tế cuộc sống xã hội và tâm lý tính cách dân con nên vấn đề giáo dục của Mẫu vừa bao quát mọi mặt, vừa sâu sắc tỉ mỉ: từ việc khích lệ tinh thần yêu nước thương nòi đến tầm quan trọng của sự học, mở rộng giao thiệp, làm rõ luân thường, tiết kiệm tiêu dùng, bài trừ hủ tục, khai hóa vệ sinh cho đến công dung ngôn hạnh....

Mỗi lời khuyên răn chí tình, chí thiết của Mẫu đã có sức thuyết phục lòng người, cảm hóa nhân tâm, hướng về điều thiện, vun đắp đạo làm người để duy trì phong hóa trong thời kỳ đen tối của lịch sử.

Đây cũng chính là nét đẹp trong tư tưởng truyền thống của ông bà ta hồi đầu thế kỷ trước mà chúng ta cần nghiên cứu kỹ để hiểu, đó là kho báu tàng trữ khối lượng lớn văn hóa Việt mà ngày nay chúng ta phải kế thừa và trân trọng để có thể “ở đời” với thế giới trong thời đại toàn cầu hóa.

Ở đây tôi xin gọi ra mấy vấn đề cần suy nghĩ:

1- Mê tín hay không mê tín ?

Cho tới nay, cũng như nhiều bản kinh khác, kinh Đạo Nam không được giới nghiên cứu chú ý với lý do đơn giản: coi là mê tín dị đoan, không chính danh. Nhưng chính điều này lại luôn gây tranh cãi: thế nào là mê tín dị đoan? và kinh Đạo Nam có phải chỉ là mê tín ?

Theo tôi, ngược lại, kinh Đạo Nam có nội dung bài trừ hủ tục, bài trừ mê tín. Có thể dẫn chứng rất nhiều: tục thờ nhảm “cúng cả bờ tre, gốc dừa”, mê tín, đồng bóng, lập đàn cầu đảo, gọi hồn gọi cốt quảng xiên đến mất mạng, tục đốt vàng mã phung phí “đem tiền nỡ đốt ra tro:... rồi đến tệ nạn rượu chè, hút xách, cờ bạc, tranh

tụng... Nếu nói: trong cuộc vận động bài trừ tệ nạn xã hội, xây dựng nếp sống văn hóa mới hiện nay, kinh Đạo Nam, trước ta gần một thế kỷ, vẫn còn mang đầy đủ tính thời sự thì cũng không có gì là quá đáng.

Chưa nói đến sự ra đời của bản kinh lạ lùng này cũng không dễ giải thích. Vì sao một người với khả năng “thường thường bậc trung” như cụ Nguyễn Ngọc Tinh cùng với những người trình độ chưa được như cụ, mà trong 5 – 7 ngày lại chế tác được khối lượng câu thơ đồ sộ và hay như thế ? Có thể khẳng định: với thời gian như thế, với kiến thức vừa rộng vừa mới mẻ, với cảm xúc chân tình, thiết tha, sâu sắc... quả là sức người không thể làm nổi, dù là một người rất tài hay một tập thể. Tôi tin rằng có sự trợ lực nào đó của yếu tố ngoài con người. Có thể là Mẫu đã hóa thân xui khiến cây bút – cành đào chuyển dịch theo tâm nguyện của mình. Cũng có thể, trong không khí linh thiêng của điện thờ, tinh thần con người cảm ứng được với năng lượng huyền diệu nào đó đã thăng hoa ngân lên những vần thơ đẹp? Điều đó vẫn còn là huyền bí. Vì không thể lấy kiến thức hữu hạn của con người để đem đo với cái vô cùng của tự nhiên.

Chỉ biết rằng chúng ta có được một tập hợp những bài thơ nội dung lành mạnh, bổ ích, với lời thơ hay. Vì vậy cần trân trọng.

2/- Cần đánh giá lại bản kinh

Vào những thập niên đầu thế kỷ XX, khi cuộc khởi nghĩa Yên Thế bị dẹp tan, cuộc vận động Duy Tân bị thất bại, tiếng nói yêu nước bị bóp nghẹt... thì thơ văn

của các nhà nho ái quốc, các tác giả vô danh của nhân dân vẫn âm thầm cố vũ tinh thần yêu nước, tự cường dân tộc, dù phải sáng tạo trong hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, bị thực dân o ép.

B. Đó chính là tiếng nói thiêng liêng tập hợp 20 triệu đồng bào.

Nhớ lại, bài thơ *Thề non nước* của Tản Đà và bài *Hai chữ nước nhà* của Á Nam Trần Tuấn Khải dù chỉ mượn đề tài lịch sử hoặc dùng biểu tượng nghệ thuật ẩn dụ bóng gió để bộc lộ nỗi đau mất nước, thương nỗi mà đã được đông đảo nhân dân đón nhận, được coi là quý hiếm trên văn đàn công khai và sau này được đưa vào sách giáo khoa và trân trọng rất mực. Nếu điều đó là thỏa đáng và đúng là thỏa đáng thì chúng ta không thể bắt công đối với những bài thơ yêu nước sinh ra sớm hơn từ những Thiện đàn do những tác giả vô danh sáng tạo, dưới hình thức tôn giáo để thức tỉnh đồng bào. So với thơ của hai tác giả nổi danh trên thì nồng độ yêu nước trong thơ Kinh Đạo Nam đậm đặc hơn, trực tiếp hơn, sôi sục, da diết hơn. Và tích cực hơn: nó vạch ra con đường khả thi, hữu hiệu, nâng cao dân trí, chấn hưng đất nước. Chính nó mở đường cho những văn thơ máu huyết của chí sĩ Phan Bội Châu sau này. Chính đó là vốn tinh thần to lớn để sau này người dân đi theo ngọn cờ giải phóng...

Phải chăng là sự run rẩy ngẫu nhiên hay duyên phận tiền định nơi đây, khi đất nước đang biến chuyển lớn lao tìm về nguồn cội để vươn ra hội nhập với thế giới thì chúng ta gặp ở kinh Đạo Nam hai truyền thống lớn là TINH THẦN YÊU NƯỚC và ĐẠO LÀM NGƯỜI VIỆT NAM. Vì lý do đó, tôi nghĩ rằng đã đến lúc chúng ta phải trả lại công bằng cho kinh Đạo Nam cùng nhiều bản kinh Thiện đàn khác...

TÌM HIỂU PHONG TRÀO THIỀN ĐÀN ĐỐI VỚI CUỘC VẬN ĐỘNG ÁI QUỐC - KINH ĐẠO NAM

ĐÀO DUY ANH

... Việc lập thiền đàn để khuyến thiện là việc có từ lâu trong xã hội phong kiến nước ta, nó thường lẫn lộn với việc thờ cúng và cầu phúc mê tín của Đạo giáo. Tại các cung quán, những nơi thờ cúng của Đạo giáo, như cung Thiên Trường tỉnh Nam Định, quán Linh Tiên tỉnh Hà Tây, quán Trấn Vũ, đền Ngọc Sơn ở Hà Nội (đền Ngọc Sơn do văn hào Nguyễn Văn Siêu dựng từ đời Minh Mạng), thường có những bản kinh Đạo giáo, đặc biệt là kinh Âm chất, kinh Văn Xương để quân, kinh Quan Thánh để quân để đọc giảng cho thiện nam tín nữ nghe. Từ khi nước ta bị thực dân Pháp xâm lược, lại có các vị nhà nho bất đắc chí, hoặc về quê mở trường dạy học, hoặc lập thiện đàn để mong mượn thiện đàn mà bảo vệ cương thường. Đặc biệt nổi tiếng là Đặng Xuân Bảng, tiến sĩ quê ở làng Hành Thiện tỉnh Nam Định, làm tuần phủ tỉnh Hải Dương, sau khi tỉnh thành bị quân Pháp chiếm mất, bị vua Tự Đức cách chức, ông về quê cùng với em là Đặng Ngọc Toàn nguyên làm giáo thụ Kiến Xương dựng thiện đàn ở đền Văn Xương trong làng, dịch kinh Âm chất ra tiếng Việt, soạn bài *Thái*

thương cảm ứng thiên quốc âm ca, nhuận sắc bài Huấn từ quốc âm ca của Hoàng giáp Phạm Văn Nghị và bài *Khuyến hiếu ca* do Án sát Sơn Tây Phạm Đình Túy diễn âm. Ngay ở tỉnh thành Nam Định thì có Đồng Lạc khuyến thiện đàn do chính tổng đốc Nam Định Phạm Văn Toán cùng với một nhà đại thương là La Quý Chấn lập nên năm 1904. Ở đây Vân Hương đệ nhất thánh mẫu, cùng đệ nhị đệ tam Thánh mẫu đã giảng kinh *Minh Thiên*. Tương truyền Nguyễn Thượng Hiền làm đốc học Nam Định bấy giờ có đề câu đối ở đàn rằng:

Liệt điện tài hoa, mạc thán sinh thiên vô diệu pháp;
Từ hàng độ chúng, tu tri giác thể hữu chân kinh.

Từ năm 1908 trở đi, sau khi phong trào Duy Tân (Đông du và Đông kinh nghĩa thực) thất bại, trước cuộc đàn áp của chính quyền thực dân, các nhà nho ái quốc nhiều người đã rút lui sau hình thức thiện đàn để tiếp tục tuyên truyền những tư tưởng ái quốc, do đó phong trào thiện đàn phát triển mạnh mẽ hơn trước nhiều. Chúng ta chưa có cuộc điều tra để nắm vững tình hình cụ thể của phong trào. Với hơn bốn chục bản kinh bằng quốc âm, tôi được biết hiện tàng trữ ở Thư viện Khoa học xã hội thì có thể thấy rằng trong khoảng từ 1908 đến 1912, ngoài quán Trấn Vũ và đền Ngọc Sơn là hai trung tâm thiện đàn có tiếng ở Hà Nội, trong vùng ngoại vi còn có nhiều nơi khác. Trong tỉnh Nam Định thì ngoài thiện đàn Đồng Lạc ở tỉnh thành còn có thiện đàn cung Thiên Trường, thiện đàn xã Hành Thiện, thiện đàn xã Hạc Châu đều thuộc huyện Xuân Trường, thiện đàn xã Phương Đề huyện Trực Ninh. Các tỉnh khác thì Hà Đông có ba đàn, tỉnh Bắc Ninh có một đàn, tỉnh Phúc

Yên có bốn đàn, tỉnh Vĩnh Yên có một đàn, tỉnh Sơn Tây có một đàn, tỉnh Hưng Yên có năm đàn, tỉnh Thái Bình hàng chục đàn, tỉnh Bắc Giang có bốn đàn, tỉnh Thái Nguyên có bốn đàn, tỉnh Phú Thọ có một đàn, đó là chỉ kể những đàn mà tôi thấy có kinh tàng trữ ở thư viện. Trong số các đàn trên thì đàn Tương Thiện ở xã Hải Yên tỉnh Hưng Yên được đến hơn mười đàn thuộc các miền xung quanh ủng hộ trong việc in kinh. Ngoài ra theo người chấp bút của thiện đàn xã Hạc Châu huyện Xuân Trường tỉnh Nam Định lập từ năm 1912 thì trong khi đàn này giảng kinh Đạo Nam mà hiện tôi có một bản, thì đàn còn liên hệ với các đàn khác trong tỉnh và với nhiều đàn khác tỉnh bên cạnh là Thái Bình: xã Thượng Tầm huyện Thái Ninh, các xã Cự Lâm, Bông Diền huyện Thư Trì, các xã Đông Quách, Đông Cao, Nho Lâm huyện Tiền Hải, các xã Văn Môn, Dịch Bài, Thuận Yên huyện Vũ Tiên. Hiện tôi không có tài liệu về các tỉnh từ Ninh Bình, Thanh Hoá trở vào, song theo nhiều cụ lão nho mà tôi được gặp nói lại thì miền Thanh Nghệ phong trào thiện đàn cũng có những nét giống như phong trào ở Bắc kỳ.

Có điều đáng chú ý là trong thời kỳ trước phong trào Duy Tân và Đông kinh nghĩa thực thì các thiện đàn phần nhiều giảng kinh chữ Hán, còn từ đầu thế kỷ XX về sau thì các đàn thường giảng kinh bằng chữ Nôm, các kinh ấy chủ yếu là do tiên thánh Việt Nam giảng bút, kinh nào cũng cổ vũ tinh thần yêu nước, tinh thần dân tộc tự cường. Song chúng ta phải tự hỏi: nguy trạng việc tuyên truyền chính trị dưới hình thức tôn giáo một cách có ý thức hay là một hành động tôn giáo có ý nghĩa chính trị? Để trả lời câu hỏi ấy, chúng ta hãy xem tình

hình cụ thể diễn biến thế nào. Trước hết hãy xem quá trình thành lập một thiện đàn tôi được biết tương đối rõ. Theo ông Nguyễn Ngọc Tinh là người chủ trì thiện đàn Hạc Châu thì đàn này được lập lên từ năm 1912 ở nhà một ông đồ dạy học từng có phong trào Đông kinh nghĩa thực. Trước hết là một người học trò tên Nguyễn Hữu Thao tìm được một quyển sách phụ tiên, đem về cùng với con ông đồ là Nguyễn Đức Hình họp nhau phụ tiên để hỏi về việc gia đình và việc kiện cáo. Lúc đầu cho một người thanh niên nông dân không biết chữ ngồi cầm kê thì không viết ra chữ gì cả, sau cho cháu ngoại ông đồ là cậu học sinh Nguyễn Ngọc Tinh ngồi thì kê viết thành câu thơ “Triều Bích Thủy mộ Thương ngô. Đi về có thánh Không lồ giao du.” Từ đó người ta tin rằng có tiên bạn của thánh Không lồ linh ứng, nhiều người đến xin chữa bệnh. Sau khi thi hương khoa Mão (1915) hòng, ông Tinh 19 tuổi về nhà dạy học và tham gia hoạt động đầu tiên của đàn. Bảy giờ ông đã nhờ được một ông bạn của ông ngoại có tham gia Đông du cho xem sách *Trung Quốc hồn* của Lương Khải Siêu cho nên thơ ca do ông cầm kê được giảng có thêm nhiều ý nghĩa ái quốc, và đàn tiên ở nhà ông ngoại ông trở thành một đàn lớn có tiếng trong địa phương. Đến năm 1923, thì các tiên thánh trong khoảng tháng 9 và tháng 10 âm lịch giảng bút những bài thơ ca họp thành một quyển kinh đặt tên là *Đạo Nam kinh* do chính ông Tinh chấp bút. Thơ ca giảng bút ra bài nào thì được khắc ván in ngay tại đàn, thiện nam tín nữ đến xin kinh (phải cúng giấy và đèn sáp chứ không phải nộp tiền) đem ngay tấp nập. Bản kinh ấy từ đầu đến cuối gần một trăm tờ chia làm hai tập Càn và Khôn. Tập Càn nhằm khuyên

sĩ nông công thương, tập Khôn nhằm khuyên phụ nữ về tam tòng tứ đức, bài nào cũng thấm thía một tinh thần ái quốc dạt dào. Kinh này đã được ông Đỗ Nam Nguyễn Văn Ninh, một người cũ của phong trào Đông du làm thuốc ở Sài Gòn phiên âm ra quốc ngữ mà nhờ nhà in xưa nay in để phát hành ở Nam kỳ.

Đó là tình hình thành lập và hoạt động của một thiện đàn do chính một trong những người phụ trách trực tiếp thuật lại với tôi. Còn cách tổ chức của thiện đàn thì tôi ghi lại đây những điều được trình bày tỉ mỉ trong bản *Thiên thu kim giám chân kinh* của Hướng Lạc Hợp Thiện đường phố Phù Liên tỉnh Thái Nguyên được giáng bút năm 1911: trước hết là Quan thánh đế quân giáng thơ và cáo thị rằng: Hôm trước ở cuộc họp quần chân tại hội Sùng Ninh thấy Trần Đại Vương (Hưng Đạo) dẫn Phạm Trấn Đàn (Ngũ Lão) đến xin giáng phúc cho đàn này, ta cùng Văn Lã Nhị đế (Văn Xương và Lã Động Tân) đệ tâu (Ngọc Hoàng) ở điện Thống Minh, được châu phê sắc cho các vị âm tướng giáng cho một bộ kinh *Thiên thu kim giám*.

Văn Xương đế quân chỉ thị cách bày đàn:

Phía trên hết chính giữa đặt tôn vị Ngọc Hoàng.

Ngoài cửa cấm môn đặt hương án thờ các vị thần ở điện Thống Minh và các bộ Tam cung phối theo.

Bên tả ở ban trên thờ Trần Vương (Hưng Đạo), Đồng Vương (Phù Đồng Thiên vương), ban giữa thờ Tân Viên thần, Lý Tôn thần (Lý Phục Man); ban dưới thờ Nhị thập bát tú.

Bên hữu ở ban trên thờ Dao Trì Vương mẫu; ban giữa thờ Quan Âm bồ tát và Văn Hương thánh mẫu

(Liễu Hạnh); ban dưới thờ các công chúa (các nữ thần phụ theo thánh mẫu) nước Nam phối theo.

Ngoài sân bày một hương án để thờ các thần trung nghĩa âm dương (trai gái)

Kê bút thì dùng một cành đào mọc ở phương đông, dài 3 thước, chu vi 3 tấc, đầu lấy ba vuông sô vàng bọc lại, trên xuyên một lỗ lấy tơ ngũ sắc bện dây xâu qua cho hai đầu hai bên, mỗi bên tả hữu cho một tiểu đồng cầm đầu dây. Ở dưới bút đặt cái long kỷ cao 3 thước, trên kỷ đặt bàn gỗ đào bọc vải đỏ, duy trước mặt chừa một lỗ nhỏ.

Quan Thánh để cầm thanh long đao đứng hầu bên kê bút để nhận chữ (viết trên gạo hay cát đổ trên bàn gỗ đào)

Văn, Lã nhị vị đứng hầu tả hữu.

Bên hữu cửa cầm môn Đồng Vương cầm gươm dài đứng hầu.

Cách bài trí các đàn khác đều là đại đồng tiểu dị. Như đàn Hạc Châu thì không cho hai đồng tử cầm hai đầu dây của kê bút mà lại chỉ cho một người cầm kê bút mà vạch chữ gọi là chủ bút, bên cạnh là một người thị đọc đọc chữ trên gạo, một người thị tả nghe đọc chữ gì thì viết chữ ấy lên giấy và một người chính tả viết rõ lại để đưa sang nhà bên cho thợ khắc mà in ngày.

Xem hình thức như trên thì việc giáng bút là một hoạt động vốn có tính chất hoàn toàn tôn giáo. Các vị tiên thánh giáng bút thì hoặc là thiên thần, tức là các thần do óc mê tín và trí tưởng tượng của nhân dân Việt Nam hay Trung Quốc tạo nên, hoặc là những danh nhân

đời xưa do nhân dân thờ kính mà tôn làm thần, do đó có thể khẳng định rằng chuyện giáng bút là chuyện hoang đường. Thế thì có phải các nhà nho ái quốc đã lợi dụng một cách có ý thức hoạt động tôn giáo để che đậy ý đồ của mình, tức là nguy trang hoạt động chính trị của mình thành hoạt động tôn giáo để che mắt quân thù không? Nếu vậy thì những thơ ca giáng bút đây, hoặc là do người ta làm sẵn cho người chấp bút và người phụ trách học thuộc lòng để khi làm lễ thì cứ thế mà viết ra và đọc ra, hoặc giả là do chính người chấp bút hay người phụ trách đọc tự sáng tác ngay lúc ấy mà tức tịch viết ra hay đọc ra (có người cho rằng chữ viết trên gao khó đọc, người đọc muôn đọc ra chữ gì cũng chẳng ai biết mà kiểm tra), chỉ cốt mượn tiếng quý thần tiên thánh mà gây thêm lòng tin tưởng cho quần chúng.

Nhưng xét thực tế thì cả hai trường hợp ấy đều có thể loại trừ. Thứ nhất xét trong thực tế không có người nào, trong điều kiện bình thường mà có thể tức tịch ứng bút thành thơ thành ca thao thao bất tuyệt, mà có những câu hay những bài có thể đặt vào loại văn rất hay được. Nếu quả có người làm được như thế thì người đó cũng là “tiên” là “thánh” rồi, nhưng tiên thánh thực tế làm gì có! Như thế là trường hợp thứ hai có thể loại trừ. Nếu là thơ ca làm sẵn thì lại có một điều khó hiểu là xét nội dung các bài có nhiều khi thấy rằng thực tế trong số những người tham gia thiện đàn không ai là có thể có những kiến thức và tư tưởng cùng là văn khí như ở trong thơ ca ấy. Hãy xem trường hợp ông Nguyễn Ngọc Tinh viết *kinh Đạo Nam*. Ông Tinh là người nho học đi thi hỏng trường nhất thì thôi học, Hán học của ông kể cũng còn yếu, sách Lão học thì ông chưa từng được đọc,

mà sách Tân thư thì ông cũng chỉ mới đọc sách *Trung Quốc hồn* của Lương Khải Siêu thôi. Thế mà xem kiến thức trong kinh ấy thì phải là người hiệp thiệp Kinh Sử cùng Dịch Lão và đọc nhiều Tân thư mới làm nổi. Kinh ấy có thể xem như một tác phẩm tổng hợp về kiến thức và tư tưởng mới của giới nho học cả một thời mà thực tế trong điều kiện bình thường ông Nguyễn Ngọc Tỉnh không làm nổi, chính ông cũng tự nhận như vậy. Khi tôi được gặp ông và cộng tác với ông mấy năm ở Viện Sử học thì ông đã gần bảy chục tuổi rồi, nhưng còn rất sáng suốt nên vẫn làm công tác phiên dịch. Ông là người rất chất phác, hiền lành, thật thà “như đếm”, đã từng tham gia cách mạng và ở tù nhiều lần, lần đầu vào năm 1929 sau khi chính quyền thực dân đến xét nhà và tịch thu tất cả những tập sách và bản khắc gỗ in kinh *Đạo Nam*, lần thứ hai vào năm 1930 vì tội gia nhập Đông Dương Cộng sản Đảng bị đày đi Côn Lôn đến năm 1936 thì về, lần thứ ba vào năm 1939 bị đày Sơn La đến năm 1940 thì về, ở nhà dạy học để bí mật phục vụ cách mạng. Những điều ông nói với tôi về thiện đàn, tôi không có lý do gì mà ngờ rằng ông không nói thật. Ông bác bỏ tất cả những nghi vấn như tôi đã trình bày trong hai trường hợp trên kia. Tôi hỏi đối với tiên thánh thì ông nghĩ thế nào và trong khi cầm kê thì tâm trạng của ông là thế nào, ông nói rằng đối với tiên thì ông xem là có có không không, không nghĩ là có thật nhưng cũng không phủ nhận hẳn. Khi cầm kê ông vẫn tỉnh táo và vẫn biết những việc xảy ra xung quanh, duy khi đọc văn cầu nhĩp điệu du dương và ngửi mùi hương mùi trầm bát ngát thì đầu có hơi choáng như uống một chén rượu và cảm thấy có cái gì cứ đưa tay mình ở trên mâm cát chứ

tự mình không biết chữ gì. Song khi nghe đọc chữ gì mà mình biết là không đúng thì cái tay tự nhiên cũng có cái gì mình không tự chủ được cứ đưa kê gạch ngang gạch dọc mà xô đi, đến khi nào đọc đúng chữ thì mới khuyên để nhận là đúng. Ông lại nói rằng, sau buổi lễ mà đọc những bài ghi được thì có những điểm tự ông không hiểu, có khi phải tra cứu lâu mới rõ nghĩa, và ý tứ thì có những điều ông chưa hề nghĩ đến bao giờ. Nhưng một điều nên chú ý là nếu người cầm bút mà không biết chữ thì có khi vạch không ra chữ, có khi thành chữ nhưng không thành câu kéo gì, chỉ người có học, có biết làm thơ đôi chút thì mới viết thành thơ được, duy thơ ca giảng bút hay hơn thơ người ấy thường làm nhiều. Ông Tinh vốn có khiếu làm thơ, thơ của ông có nhiều câu cảm khái và nhẹ nhàng, có duyên nhưng nội dung thường cũng chẳng có gì là độc đáo cụ thể, thế mà thơ ca của ông viết khi cầm kê thì về hình thức cũng như về nội dung trội hơn nhiều. Như vậy là nghĩa lý gì?

Trong việc cầm kê và giảng bút thường thấy trong xã hội cũ, có không ít trường hợp kẻ vô lương lợi dụng lòng mê tín của nhân dân mà bày trò lừa bịp để kiếm ăn. Nhưng trong những trường hợp có ý nghĩa chính trị tôi nhắc ở đây, tôi không tin rằng có việc lừa bịp như thế. Vậy thì sự thực là thế nào? Nên nhớ rằng người cầm kê phải biết chữ ít nhiều và cũng có biết làm thơ, dù là thơ dở thì mới có việc giảng bút thành thơ ca được, duy thơ ca giảng bút so với tình hình bình thường của người ấy thì làm mau hơn và hay hơn nhiều. Những kiến thức và tư tưởng trong thơ ca ấy nếu không phải riêng người cầm kê có được thì cũng phải là kiến thức và tư tưởng của mọi người có mặt ở đây có thể có và nếu như người

có mặt ở đây không có đủ được thì cũng phải là kiến thức và tư tưởng của những người khác ở đương thời mà chính bản thân người cầm kê và những người trí thức có mặt ở đây đã từng tiếp xúc rồi. Có thể là trong không khí có tính chất tôn giáo đặc biệt bấy giờ, phần nhiều vào lúc nửa đêm hết sức thanh vắng, giữa mùi hương trầm bát ngát, trong điệu văn cầu du dương, cái không khí dễ gây cảm xúc đặc biệt đã tạo cho người cầm kê một tâm thái đặc biệt khiến cái mà người ta gọi là tiềm thức hay cái thức gì đó của người cầm kê và của mọi người có mặt ở đây hoạt động thế nào mà kết quả khiến năng lực sáng tạo văn nghệ của người cầm kê đã tăng lên bao nhiêu và hình như phản ánh được cả bao nhiêu kiến thức tư tưởng của hoàn cảnh và thời đại mà trực tiếp hay gián tiếp họ đã có thể tiếp xúc, có khi là một cách ngẫu nhiên và vô ý thức (những cái chưa ai từng thấy, từng nghe, từng nghĩ trong xã hội đương thời thì không hề có trong thơ ca giáng bút). Tôi nghĩ đây không phải là một hiện tượng thần bí gì chỉ là một hiện tượng tự nhiên mà khoa học chân chính tức khoa học trên cơ sở duy vật chưa giải thích hay xem là đối tượng nghiên cứu cũng như bao nhiêu hiện tượng tự nhiên khác. (Các nhà khoa học và triết học tư bản duy tâm đã nghiên cứu từ lâu những hiện tượng tương tự ở phương Tây nhưng vẫn chưa tìm được đáp án thoả đáng). Hiện tượng ấy cố nhiên là tôi không thể cắt nghĩa được, cứ xin ghi lại một cách khách quan để chờ khoa học khám phá sau này.

Trở lại câu hỏi tôi đặt ra ở trên kia, tôi nghĩ rằng đây chính là chuyện một số văn thân ái quốc, không thể truyền bá tư tưởng mình một cách công khai cho nên

vốn có ý thức lợi dụng hoạt động tôn giáo này mà làm việc tuyên truyền. Nhưng việc lợi dụng tôn giáo ở đây không giống với việc Hồ Chủ tịch từng làm ở Xiêm, lợi dụng cơ hội đồng bào ta tụ họp lễ Đức thánh Trần, làm bài ca ca ngợi sự nghiệp Đức thánh Trần cho người ta đọc trong khi cúng lễ, do đó mà truyền bá tinh thần yêu nước, biến một hoạt động vốn chỉ có nội dung tôn giáo mê tín thành một hoạt động có nội dung chính trị. Ở đây thì người lợi dụng hoạt động tôn giáo không đến nỗi như người mê tín cầu phúc thông thường, nhưng cũng tin là có tiên thánh giáng bút thật, cho nên trong khi muốn lợi dụng tôn giáo thì lại bị tôn giáo hấp dẫn mà tác động trở lại khiến ý thức lợi dụng lúc đầu đã bị chìm ngập vào không khí tôn giáo thực, kèm theo ý nghĩa chính trị. Trong các bộ kinh giáng bút này, phần sáng tác của người cầm kè cố nhiên là có, nhưng đồng thời phải nhận là có sự tham gia của tập thể một cách hơi lạ lùng. Có thể xem đây là những tác phẩm văn học dân gian độc đáo có lẽ ít thấy ở các nước khác và rất đáng được nghiên cứu.

Bây giờ tôi muốn ghi một ít câu, một ít bài có ý nghĩa yêu nước lượm lặt rải rác trong các sách kinh nói trên và cuối cùng sẽ xin giới thiệu kỹ hơn bản kinh *Đạo Nam* do ông Nguyễn Ngọc Tinh chấp bút, để cung cấp một số tài liệu đặc biệt cho các nhà nghiên cứu phong trào ái quốc ở khoảng đầu thế kỷ XX và các nhà nghiên cứu văn học dân gian.

*

* *

Điểm hoà chân kinh của đàn Miến Thiên đường tại Gia Lâm Hà Nội (1908).

Đệ nhất thánh mẫu giảng bài ca “cứu sinh” có đoạn:

“Ngậm ngùi thay! Thiên địa hiếu sinh, mà nhân thế tự mình tác nghiệt. Đẻ đến nỗi tai ương yếu chiết; lại kêu rằng trời ghét lũ ngu dân. Há biết rằng thân lại buộc thân, như lặn xuống suối ai lần được ra! Mẹ vay mượn ngọn bút hoa, bảo cho con biết đường ra lối vào.”

Phạm tướng quân (*Ngũ Lão*) giảng ca “Khuyến trung hiếu” có đoạn:

*“Việc ái quốc dùi mài trong dạ,
Chữ trung trinh vàng đá ghi lòng.
Cối Nam bang quyết chí xoay vòng.
Trong cảnh thổ há dung quân tâm thực!”*

Hoàng tổng đốc (*Diệu*) giảng bài từ “Tình thế thái” có đoạn:

*“Trung hiếu nhẹ vai, công danh đầy túi,
Như cua trong sàng, như ma buổi tối,
Cay nghiệt mất tình, gian tham đến nỗi.
Lòng dục lừa hồng; gan ngoan sắt nguội...
Bắt rắn cắn gà, khoe tài khoe giỏi.
Kẻ muốn công hầu, đau đầu mỗi gối
Dắt voi giày mả, không dờ không mả...”*

Nguyễn Chí Sĩ (*không rõ tên*) giảng bài ca có đoạn:

*“Giang sơn bất thiếu anh hùng khách,
Biết cùng ai mà vạch mối trung can.
Ngành vườn xuân xấp xới hoa tàn,*

Cơ thể sự biết bàn cùng ai được!

Nào những kẻ văn tài võ lược?

Dạ băng khuâng trông trước lại trông sau...

Hồi xuân quốc âm chân kinh của đàn Phở Thiện xã Xuân Kỳ huyện Kim Anh tỉnh Phúc Yên (1910).

Dao Trì vương mẫu giảng ca:

“Cứ trong lịch sử mà suy, kể từ Đinh Lý Trần Lê đến giờ. Ngã quốc tổ Triệu cơ dĩ cố: nhì quốc dân Á mộ Âu triều. Vạc sôi bốn bể lộn pheo, nhác trông cái hội phong triều mà ghê! Sơn hải ngoại hàng thế hữu thuật; lâm tuyền trung ẩn dật đa tài. Nhưng mà ai đã biết ai? Mùa trồng hoa nở ngang trời bay cao. Ai đã biết hoa đào điểm nhụy? Ai đã hay mụ lý mà thơm? Ai vun cây cúc miền Nam? Dẫu rằng khí chương sơn lam chẳng chùng... Ngán cho người không nhớ chữ quốc dân, sao nở để cái thân làm nô lệ! Tuỳ tự nghĩa ư diên bá lưu ly chi tế? Thệ bất vong đài lệ sơn hà. Nước non vẫn nước non nhà; nhân dân thành quách sao mà khác xưa? Chị em nghĩ lại cho chưa?”

Ở sau có thơ và bài phú “Mẫn thời” của Trung bá vương (Trắc) cùng bài phú “Ưu thế” của Trung thứ vương (Nhị).

“*Thiên hoa phóng nhụy nam âm chân kinh*” của Trung Thiện Đường xã Lương Thiện huyện Việt Yên tỉnh Bắc Giang (1911)

Hoàng tổng đốc (Diệu) giảng thơ:

“Hồi khách anh hùng cõi nước non,

Trong vòng danh lợi ấy ai khôn?

Tạc gan tiết nghĩa non Nùng vững;

*Rửa dạ trung trình nước Nhị tuôn,
Một khắc chia vành duyên trắng hăm;
Trăm năm càng tỏ giá vàng son
Màu hoa gọi lại xuân thành khách,
Ngọc điệp kim chi chờ để mòn.*

Bào xích tục biên chân kinh của Phổ Thiên đường xã Thượng Tâm huyện Thái Ninh tỉnh Thái Bình (trùng san ở Hội Thiện đường huyện Gia Lộc tỉnh Hải Dương năm 1912).

Đệ nhất thánh mẫu giảng thơ có đoạn:

“Giống vàng nghê đến, bấy lâu nay bận cánh xe loan; con đồ thương vì, nào mấy lúc yên mình gác tía. Chữ đàn này nôm đàn khác, kẻ nghìn kinh dạy đã đủ rồi; giảng chỗ nọ tuyên chỗ kia, đọc muôn quyển nghe không đâu cả...”

Đệ tam thánh mẫu giảng bài ca “Bào xích” rằng:

*“Ngao ngán nhẽ thuyền từ vượt cạn,
Thương giống vàng đau đớn lòng son.
Bấy lâu tròn mẹ vuông con,
Chôn nhau cắt rốn nước non Lạc Hồng.
Cùng trăm trứng nở trong một bọc,
Dầu dưới trên cũng khúc ruột rà.
Cùng xương cùng thịt cùng da,
Cùng đàn dân nước một nhà như con.
Đoàn nháo nhúc nghìn muôn ức triệu,
Con cái thơ lự đự tương tuồng.
Cửa Nam nhà Việt bể bồng,*

Chong đàn Dục Chấn, quây buồm Bình Sơn.
Trời Tây nắng đương con héo cò,
Mẹ ra công quạt gió phun mưa.
Một mình đi lại sớm trưa,
Thiện đàn chiếu mát, thiện thư vông đào...
Cắm đồ sắc chơi dao chẳng thả,
Răn từ yên thủy hoà giữ gìn.
Mùi cay vật độc bắt kiêng,
Tham sân si ái phải kiêng kiêng xa.
Góm mây vốn con nhà lông cánh,
Việc dạ cung ngày đóng một ngày.
Giang sơn rồi đáy của mây,
Bắc Nam muôn dặm mặc tay vẫy vùng...
Mây có biết hay mây không biết,
Cực ta sao khổ thiết ta sao!
Trên đầu thử hỏi cao cao,
Đâu nào Nùng Tản, đâu nào Nhị Lô?
Mẹ nào muốn con hư con đại,
Có mộ từ nghĩ lại mới hay.
Họa may mở mắt mở mây,
Trai mây hào kiệt, gái mây trượng phu.
Lạy trời đất phúc cho lành tốt,
Mở lòng trung ngày một ngày khôn.
Một mai nhà cửa nước non,
Mừng con loan phượng, mừng con mây rồng.
Có nuôi con mới biết lòng."

Đạo Nam kinh của Hưng Thiện đàn xã Hạc Châu phủ Xuân Trường tỉnh Nam Định (1923) bắt đầu từ đêm 13 tháng 9 âm lịch đến 16 thì xong tập Càn, sang tháng 10 thì in lại thành quyển. Tập Khôn thì giáng bút trong tháng 10, sang tháng 11 thì in lại thành quyển.

Đây là bản kinh quốc âm cuối cùng trong các kinh quốc âm có ý nghĩa tuyên truyền tư tưởng ái quốc mà tôi được biết.

Tập Càn mở đầu là thơ của Chu tướng quân (Chu Xương, đệ tử của Quan thánh):

*Phảng phát hồn trung trái bấy nay,
Long đao ngang dọc mùa luôn tay.
Theo đòi chẳng quản trời Nam Bắc,
Sống thác nào quên nghĩa tổ thầy.
Căm kẻ gian hùng gan vẫn tím,
Ném mùi chính khí lưỡi còn cay.
Nay vâng đế mệnh đưa thư xuống,
Vừa ở Sông Sơn mới đến đây.*

Tiếp đến mấy bài nói chuyện báo tin liệt thánh sẽ giáng kinh *Đạo Nam*, bài đàn quy rồi đến bài thơ đầu tập là:

*Nặng mấy non sông một khối tình,
Nỗi niềm ai kẻ biết cho mình?
Đôi tay gấm dệt đôi hàng chữ,
Chín khúc tơ vò một bộ Kinh.
Vơ vẩn năm canh hồn cổ quốc,
Mơ màng muôn kiếp mộng phù sinh.*

Tấm lòng thương giống rồng tiên lắm,

Nặng mấy non sông một mối tình.

Sau đến bài tiêu dẫn, cùng bài tựa của thánh mẫu như sau:

Tựa rằng: Sông Nhị núi Nùng, nước bốn nghìn năm vẫn hiển; con Hồng cháu Lạc, dân hai mươi triệu đồng bào.

Trời báu của xinh, bể bạc rừng vàng, đồ sản vật một miền Đông Á; đất thiêng người giỏi, trai tài gái mạnh, tiếng anh hùng lừng cội viêm phương.

Trẻ con kia ông Đồng Thiên vương, ngựa sắt xông trời, dẹp Ân tặc mà báo thù cho nước, đàn bà nọ là Trưng nữ chúa, quần hồng đua sức, đánh thẳng Tô mà trả nghĩa cho chồng.

Rừng Chi Lăng Lê Thái Tổ dấy quân, đầu Liễu Thăng treo ngược mũi gươm thần, giặc Minh ấy gà vừa phải cáo;

Sông Bạch Đằng Trần đại vương ra trận, máu Ô Mã đầy dòng nước bạc, quân Nguyên kia chim đã sợ cung.

Ấy những người hào kiệt anh hùng, mượn ngòi bút giải bày sơ lược, còn những kẻ nhân nhân chí sĩ, ở sử xanh chép kẻ muôn nghìn.

Hỡi ơi! Gương trước chưa mờ, chuyện xưa còn nhớ.

Kìa thành Thăng Long, kìa núi Ngũ Hồ, nước non vẫn nước non nhà?! Nay họ Hồng Bàng, nay tổ Lạc Long, dòng giống nguyên dòng giống cũ.

Xưa sao thế mà nay sao thế, toan vạch trời hỏi một đôi câu; khôn đường sao mà đại đường sao, để cực mẹ đến trăm nghìn nỗi.

Chua xót lắm, cay đắng lắm, tâm sự này biết ngò cùng ai; đau đớn thay, khổn khổ thay, cơ sự ấy vì đâu nên nổi.

Thôi chi tại: Vụng cơ khai hoá, gió chiều chẳng biết che chiều; cam phận ngu hèn, nước yếu không ngờ rằng yếu.

Cầm cổ thác trong vòng nô lệ, mối kinh luân còn vắng mặt trượng phu; liếc mắt trông một dải non sông, vòng danh lợi chỉ rệt tay thiếp phụ.

Sung sướng kẻ cơm vua áo chúa, về cân đai riêng lấy một mình; khó nhọc người chân lấm tay bùn, phận cày cuốc biết đâu việc nước.

Kỹ nghệ một chút gì chẳng học, chỉ khéo tay dán giấy bôi hồ; văn minh nửa bước chưa rồi theo, đã tài ngón bói lông tìm vết.

Người như thế khôn ngoan như thế, thôi cuộc đời còn dám nói chi; lòng thế kia ăn ở thế kia, mong vận hội làm nên sao được.

Nói ra thêm dơ miệng, cơ thịnh suy đừng đồ tại trời, nín ất chẳng yên lòng, sự khôn dại mong còn nhờ thánh.

Rày vâng mệnh chín lần trao xuống, kinh Đạo Nam ngọc chuốt vàng trau; thực nhờ ơn ba đẳng thương cho, dân Hưng Thiện hoa thù gấm dệt.

Lò trời hun đúc, rèn thép đánh nên bộ văn chương; bút thánh điểm tô, vẽ son phần vào pho nghĩa lý.

Chớ bảo nôm na cha mách qué, tai không nghe lòng không nghĩ, mặt cương thường thêm thẹn máy non

sông, dẫu loe choẹ cũng mẹ với con, lòng ân ái vẫn sánh cùng trời đất.

Rày con nên nghĩ lại, nước có nguồn cây có gốc, ngắm xem gương trước làm sao? Để mẹ vẫn mong cho, cá gặp nước rồng gặp mây, tơ tưởng hội sau nhiều lắm.

Trời còn đây đất còn đây, giang sơn rồi lại của con; sông chưa cạn núi chưa mòn, hương lửa còn thơm tiếng mẹ.

Nay tựa.

Lại đến một bài hịch, một bài thoại, một bài tán, một bài thơ.

Đến phần chính văn của kinh, tập Càn gồm 10 chương:

- I. Quảng học văn (Mở rộng học văn).
- II. Minh luân (Rõ luân thường)
- III. Khuyên can nghề nghiệp (Khuyên siêng nghề nghiệp)
- IV. Tiết tài dụng (Tiết kiệm của dùng)
- V. Cách hủ tục (Đổi hủ tục)
- VI. Tu thiện đạo (Tu đạo làm thiện)
- VII. Quảng giao thiệp (Mở rộng giao thiệp)
- VIII. Hợp đoàn thể (Tổ chức đoàn thể)
- IX. Trọng chủng loại (Trọng giống nòi)
- X. Ái quốc (Yêu nước)

Mỗi một chương, sau lời chính văn theo thể lục bát đều có ghi thêm lời phê duyệt của Quan Thánh cùng những bài thơ bài ca của các tiên thánh dường như đề chú giải bài chính văn. Ví dụ chương *Minh luân*, sau lời chính văn theo thể song thất lục bát, thì có thơ của

Thanh Nương công chúa và năm mục ngũ ngôn: Từ ô phản bộ, Chủ mã cách ngôn, Tích linh cấp nạn, Nghĩa điều tự tình, Hữu điều cầu thanh (Quạ con nuôi mẹ, Chủ với ngựa, Chim di cứu nạn, Chim cu tự tình, Chim bạn tìm tiếng), năm mục này theo thể ca. Cuối cùng là bài thơ của Dao Trì vương mẫu.

Chương Cách hủ tục thì sau lời chính văn có thơ của Hồng Nương thị nữ và bốn mục tiểu thuyết về tục cúng tế, tục hôn nhân, tục thờ nhâm, tục ma chay. Cuối cùng là bài thơ của Quan âm.

Chương Quảng giao thiệp thì sau lời chính văn có thơ của Quế Hoa công chúa, rồi đến ba mục Gia tộc giao thiệp, Xã hội giao thiệp, Thế giới giao thiệp. Cuối cùng là thơ của Nguyên từ quốc mẫu đời Trần.

Sau mười chương thì có bài bạt và nhiều bài khác, theo thủ tục kết thúc. Cuối cùng là bài biểu tạ của Vân Hương đệ nhất thánh mẫu bằng chữ Hán.

Tập Khôn thì trước hết có thơ mở đầu của Vân Hương Đệ nhất thánh mẫu, bài văn tiểu dẫn, bài ca tự tình của Bút đào, bài tựa, bài hịch, bài thơ của Đệ nhất thánh mẫu.

Chính văn gồm bốn chương về đạo tam tông: tông phụ, tông phu, tông tử, mỗi chương đều có thơ và chính văn theo thể song thất lục bát.

Chương *Tông phụ* sau lời chính văn có thơ của Thượng Ngàn công chúa cùng bốn bài ca về công dung ngôn hạnh.

Chương *Tông phu* thì sau chính văn có thơ của Bạch Hoa công chúa và mười mục: Thờ tổ tiên, thờ cha mẹ

chồng, kính chồng, theo phép thai giáo, nuôi con cái, chọn dâu rẻ, sửa trị buồng khuê, bao dung hầu thiếp, rộng với nô tì, tiếp đãi khách bạn, đều theo thể song thất lục bát.

Chương *Tòng tử* thì sau chính văn có bốn mục: Giữ tiết dạy con cháu, không yêu riêng, nên tu hành, đều theo thể liên hoàn bảy chữ.

Rồi đến bài bạt của tập *Khôn*.

Cuối cùng là bài tổng bạt của hai tập, theo thể ca trù, cứ hai câu nôm lại xen hai câu chữ và bài tổng luận ca kinh:

Đạo Nam ôi! Đạo Nam ôi!

Trăm năm nghìn kiếp ra đời là đây.

Ai đưa mình đến chốn này?

Cho đêm mỗi hạc cho ngày bận loan.

Văn chương thơ chút hơi tàn,

Máu đông nên chữ, lệ tràn ra thơ.

Thương đời mà ngán mà ngơ,

Ruột tằm chín khúc vò tơ trăm vòng.

Cành đào vương mối chi hồng,

Càn khôn một túi tác lòng ngổn ngang

Não nùng nước thảm nhà thương,

Năm canh một khối nhiệt trường khôn nguôi.

Đất bằng sét dậy lưng trời,

Khua vang giấc mộng mong đời tình ra.

Ca mà khóc, khóc mà ca.

Tình trong quốc nước gia nhà ai ôi!

*Bây giờ nói đã cạn lời,
Nỗi niềm thương đến giống nỗi đầy thôi.
Sau rồi tới hội thái lai,
Dấu van cũng kệ dấu mời cũng thay.
Bấy lâu viết đã chán tay,
Tắc riêng vì nước non này hóa ra.
Sau rồi gặp hội thái hoà,
Bút đào ai vẽ, mâm sa ai nhìn!
Có tin thì dốc lòng tin,
Kéo hoà giấy viết mực in mãi mà.
Lạy trời thương đến nước nhà,
Hộ phù dân trí khai ra dần dần.
Phong trần đổi mấy phong vân,
Cho phu lòng thánh lòng thần bấy nay.
Non sông mở mặt mở mày,
Á Đông biết tiếng Âu Tây biết người.
Gặp nhau ta sẽ cả cười,
Tạ lòng xin nói mấy lời cho cam.
Đạo nam này hồi Đạo nam!*

Về hình thức thì kinh này gồm rất nhiều thể thơ văn: thi phú, thơ thủ vĩ ngâm, thơ liên hành, lục bát, song thất lục bát, phong dao, ca trù, hát xẩm, gửi thư, từ khúc, cho đến cả thể ngụ ngôn tiểu thuyết bằng văn xuôi.

Về nội dung thì nó phản ánh một chương trình tuyên truyền rộng rãi, từ các vấn đề yêu nước thương nòi, lập đoàn thể cho đến các vấn đề khai trí trị sinh, trừ

hủ tục, đến cả các vấn đề giáo dục phụ nữ, tương đương với các vấn đề chủ yếu do Phan Bội Châu đến năm 1928 sẽ nhắc lại trong hai tập sách nhỏ *Nam quốc dân tu trí* và *Nữ quốc dân tu trí*. Có thể nói đây là tác phẩm tập đại thành tất cả những tư tưởng của giới nho học tiên bộ trong phần tư đầu thế kỷ XX về đủ mặt đạo đức, chính trị, xã hội, kinh tế, một tác phẩm do ông Nguyễn Ngọc Tinh là chủ biên với sự tham gia dưới một hình thức độc đáo, đặc biệt, hơi lạ lùng của tập thể.

Ông Nguyễn Ngọc Tinh kể lại rằng trong thời gian giảng bút và ấn hành bản kinh này thì lý trưởng và phó lý xã Hạc Châu sợ liên lụy nên đã báo cáo cho quan lại sở tại. Chính quyền thực dân giao cho Bùi Bằng Đoàn bảy giờ làm tri phủ Xuân Trường điều tra. Bùi Bằng Đoàn cho vợ có sai nha đi theo đến dân để thử, viết một tờ sớ bỏ vào phong bì kín. Hàng ngày khách thập phương qua lại để lễ và xin kinh rất đông, nhiều người sang trọng, cho nên chẳng ai để ý đến đó là bà phủ Xuân Trường. Theo lệ thì người đến lễ đặt phong bì kín lên bàn thờ, thánh phải giảng bút chỉ tên người ấy, có đúng thì người ta mới tin. Thánh bèn giảng bút ngay cho một câu thơ rằng:

Côn dục thiên trùng thương hải ngoại,

Bằng đoàn vạn lý từ tiêu gian.

Thế là chỉ rõ tên Bùi Bằng Đoàn ra bằng một câu thơ, mà các nhà nho học giỏi đều nhận ra rất hay, bình thường khó có người tức tịch làm được, huống chi là người cầm kê đây là người sức học cũng tầm thường.

Bùi Bằng Đoàn do đó tin là có tiên thánh giảng bút thực, báo cáo lên tỉnh rằng đó là việc tôn giáo thực chứ

không phải là hoạt động chính trị như hương lý báo. Sau đó Án sát Nam Định là Mai Toàn Xuân cũng cho vợ đến lễ để đặt phong bì kín và thử như thế. Bùi Bằng Đoàn là người nho học có tiếng nên được giảng bút một câu thơ chữ. Mai Toàn Xuân xuất thân là bồi tây nên ít học, chỉ được giảng bút một câu thơ nôm, nhưng cũng vạch rõ cả ba chữ họ tên như vẽ ra:

Đầu cành mai mới điểm hoa,

Non sông bốn bể đâu mà chẳng xuân?

Sau đó tỉnh báo cáo lên Thống sứ rằng đây chỉ là một hoạt động tôn giáo, không nên ngăn cấm. Vì thế mà bản kinh in xong vào mùa đông năm 1923 được phát hành ở Bắc kỳ rồi sau đó được phát hành bằng quốc ngữ ở Nam kỳ. Các mùa hè năm 1924, 1925, 1926 ông Nguyễn Ngọc Tinh đều được Đồng Lạc khuyến thiện đàn ở Nam Định mời đến giảng kinh Đạo Nam cho tín đồ của đàn ấy nghe. Nhưng đến năm 1929, trong cuộc đàn áp đối với các đảng bí mật tiến hành ở khắp ba kỳ, chính quyền mới soát nhà tịch thu tất cả bản kinh còn lại và các tấm ván in để huỷ đi và bắt đàn chủ là ông Nguyễn Đức Kinh và chủ bút là ông Nguyễn Ngọc Tinh làm án giám.

(NHỚ NGHĨ CHIỀU HÒM

HỒI KÝ ĐÀO DUY ANH

NXB TRẺ 2000)

KINH
ĐẠO NAM
(TẬP CÀN)

ĐÀN THIỆN HÙNG

ĐẠO NAM
CÀN TẬP

ĐẠO NAM KINH

***CỐ TƯỚNG QUÂN GIÁNG THI*¹**

- (1) Pháng phát hồn trung trái bấy nay,
Long đao ngang dọc múa luân tay.
Theo đòi chẳng quản trời Nam Bắc,
Sống chết nào quên nghĩa tứ thầy.
Cầm kè gian hùng gan vẫn tím,
Ném mùi chính khí lưỡi còn cay,
Nay vâng đế mệnh đưa thư xuống,
Vừa ở Sông Sơn mới đến đây.

¹ *Cố tướng quân*: là Chu Xương, đệ tử của Quan Thánh (theo lời chú của học giả Đào Duy Anh).

[LỜI] THOẠI¹

Phiên âm:

Kim nhĩ Đàn ân mông liệt thánh chuẩn giảng Đạo Nam kinh. Thị Kinh dã, từ nghiêm nhi chính, nghĩa giản nhi ba, bất năng quán tiền giả chi các kinh văn, nhiên diệc túc sử nhân ca, sử nhân khắp, sử nhân oán, sử nhân mộ. Hữu bất khả dĩ chi ẩn tình, thực nhĩ Đàn chi đại hạnh dã. Nhi đương thế chi nhất đại cơ quan, nhĩ đắc hà bất giới chi?

Đàn Qui

(2) Dịch nghĩa:

Nay Đàn này đội ơn được các vị liệt thánh chuẩn giảng bộ kinh Đạo Nam.

Bộ Kinh này lời nghiêm mà nghĩa chính, giản dị mà tươi đẹp. Không thể đứng đầu mọi kinh văn từ trước, nhưng cũng đủ để cho người ta ca, người ta khóc, người ta oán, người ta mộ... Nếu có nỗi ẩn tình thì Đàn này là một may mắn lớn.

Vậy thì là then chốt quan trọng đương thời, sao lại không giới (kính) cho được ?

(Đàn Qui)

(3a) rành².

Đừng như ai vợ vẫn đọc quàng,
Phiên Thánh bút viết xiên rồi lại bỏ.
Người thị tà công phu phải cố,

¹ Bài thơ và lời thoại này được học giả Đào Duy Anh chép bổ sung bằng chữ nôm vì sách bị mất.

² *Rành*: Chữ này ở đầu trang (3a) chứng tỏ sách bị mất hai tờ đầu.

- Viết chữ nào cho rõ chớ sai,
Đừng như ai dây rút cắt dài,
Để kẻ đọc lai nhai không dứt giọng.
Người thị đọc đọc sao cho bông,
Tùy thể văn mà chuyển động lấy hơi.
Đừng như ai đọc chẳng nên lời,
Nghe không thấu văn dài chỉ sót cả.
Còn những kẻ đến xem Thánh hóa,
Phải áo khăn phong nhã chỉnh chàng.
..... tựa hai hàng,
Trai bên tả, gái hàng bên hữu,
Đừng như kẻ vô loài lếu láo,
..... khăn quần áo trẻ tràng,
Coi Thánh Thần nghĩ lấy làm thường,
Rồi tai họa..... cực lắm.
- (3b) Chúc tĩn Đàn gia công nghiêm cấm,
Giữ trong Đàn êm thắm trăm chiều.
Đi chớ mạnh, nói chớ kêu,
Đừng trò chuyện nhỡ sinh điều huyền động.
Việc phụng hương lại là chí trọng,
[...] Thần minh lòng lộng rất cao,
Tay tả dâng, miệng phải ngâm vào,
Ngắm cho thẳng chớ nga nga...
Chúc đốc giảng rất là quý hóa,
Giảng làm sao cho phá được nghĩa kinh,
Cả mọi người ai cũng nghe mình,

Vâng ý Thánh phân minh mà giảng giải.
Đàn qui dạy mấy điều đại khái,
Ai cũng nghe mà sửa lại nét xưa.
Sau ơn Trời phúc thiện dành cho,
Thì công ấy cũng to không có bé.
Chữ nôm na lời không vắn vè,
Nói mấy câu đủ lẽ mà thôi.

(4a) Đàn qui nhận lấy ai ơi !

THƠ

(Ngày 13 giờ Tuất)

Nước non lặn đọng mấy thu tròn,
Nguyện với trăng già một tấm son.
Đi sớm về trưa chi quản mẹ,
Ngàn kinh muôn quyển luống vì con.
Đoái thương nay hãy còn thơ dại,
Nhấn dạy sau rồi cả lớn khôn.
Không đề nhưng cùng trong một bọc,
Vì tình nên mẹ phải lon xon.

TIỂU DẪN

Trời thu đằng đằng bóng vàng,
Gót sen lần bước xênh xang động đào,
Vui chơi nước thăm non cao,

Thông reo trúc múa, hoa chào nhị thơm.

Chim rừng thỏ thẻ về hôm,

Hồng đưa thư đến, mở nom chữ đề.

(4b) Thư rằng xin trở lại quê,

Đạo Nam kinh đã châu phê giảng rồi.

Sắc rồng vàng mệnh tự trời,

Ngàn thu may gặp một thời văn minh,

Phiền ngài làm chủ đàn kinh,

Trung tuần cử bút cho thanh mọi bề.

Xem rồi như tỉnh như mê,

Dùng dằng nửa ở nửa về lạ sao ?

Thương thay chút phận liễu đào !

Gỡ ra rồi lại buộc vào như chơi !

Trên là những sợ mệnh trời,

Nghĩ mình hồ dễ dối lời được không.

Dưới là thương giống Tiên Rồng,

Cùng trong giọt máu Lạc Hồng sinh ra.

Có tình ta phải yêu ta,

Không tình ai lại biết mà yêu ai.

Chấp tay xin bái tạ Trời,

Cảm ơn liệt Thánh thương người cõi Nam.

Khua loan trở lại vội vàng,

(5a) Đeo bầu quây níp¹ lần sang Thiện Đàn.

Bút đào cát lấy đề nhan.

¹ Níp: Tráp, cặp

TỰA

Tựa¹ rằng:

Sông Nhị núi Nùng,

Nước bốn ngàn năm văn hiến;

Con Hồng cháu Lạc,

Dân hai mươi triệu đồng bào.

Trời báu của sinh, bể bạc rừng vàng,

Đồ sản vật nhất miền Đông Á.

Đất thiêng người trội, trai tài gái mạnh,

Tiếng anh hùng lừng cội viêm phương².

Trẻ con kìa ông Đồng Thiên vương,

Ngựa sắt xông trời đẹp Ấn tặc mà báo thù cho nước.

Đàn bà nọ Bà Trưng Nữ Chúa.

Quần hồng đua sức, đánh thẳng Tô, mà già nghĩa
cho chồng.

Rừng Chi Lăng Lê Thái Tổ dấy quân,

Đầu Liễu Thăng treo ngược mũi gươm thần,
giặc Minh ấy gà vừa phải cáo.

Sông Bạch Đằng, Trần đại vương ra trận,

Máu Ô Mã đầy dòng nước bạc, quân Nguyên
nay chim đã sợ cung.

Ấy những người hào kiệt anh hùng,

Mượn đào bút giải bày sơ lược.

¹ *Tựa*: Trong Hồi ký Nhớ nghĩ chiều hôm, Học giả Đào Duy Anh ghi là mất bài Tựa. Bài tựa này được cụ chép tay đóng thêm vào cuốn sách

² *Viêm phương*: Phương nóng, chỉ nước Nam ta ở vùng nhiệt đới

Còn những kẻ nhân nhân chí sĩ,

Ở sử xanh chép kẻ muôn ngàn.

Hỡi ôi !

Gương trước chưa mờ, truyện xưa còn nhớ,

Kìa thành Thăng Long, kìa núi Ngũ Hồ,

Nước non vẫn nước non nhà;

Này họ Hồng Bàng, này tổ Lạc Long,

Giòng giống nguyên giòng giống cũ.

(5b) Xưa sao thế mà nay sao thế ?

Toan vạch trời hỏi một đôi câu.

Khôn đường sao mà dại đường sao ?

Đề cực mẹ đến trăm ngàn nỗi.

Chua xót lắm, cay đắng lắm,

Tâm sự này biết ngỏ cùng ai ?

Đau đớn thay, khôn khổ thay,

Cơ hội ấy vì đâu nên nỗi ?

Thôi chi tại vụng cơ khai hóa,

Gió chiều chẳng biết che chiều.

Cam phận ngu hèn,

Nước yếu không ngờ rằng yếu.

Cấm cỏ chết trong vòng nô lệ,

Mối kinh luân còn vắng mặt trượng phu.

Liếc mắt trông một dải non sông,

Vòng danh lợi chi rặt tay thiếp phụ.

Sung sướng kẻ cơm vua áo chúa,

Về cân đai riêng sướng một mình.

Khó nhọc người chân lấm tay bùn,
Phận cày cuốc biết đâu là việc nước.
Kỹ nghệ một chút gì chưa học,
Chỉ khéo tay dán giấy bôi hồ.
Văn minh nửa bước chưa rồi theo,
Đã tài ngón bói lông tìm vết.
Người như thế, khôn ngoan như thế,
Thôi cuộc đời còn dám nói chi.
Lòng thế kia, ăn ở thế kia,
Mong vận hội làm nên sao được.
Nói ra thêm dơ miệng,
Cơ thịnh suy đành đổ tại trời.
Nặng ắt chẳng an lòng,
Sự khôn dại mong còn nhờ Thánh.
Rày vâng mệnh chín lần trao xuống,
Kinh Đạo Nam ngọc chuốt vàng trau.
Thực nhờ ơn Ba Đấng¹ thương cho,
(6a) Đàn Hưng Thiện hoa thù gấm dệt.
Lò Trời hun đúc,
Rèn thép đánh nên bộ văn chương.
Bút Thánh điểm tô,
Vẽ son phấn vào pho nghĩa lý.
Chớ bảo nôm na, cha mách quế,
Tai không nghe, lòng không nghĩ,

¹ Ba Đấng: Trời, Phật, Thánh.

Mặt cương thường thêm thẹn với non sông.
Dầu lợ chộc cũng mẹ với con,
Lòng ân ái vẫn sánh cùng trời đất.
Rày con nên nghĩ lại,
Nước có nguồn, cây có gốc,
(7a) Ngắm xem gương trước làm sao.
Đây mẹ vẫn mong cho:
Cá gặp nước, rồng gặp mây,
Tơ tương hội sau nhiều lắm.
Trời còn đây, đất còn đây,
Giang sơn rồi lại của con.
Sông chưa cạn, núi chưa mòn,
Hương lửa càng thơm tiếng mẹ.
Nay tựa.

HỊCH TRIỆU NAM BANG – ÂM THẦN VẤN

(Bài hịch triệu các âm thần ở cõi Nam)

(Ngày 14, giờ dậu)

Hỡi bạn gái cung tiên dâu tá,
Cùng một lò sinh hóa, hóa sinh,
Việt Nam đây là đất họ mình,
Một gốc nảy cành Hồng, ngọn Lạc.
Non nước bốn ngàn năm âu vạc,
Vinh có nhau mà lưu lạc có nhau,

- Chị em ta kẻ trước người sau,
Ai cũng bước một cầu sông nước ấy.
- (7b) Vua Trưng Nữ ba năm vùng vẫy,
Ghé đôi vai mà gánh lấy cương thường.
Bà Triệu Kiều xoay trở cuộc tang thương,
Quyết một dạ phá quang quân bạo ngược.
Lúc sinh tiền cũng vì việc nước,
Miếu lửa hương, bia tạc tiếng thơm.
Lòng trung trinh vặc vặc khắp trời Nam,
Dẫu thành bại kẻ làm chi sự cũ.
Lai láng chảy một làn máu đỏ,
Nòi giống chung một họ da vàng.
Nay cùng nhau trong cuộc giang san,
Thương dân nước gặp cơn chua xót lắm.
Ta hồ dễ cảm lòng cho nặng,
Thánh còn thương mà chẳng ngại ngần.
Mấy mươi năm hạc ruồi loan dong,
Mỗi nhiệt huyết trong lòng nung nấu thế.
Khắp non nước dựng đàn chuông tế,
Gọi hồn mê trong bể đại dương.
Đến nay còn mở chút tấm thương,
- (8a) Bút đào lại dọc ngang tô điểm nữa.
Kinh Đạo Nam gấm thêu nên chữ,
Vách Không e ngọn lửa Tần hoàng.
Trong mười chương đúc ngọc tô vàng,
Sắc ta phải sửa sang cho trọn vẹn.

Bút viết mãi thời ngòi cũng tuyệt,
Miệng nói nhiều đã hết cả hơi.
Tiếng đổ quên kêu lẩm dứt rồi,
Lòng sợ thế khôn nguôi trong dạ dò.
Xin chị em thương tình hạ cố,
Quả phúc chung vo rõ cho tròn,
Chữ đồng nguyện một lòng son.

THOẠI

Phiên âm:

(Thị Kinh phan, vi thập chương. Ngô phụng đại giá giảng trứ.

Như *Kinh, Truyện* chỉ hữu chính văn. Thập chương tán vi các mục. Ngô sắc thị nữ diễn dịch.

(8b) Như *Kinh, Truyện* chỉ hữu *tập chú*, ti đắc thứ tự minh bạch, phi vi hỗn tạp thuyết dã).

Dịch nghĩa:

Kinh này chia làm mười chương. Tôi phụng mệnh đại giá giảng bút.

Như *Kinh, Truyện* có chính văn, mười chương chia làm các mục. Tôi giao cho thị nữ diễn dịch. Như *Kinh, Truyện* có *tập chú*, khiến cho có thứ tự minh bạch, không thể nói một cách xô bồ được.

ĐỆ TAM THÁNH MẪU GIÁNG KHAI KINH TÁN

Thương giống da vàng, gieo ngòi bút đỏ,
Giáng tự, giáng ca, giáng thi giáng dụ.
Nghĩa lý đầy pho, văn chương một bộ,
Nhu gấm thêu hoa, như trắng sáng tỏ.
Ngọn đuốc hôn cù¹ hồi chuông kim cổ,
Gọi khách sông mê, vớt người bể khổ.
Ai biết kính tin, ai hay hâm mộ,
Miệng đọc lòng suy, nhờ ơn vô số.

ĐỆ NHẤT THÁNH MẪU GIÁNG THƠ

(9a) Nặng với giang sơn một khối tình,
Nỗi niềm ai dễ biết cho mình.
Đôi tay gấm dệt muôn hàng chữ,
Chín khúc tơ vò một bộ kinh.
Vơ vẩn năm canh hồn cổ quốc,
Mơ màng muôn kiếp mộng phù sinh.
Tấm lòng thương giống Rồng Tiên lắm,
Nặng với giang sơn một khối tình.

¹ Cù: Đường thông bốn ngã. Ngọn đuốc hôn cù: ngọn đuốc soi đường lúc đêm hôm tăm tối

Chương thứ nhất
MỞ RỘNG HỌC VẤN¹

※ ※ ※

Phụng Quan Thánh duyệt phê rằng:

Nhiệt huyết trường lưu doanh học hải
Tinh thần trực phóng hấp tân trào

*(Nhiệt huyết trôi dài, đầy biển học
Tinh thần phóng thẳng đón tân trào).*

Học là việc cơ quan bậc nhất,
Rất quý thay mà rất trọng thay,
Ở đời có học mới hay
Yếu rồi cũng mạnh, nghèo nay cũng giàu.

¹ *Mở rộng học vấn*: Dịch từ “Quảng học vấn”. Sau đây tất cả đầu đề của các chương, mục, bài... bằng chữ Hán đều được dịch ra quốc ngữ như: “Minh luân”, “Tứ ô phân bộ”, “Tích linh cấp nạn”.v.v...

Kìa các nước châu Âu châu Mỹ,
Đã vắn mình lại trí khôn ngoan,
Vẫy vùng trong hội doanh hoàn¹,
Anh hùng bốn bề giang san một nhà.
Người ta thế bởi là biết học,
(9b) Ta thế này bởi học chưa tinh,
Thương ôi nghề học nước mình,
Trăm nghề đã nã² được tinh nghề nào.
Lấy khoa cử danh cao làm quý,
Lấy văn chương từ khí làm hơn,
Ngoài ra đến việc nước non,
Thịnh suy không biết, mất còn không hay.
Thì hứng chí hoa tay khuyên rồi,
Phủ chọn văn dõng dõng ngâm nga,
Chăm chăm lòng những quyết khoa,
Vinh thân là một, ích nhà là hai.
Trông việc nước như ngoài ngàn dặm,
Thấy đồng bào không bụng tương thân,
Biết chi đến nước đến dân,
Biết chi vận hội xoay vần làm sao.
Học như thế lẽ nào giỏi được,
Hóa gây nên quốc nhược dân bần,
Bây giờ nước đã đến chân,

¹ *Doanh hoàn*: Thế giới, thiên hạ.

² Từ điệp âm - nã nào nao

- Biết mình rằng đại thì thân đã già.
Nền học cũ của ta đã thấp,
(10a) Nền học sau ta đắp cho cao,
Cứ theo trình độ tân trào,
Chữ nào cũng học nghĩa nào cũng tinh.
Phép văn hiến nước mình phải giữ,
Đạo di luân Không Từ phải tôn,
Văn minh ta phải học khôn,
Theo thầy Anh Pháp, noi khuôn Hoa Kỳ.
Trăm nghề học, học chi cũng học,
Học thiên văn rồi học địa dư,
Học toán pháp, học binh thư,
Canh nông học sách, lập ngư học trường.
Học kỹ nghệ công thương mọi ngả,
Học khí cơ chế hóa làm sao,
Học thuốc, học điện thể nào,
Học khai các mỏ, học đào các sông.
Việc học ấy việc chung cả nước,
Có học thời trong nước mới khôn,
Học là bộ máy đúc hồn,
Học giàu của nước, học khôn dân nhà.
Nếu không học ắt là bại liệt,
(10b) Đứng cỏi đời chịu chết bó tay,
Thử xem gương trước xưa nay,
Nước nào không học mà hay được mà !
Xiêm-La trước thực là ngu đại,

Rước người Anh học mãi mới khôn,
Bây giờ dân đã tỉnh hồn,
Lá cờ độc lập gió còn phất phơ.
Nhật Bản nợ thuở vừa ngu nhược,
Kén người đi các nước học hành,
Bây giờ dân đã văn minh,
Tiếng anh hùng đứng một mình côi đông.
Ta Nam Việt Tiên Rồng giống cũ,
Vốn thông minh người có hèn đâu !
Khi ta nội thuộc nước Tàu,
Hơn ngàn năm chịu một màu lấm than,
Mà ta vẫn bám gan học tập,
Theo dần dần từ thấp lên cao,
Rồi ra ta cũng thế nào,
Nghề văn nghiệp võ biết bao nhiêu người.
Huống nay gặp buổi đời tranh cạnh,
(11a) Ngấm hội xưa mà tính cuộc sau,
Học hành ta cố khuyên nhau.

**THƯỢNG NGÀN CÔNG CHÚA
PHỤNG GIÁNG THƠ**

(Ngày 16 giờ ngọ)

Qua tầng núi đá mọc cheo leo,
Lần thẩn một vài đứa trẻ theo.

Rừng thăm lúa thừa mây biếc biếc,
Suối vàng róc rách nước trong veo.
Nhác trông đất nọ ba miền rộng,
Đã thấy ai kia một chức nghèo.
Tay xách văn chương đầy một túi,
Đến đàn nặng quá bỏ lẫn nhào.

BÀI CA KHUYÊN CON ĐỌC SÁCH

(Hai mục dưới đây dùng thể lục bát)

Phụng Thánh mẫu tông phê rằng:

Tận phá nhân tình nghi học án
Quảng khai sư phạm thụ môn đồ

*(Phá hết lòng người ngờ học án
Mở rộng nghề thầy, dạy học trò)*

(11b) Con ơi con học cho cần,
Bút nghiên cha sắm áo quần mẹ may.
Con ơi con học cho hay,
Có công mài thép, có ngày nên kim.
Học sao cho kịp anh em,
Phải suy tính toán, phải xem văn bài.
Có tài con chớ cậy tài,

Chữ tài liền mấy chữ tai một vắn.
Có thân con phải tu thân,
Một thân khó nhọc muôn phần vè vãng.
Ngày xanh khuyên chớ phụ phàng,
Tre non quá lứa nhờ nhàng ra chi.
Thời giờ thấm thoát thoi đi,
Mặt trời xế bóng còn gì mà mong.
Học hành con phải gia công,
Thi thư nổi đời nên dòng nho gia.
Nước non theo kịp người ta,
Sao không hổ tiếng mẹ cha sinh thành.
Trước là trọn nghĩa ba sinh,

(12a) Sau là mình cũng thêm vinh giá người.

Đừng theo những giống vô loài,
Ăn chơi lêu lộng dài ngoao du.
Học không gắng bỏ công phu,
Gặp chẳng hay chớ biết lo sợ gì !
Trí khôn ngày một kém đi,
Chịu thân nô lệ ngu si một đời.
Con ơi con nhớ lấy lời,
Ra công cắt sửa dùi mài cho phu.
“Học nhi bất diệc lạc hồ !”¹

¹ “*Học nhi bất diệc lạc hồ !*”: Học tập mà chẳng vui sao! (Chữ trong sách Luận ngữ)

BÀI CA THẦY DẠY, TRÒ HỌC

Các anh tuổi trẻ đầu xanh,
Ơn cha nhờ mẹ học hành phải chuyên.
Không thầy hồ dễ làm nên,
Học thầy thôi chớ vội quên ơn thầy.
Thầy khuyên lẽ thẳng đường ngay,
(12b) Dạy cho chữ tốt, văn hay kịp người.
Tai nghe ghi lấy mọi lời,
Từng câu từng chữ, rạch ròi chớ quên.
Óc non tô điểm lấy nền,
Đá mài ngọc dũa cho nên giá người.
Đừng theo những thói ở đời,
Học thông chữ khế, tờ bồi làm vinh.
Chớ theo chi thói đua tranh,
Văn bằng thi đậu, tìm vành kiếm đo
Học là sự nghiệp rất to,
Mở mang tâm trí, rèn cho tinh thần.
Trước là học để minh luân,
Sau là trí chúa trạch dân¹ còn nhiều.
Muốn sang thì bắc cầu kiều,
Muốn mình thành đạt phải theo lời thầy.
Các anh nay đã đến đây,

¹ *Trí chúa trạch dân*: Hết sức phục vụ chúa, đem ơn trạch cho dân.

Học thầy nhớ lấy lời thầy dạy khuyên.
Học sao hy thánh, hy hiền² !

(13a)

ĐỆ NHỊ THÁNH MẪU GIẢNG THƠ

(Ngày 15 giờ tý)

Cách mấy non sông rất tuyệt mù,
Gió trăng thăm thẳm một trời thu.
Cửa Đào chị mới khai hoa bút,
Đàn Thiện em đã luyện quả tu.
Mười mấy năm từng quen lối cũ,
Một hai lần đã thuộc đường xưa.
Đạo Nam muôn đời ơn trời bể,
Ngọn bút Thần Tiên mới điểm tô.

² *Hy thánh, hy hiền*: Mong được như thánh, như hiền (người tài giỏi)

Chương thứ hai
RÕ LUÂN THƯỜNG

※ ※ ※

Phụng Quan Thánh phê rằng:

Thiên trụ địa duy thiên cổ tại,
Nhân tình thế cổ nhất tâm sầu.

*(Cột trời, biên đất ngàn năm đó
Sự thế, tình người một dạ sầu)*

Học trọng nhất là điều luân lý,
Đã học thời phải nghĩ mới nên,
Kẻ chi giàu khó sang hèn,
Nếu không luân lý sao nên đáng người.
Kìa lang hổ là loài độc dữ,
(13b) Có vuốt nanh không nỡ hại con,
Kiến ong chút vật bé con,
Phận đành tổ lỗ, nghĩa còn vua tôi.
Nọ hồng nhạn là loài điều tước,
Chia hàng bay, anh trước em sau.

Hươu nai bè bạn yêu nhau,
Vợ chồng xướng họa, chim cưu âu hà.
Mỗi giống vật được là một điểm,
So năm luân¹ còn kém trật nhiều.
Người ta phải đủ năm điều,
Năm điều² mà thiếu một điều sao nên.
Cha con phải dốc niềm từ hiếu,
Vua tôi thời trọn đạo kính trung.
Anh em hai chữ hữu cung,
Bạn bè tin cậy, vợ chồng kính yêu.
Thiên muôn vật, người nhiều hơn hết,
Bởi người ta gồm biết năm luân.
Thử xem Tiên Phật Thánh Thần,
Cũng trong hai chữ minh luân thôi mà.
(14a) Ta dòng dõi giống nhà lông cánh,
Cùng một lò cháu Thánh con Thần.
Nghiep nhà vốn trọng di luân,
Hiếu trung tạc dạ, quân thân đội đầu.
Nay gặp hội mưa Âu gió Á,
Trông giang sơn phong hóa mà đau.
Trăng thu như rọi bụng sầu,
Bút đào một ngọn, lệ châu trăm hàng.
Thương đạo nghĩa mơ màng ai tỏ,

¹ Năm luân = ngũ luân: Năm mối quan hệ trong đạo làm người: Vua tôi, cha con, chồng vợ, anh em, bạn hữu.

² Năm điều = ngũ thường: Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín.

Xót cương thường bỏ xó ai mang.
Thị triều danh lợi ngổn ngang,
Lòng đen càng tím, dạ vàng càng phai.
Thôi nói mãi thêm dài lắm chuyện,
Mà kê ra mang tiếng rậm lời,
Khốn vì chung một giống nòi,
Lừa hương sao nữ ăn ngồi cho cam.
Hỡi dân tộc Việt Nam ta hãy,
Nếp cơ cầu nối dõi ông cha,
Nền xưa ta giữ cho ta,
(14b) Chớ nghiêng sang Bắc, chớ tà về Tây.
Chớ học thói muông cày giống thú,
Chớ theo tuồng áng thờ đàn hồ,
Mặt kia trông lại càng dơ,
Dẫu văn minh cũng bằng thừa kẻ chi.
Có khí huyết phải vì khí huyết,
Ở non sông phải tiếc non sông.
Sao nên con hiếu tôi trung,
Sao không hổ tiếng cha Rồng mẹ Tiên.
Minh luân con học cho chuyên.

THANH NƯƠNG CÔNG CHÚA PHỤNG GIÁNG THƠ

(Giờ mùi)

Nghe thấy đàn kinh trống điểm thòm, (tòm)
Trông trời mờ mịt tối om om.

Xe tiên phát phối rời chân bước,
Cửa thánh lui vào liếc mắt nom.
Một ngọn đào tơ vẫn giáng rộng,
(15a) Mười chương gấm vóc nghĩa bao gồm.
Ngàn thu gặp hội kỳ duyên đó,
Bờ đạo cao nêu một cái trâm (ò).

QUẠ HIỀN NUÔI CHA MẸ

(Dưới đây năm bài, văn dùng cách ngụ ngôn, ca dùng điệu gửi thư)

Phụng Thánh mẫu tông phê rằng:

Thiện vị thuyết từ tình thế mộng
Trường ư thí dụ khích nhân tâm

*(Giới lời thuyết, giúp đời tình mộng
Khéo ví von, khích động lòng người)*

Ô chú quạ vợ chồng sì sục¹,
Tha rác về ở góc rừng xanh,
Cheo leo làm tổ ngọn cành,
Gió lay không sợ, mưa dầm không kinh.
Lừa đầu lòng mới sinh đôi trứng,

¹ *Sì sục (hì hục)*: Cặm cùi làm việc.

Vợ chồng cùng yêu nựng ấp ôm,
Chiều chiều bóng ác xế hôm,
Chồng thay cho vợ đạo nom một vòng.
Giữ chèo bẻo không chồng ảnh được,
Lìa trí âu không bước tới qua,
No ngày đầy tháng nở ra,

(15b) Hai con sơ sỏ một nhà mừng vui.
Chồng lận đận tha mỗi khó nhọc,
Vợ dỗ con không khóc không hờn,
Trăng kia đã mấy tháng tròn,
Ráo lông ráo cánh con khôn dần dần.
Quạ nuôi con qua tuần trứng nước,
Trái non sông nhiều bước gian lao,
Vợ chồng trò chuyện thấp cao,
“Dưỡng từ phòng lão”¹ ai nào lại không ?
Vợ chồng ta hết lòng hết sức,
Đẻ bỏ² (bù) hơi thêm sức cho con,
Mai ngày con lớn con khôn,
Lẽ nào nó lại quên ơn được mình.
Vợ chồng quạ già sinh mất quáng,
Nhờ hai con ngày tháng dưỡng nuôi,
Đồ tươi vật sứt đủ mỗi,
Mắt rồi cũng sáng, thân rồi cũng yên.

¹ *Dưỡng từ phòng lão*: Nuôi con để phòng tuổi già (con phụng dưỡng lại).

² *Bỏ (bù, bỏ)*: Ở đây đọc là bù.

- Trông giống quạ mà đen cả ruột,
Nghĩ vào mình đổ giọt bồ hôi,
(16a) Nó là giống vật đầy thôi,
Thế mà còn biết già mỗi mẹ cha.
Huống người vốn con nhà tai mắt,
Mình đội trời đạp đất hăn hoi,
Công cha nghĩa mẹ dưỡng nuôi,
Cao sâu ví với bề trời kém chi.
Nếu không biết hiếu nghi phụng dưỡng,
Thử hỏi mình sinh trưởng vì ai,
Thân kia đã tội với trời,
Mặt kia lại hổ với loài quạ non.
Nghĩ sao cho trọn đạo con.

CÁCH NGÔN VỀ CHỦ VỚI NGỰA

- Trên miền ngược có người quản đạo,
Tay kiếm cung cũng thạo đủ nghề,
Tháng ngày vui thú sơn khê,
Sớm đi săn thú, tối về bắn chim.
Nuôi con ngựa da in màu tuyết,
Lòng thương yêu khôn biết chừng nao,
(16b) Sửa sang cắt móng, gọt mao,
Mình nào bành quăn, cổ nào nhạc đeo.
Mỗi ngày cứ hai chiều ăn thóc,
Đến hôm thời một lúc còn chơi,

Nước phi nước đại tuyết vời,
Chủ thời yêu dấu, ngựa thời giới giang.
Nhân một buổi đi ngang rừng vắng,
Hổ ta thù hay bắn hay săn,
Giữa đường hồ muốn báo hờn,
Nhảy ra đánh ngựa rồi lẫn hại người.
Ngựa ra sức địch thời chẳng nổi,
Bốn vó bon chạy rồi từng xoe,
Nhớ đường thẳng phóng trở về,
Báo tin nhà biết rồi thì lại lên.
Người nhà thấy ngạc nhiên sự lạ,
Khắp mọi người tất tả theo đi,
Tới trên rừng vắng khoảng kia,
Người nằm chết đó, hồ đi đâu rồi !
(17a) Cả nhà nhũng ngậm ngùi than khóc,
Đưa thầy về chôn góc đồi cao,
Ngựa về bước thấp bước cao,
Miệng kêu tiếng thảm, mắt dào lệ châu.
Ra bên mộ vật đầu vật óc,
Nhịn không ăn, lẫn lóc chết theo,
Người người ai cũng khen sao,
Vật còn biết thế, người nào lại hơn.
Ấy con ngựa nó còn như thế,
Phận bầy tôi phải nghĩ làm sao,
Ơn vua chức trọng quyền cao,
Đình chung sung sướng, cảm báo về vang.
Chuyện này nên chép làm gương !

CHIM ĐI¹ CỨU NẠN

Con đi đi vốn loài nhỏ bé,
Cả đàn chung một mẹ một cha,
Nước non tất tả gần xa,
(17b) Sự vui sự tẻ cũng là có nhau.
Anh em nó rất mâu thân ái,
Không bao giờ nó lại ghét nhau,
Khi ăn khi ở đâu đâu,
Cố công giữ cất gìn âu mọi bề.
Chẳng may gặp khi về rừng quế,
Đổ trên cành đường lệ² rìa lông,
Gặp chàng tay xách xuy đồng³,
Bắn tin⁴ vào một con trong bay triều.
Chim bị bắn đau liền sa xuống,
Anh em bay kêu tướng gốc cây,
Đồng sì ngoài bọc trong vây,
Con kia cánh đỡ, con này đầu nâng,
Được một chốc nó từng tỉnh dậy,

¹ *Chim đi*: Dịch chữ *tích linh*: Chim đi (chim chia vôi) *Kinh thi*: “Tích linh tại nguyên, huỳnh đệ cấp nạn” (con chim đi ở đồng, anh em hoạn nạn vôi vàng cứu nhau) đây chỉ tình anh em, còn gọi là “linh nguyên”.

² *Đường lệ* (đường đệ): *Kinh thi* “đường đệ chí hoa” (hoa cây đường đệ). Chỉ tình anh em thương yêu, quắn quýt.

³ *Xuy đồng*: Ông thổi bằng đồng, một loại binh khí dùng để thổi, bắn ra tên, đạn.

⁴ *Tin*: Đáng lẽ phải viết là: bắn cho tin (QẮT) nhưng ở đây viết là tin. Theo văn cảnh phiên là *tin*.

Cả đàn cùng trông thấy xót thương.
Chàng kia thấy sự lạ dường,
Phút dung cũng động lòng thương cảm tình,
Ấy truyện ấy Thi kinh còn chép,
Giống chim con còn biết thế mà.

(18a) Anh em cùng khúc ruột rà,
Nữ nào cắt cửa chia nhà cho đang,
Bài này nhớ lấy tỏ tường.

CHIM NGHĨA TỰ TÌNH

Giống chim câu ta thường nuôi nó,
Hai vợ chồng cùng có nghĩa chung,
Chồng yêu vợ, vợ mến chồng,
Nhớ câu hữu biệt răn lòng vô nhai.
Tính vốn thích lâu đài phong nhã,
Nét vẫn ưa danh giá thanh kỳ,
Thơm tho sạch sẽ mọi bề,
Nước soi gương sáng, gió khoe cánh hồng.
Sự ăn ở ra dòng quan cách,
Nết đoan trang theo khách khuê nghi,
Vợ chồng núi chi non thề,

(18b) Gặp khi biến cố vẫn ghi lời nguyên.
Tình nghĩa điều đáng biên nên sách,
Để thế gian biết cách mà tu,

Sông Ngân trời bắc cầu Ô¹,
Duyên se Nguyệt lão², phận do Thiên tào³.
Lòng phải nghĩ thế nào cho xứng,
Tình thịt xương đẳng đẳng trăm năm.
Khăng khăng một dải đồng tâm,
Sinh lan đề huệ ngàn năm đối truyền.
Chuyện chim này phải nhớ khuyên !

CHIM BẠN TÌM TIẾNG

Rừng cây nọ xanh um biêng biếc,
Bụi rậm kia mù mịt như mây,
Hoàng oanh tíu tit trên cây,
Con khoe tiếng đục, con hay tiếng lèo.
Cứ sáng sáng hôm nào cũng thế,
(19a) Thường gọi nhau gáy để đua vang,
Cùng nhau bè bạn giữ giàng,
Hòa hoà xướng họa một đàn vui chung.
Nhiều người đến nức lòng khen thưởng,
Đem cơm ăn rượu uống ngồi nghe,
Gặp khi mưa gió mùa hè,

¹ Cầu Ô: cầu qua. Tương truyền đêm mừng bảy tháng bảy hàng năm bảy quạ ken nhau giăng ngang sông Ngân làm cầu cho Ngưu Lang Chức Nữ sang gặp nhau.

² Nguyệt lão: Ông già dưới trăng xe đôi trai gái nên vợ chồng.

³ Thiên tào: Ông quan nhà trời giữ sổ người sinh người chết.

Đổ cây rụng lá bốn bề ngã nghiêng.
Đàn chim bay mỗi phương một ít,
Cách non sông mù mịt nghìn trùng,
Ngân ngơ lòng những nhớ mong,
Ước sao bè bạn sum cùng như xưa.
Những ra sức kêu trưa gáy sớm,
Ngợi tiếng sầu tư tưởng tình chung,
Cùng nhau một thổ một thung,
Bây giờ cách biệt nên lòng nhớ thương.
Chim còn biết tìm đường bạn hữu,
Huống người ta cùng nẻo giang sơn,
Nếu không biết tin biết ơn,
Quên tình bè bạn thôi còn ra chi.
(Phải nên trông giống chim kia !)

(19b)

ĐAO TRÌ VƯƠNG MẪU GIÁNG THƠ

Lòng riêng riêng những hận cho đời,
Dần dọc năm canh chữa chút nguôi.
Bút Thánh dạy khuyên chừng mấy hũ,
Lời Tiên non nỉ biết bao rồi.
Dám danh khóa lợi khôn cho lắm,
Kính Thánh, truyện Hiền đại thể thôi.
Nay tiếp thư Tiên mời giảng bút,
Bực mình nên nói bấy nhiêu lời.

Chương thứ ba
KHUYÊN SIÊNG NGHỀ NGHIỆP

※ ※ ※

Phụng Quan Thánh phê rằng:

Quảng khai công cuộc hưng công lợi,
Dẫn nhập nghề trường học nghề tinh.

*(Mở nền công nghiệp hưng nguồn lợi,
Vào chốn trường nghề học thật tinh).*

Học đã suốt mọi bài luân lý,
Việc phải chăm các nghề làm ăn,
Ngày đêm rèn tập cho cần,
Một nghề giỏi được thời thân vinh nhiều.
Trong một nước bao nhiêu công việc,
(20a) Mỗi người riêng một nghiệp chuyên tay,
Nước nào có lắm nghề hay,
Dân ngày càng thịnh, của ngày càng thêm.
Kìa các nước về miền Âu Mỹ,
Rất văn minh tài trí hơn đời,

Dọc ngang trời rộng bể khơi,
Bởi vì nghề nghiệp tuyệt vời tinh anh.
Xe lửa nọ chạy nhanh như gió,
Đèn điện kia sáng tỏ hơn sao,
Phép đâu có phép lạ sao,
Ấy là kỹ thuật tay nào chế ra.
Dưới tàu lặn xông pha đáy bể,
Trên máy bay chạy rẽ lưng trời,
Cách đâu có cách lạ đời,
Ấy là học thuật tự người suy ra.
Đấy nghề nghiệp người ta thể đấy,
Đem óc khôn gầy lấy văn minh,
Trông người mình ngắm vào mình,
Trăm nghề mình đã được tinh nghề nào ?
Kìa nghề học nói sao hết tẻ,
(20b) Mượn bút nghiên tìm kể bôn xu,
Luân thường ai biết giữ cho,
Dân quyền xưng nghĩa, tự do ai nào ?
Nợ nghề nông kể bao nhiêu nổi,
Đồ làm ăn dùng lối cổ thời,
Nắng mưa khăn Phật cầu trời,
Có ai chế máy giúp người chút sao (nao) ?
Nghề buôn bán xôn xao thành thị,
Tranh cướp nhau chút lợi đầu ruồi,
Ai hay góp vốn vượt khơi,
Đóng tàu đi ngược về xuôi được mà.

Nghề thuyền thợ lân la điểm sờ,
Lối phù hoa sẵn có xưa nay,
Chẳng ai khôn khéo ra tay,
Chế thành cơ khí cho tày người ta.
Thôi thuở trước còn là vụng dại,
Thời bây giờ kíp phải học khôn,
Mở lò rèn trí đức hồn,

(21a) Khuôn vuông cho khéo, khuôn tròn cho ngoan.

Gây lại cuộc giang san cho vững,
Dựng lấy trường cao đẳng cho mau,
Nghề gì cũng phải nhiệm mầu,
Mở lòng dân nước, trấn đầu non sông.
Nào nghề sĩ nghề nông các nghệ,
Nào nghề buôn, nghề thợ bách công,
Nghề rèn sắt, nghề đúc đồng,
Ươm tơ có máy, bặt bông có bàn.
Nghề thợ tiện thợ sơn thợ khám,
Nghề thợ thêu thợ chạm thợ may,
Thợ vàng thợ bạc thợ giấy,
Thợ kia nung bát, thợ này thuộc da.
Phàm những nghệ để mà lợi dụng,
Dẫu nghề nào thời cũng phải chuyên,
Nghề sinh ra bạc ra tiền,
Nghề làm nước mạnh, nghề nên dân giàu.
Ta phải cố khuyên nhau học lấy,
Cơ sở rồi tự đẩy gây nên.

(Trăm nghề phải học cho chuyên.)

(21b)

LỤC HOA THỊ CHỦ PHỤNG GIÁNG THƠ

(Ngày 16 giờ tuất, hợi)

Muôn lạy ơn trên xá hẹp hòi,
Mắt trần ai dễ biết mà coi.
Khuyên răn lời đẹp bằng hoa gấm,
Dạy dỗ lòng uơn quá củ sòi.
Xót phận đào thơ¹ lòng vốn nhứt,
Ngâm câu liễu như² miệng còn hôi.
Nghìn thu gặp gỡ duyên kỳ ngộ,
Nguồn đạo làn văn nước mới khơi.

BÀI CA KHUYÊN HỌC TRÒ

(Bốn mục dưới đây đều dùng cách hát nói)

Thánh Mẫu tông phê rằng:

Dục căn bản nghiệp doanh sinh lộ,
Miễn độc tân ca hoán tử hồn.

¹ *Đào thơ* hay *Đào yêu*: Tên một bài thơ trong Kinh Thi nói về việc người con gái đến tuổi lấy chồng.

² *Liều như*: Xơ bông của cây liễu. Tên bài thơ vịnh liễu của Tạ Đạo Uẩn, nhà thơ nữ nổi tiếng.

*(Muốn đường doanh nghiệp ngày càng vững,
Gắng đọc tân ca gọi cốt hồn).*

Muối:

Dòng bào hốt, giống trâm anh,
Văn chương nét đất thông minh tính trời (cối đời).
(22a) Dem thân đứng ở cối đời,
Cổ công thi chọi với thời văn minh.

Hát nói:

Đứng trước tứ dân là bậc sĩ,
Cái thanh phong, thực quý hơn đời.
Thông minh tai mắt ấy là trai,
Khuyên phải cố chen vai vào cối học.
“Kỳ độ xuân phong cần tụng độc,
Đa thời thu nguyệt-đăng nhàn quan”¹.
Góp trí khôn vào cuộc giang san,
Giúp dân nước gây nên cơ hội tốt.
“Khổng Mạnh cương thường tu khắc cốt,
Tây Âu cách trí yếu minh tâm”².
Đưa thân vào bể học mênh mông,

¹ Kỳ độ... nhàn quan: Mấy độ xuân phong siêng học tập, Nhiều thời thu nguyệt được làm quan.

² Khổng Mạnh... minh tâm: Khổng Mạnh cương thường nên khắc cốt, Tây Âu cách trí phải ghi lòng.

Mở con mắt rộng trông ngoài thế giới.
Đã không học, học thời cho giỏi,
Mài thép lâu ắt phải nên kim.
“Nhân sinh học yếu vi tiên.”¹

(22b)

BÀI CA KHUYẾN NGHỀ NÔNG

Mưỡu:

Quần chi chân lấm tay bùn,
Làm sao lúa tốt dòn dòn thời hơn (giang sơn).
Tư bồi² lấy dài giang sơn,
Người no nhà đủ dân an nước bình.

Hát nói:

Nông giả thiên hạ chi đại bản³,
Dầu nắng mưa thôi chớ quần chi thân.
Xưa Thái vương phát tích Kỳ Môn,
Lấy nông nghiệp tạo thành vương nghiệp,
Ta dòng dõi Thần Nông thế phiệt,
Việc canh nông thực nghiệp nước nhà.
Khuyến anh em sinh trưởng cõi Nam ta,
Việc nông nghệ cố mà chăm chú lấy,

¹ *Nhân sinh học yếu vi tiên*: Người đời cốt lấy học làm đầu.

² *Tư bồi*: Vun đắp nên.

³ *Nông giả thiên hạ chi đại bản*: Nông là gốc lớn của thiên hạ

Nước mạnh dân giàu là bởi đây,
Bờ xôi ruộng mật thấy nên tham.
Chế khí cơ sửa các đồ làm,
Vun, bón đê mạ lên lúa tốt,
(23a) Sản thóc chứa như non như nước,
Dân đủ no bán được nhiều tiền,
Nghề nông ta cố ta chuyên.

BÀI CA KHUYẾN HỌC NGHỀ

Mưỡu:

Dầu ai khôn khéo mọi bề,
Giỏi tay tinh xảo, nầy nghề tài hoa (người ta).
Nghĩ sao cho kịp người ta,
Khí cơ chế hóa tinh ba tạo thành.

Hát nói:

Công cư tứ dĩ thành kỳ sự¹,
Nghề khéo khôn là thợ bách công.
Đã giỏi tay chạm phượng đức rồng,
Lại tài ngón vẽ cảnh điểm lá.
Nay gặp hội văn minh tiến hóa,
Cách khôn ngoan mọi ngà tài tình.

¹ *Công cư tứ dĩ thành kỳ sự*: Công ở trong bốn loại (sĩ, nông, công, thương) làm nên mọi sự ở đời.

(23b) Khuyên trăm nghề phải học cho tinh,
Dem trí xảo đua tranh cùng thế giới.
Cái thói phù hoa nên kíp đổi,
Vốn dòng thực nghiệp trọng chuyên môn.
Rèn trí dân mà đúc lấy quốc hồn,
Tô điểm mặt giang sơn cho mới mẻ.
Hồi trăm thợ, thợ nào cũng thế,
Nghĩ chế ra cơ khí mà dùng.
Nhân công nào kém thiên công¹.

BÀI CA KHUYẾN BUÔN BÁN

Mưỡu:

Buôn từ chân sóng ngọn nguồn,
Không buôn thời chớ, đã buôn phải sánh (văn minh).
Gặp nay thế giới văn minh,
Bể buôn ra sức tung hoành quân chi.

Hát nói:

Thương dịch hữu vô thu đại lợi²,
(24a) Nghề bán buôn là mối sinh nhai,

¹ Nhân công nào kém thiên công: thợ người nào kém thợ trời.

² *Thương dịch hữu vô thu đại lợi*: Nghề thương mại chuyển (hàng hóa) từ chỗ có đến chỗ không thu được lợi lớn.

Hồi thương gia thực nghiệp là ai,
Cách kinh lý sinh tài khuyên phải cố.
Hải thác sơn hào tùy chuyển phó,
Thủy trình lục lộ lưỡng tương thông¹,
Góp vốn vào mở cuộc buôn chung,
Đóng tàu để thông đồng cùng các nước.
Lối giao thiệp đã đành rộng bước,
Trí khôn ngoan lại được lọt vành,
Chớp mắt trông ngoài cuộc cạnh tranh,
Phải giỏi ngón thập thành thời mới được.
Chữ quyền lợi hưởng phần sung sướng,
Bể đại dương đi ngược về xuôi,
Nghề buôn lời lắm ai ơi !

TÓNG THIÊN HẬU GIÁNG THƠ

(Ngày 15 giờ thìn)

(24b) Dặm ngàn nước thăm với non xa,
Vâng tiếp thư mời trở gót ra.
Đoái nghĩ tâm tình thương nước trẻ,
Mới đem nhân sự hỏi trời già.
Kính vẫn giảng mãi vì đâu thế ?
Cơ hội làm sao vẫn vậy a !
Hạc giá loan xa chừng mấy độ,
Đã phiền Thánh Mẹ lại phiền ta.

¹ *Hải thác sơn hào... tương thông*: Vật biển, cửa rừng tùy vận chuyển,
Đường sông, đường bộ thay đều thông.

Chương thứ tư
TIẾT KIỆM TIỀN CỦA
※ ※ ※

Phụng Quan Thánh duyệt phê rằng:

Trực chú tiên đan biêm tục bệnh
Hoảng khai diệu quyết trị xa tâm.

*(Luyện thăng thuốc tiên ngăn bệnh tục
Rộng khai phép diệu chữa xa hoa)*

Người tai mắt đội trời đạp đất,
Biết siêng năng thiện nhật mới là,
Đêm ngày liệu bảy lo ba,
Ăn làm có mực tiêu pha có chừng.
Nhà sẵn của cũng đừng cậy của,
Mà ăn chơi nên bộ phong lưu,
Ít tiền lại muốn thịt nhiều,
Nhờ khi con túng vận nghèo thời sao.
(25a) Minh dấu sừng chắc nào là sừng,
Mà ngựa xe ra dạng hào hoa,

Có hai lại muốn tiêu ba,
Mang công mắc nợ rồi ra thế nào.
Thương thể tục nói sao cho xiết,
Thối xa hoa lắm nét khá thương,
Người đời trông của lắm thường,
Biết ai giật thịt câu xương nhọc nhằn.
Chồn cờ bạc chơi xuân quá độ,
Thú yên hà xe cộ quen hơi,
Ném cho biết trải mọi mùi,
Thôi thời cơ nghiệp đi đời nhà ma.
Quán trà rượu vào ra hư hết,
Áng nguyệt hoa quen biết hại thân,
Ngàn vàng một khắc đêm xuân,
Thôi thời điền sản muôn phần cũng tan.
Tay phá thế, trời hàn sao lại,
Sống bao nhiêu là hại bấy nhiêu,
Thân tiên lúc túng cũng liều,
(25b) Người ta muôn tội, tội nghèo khổ hơn.
Nghĩ nông nổi nguồn cơn mà chán,
Dầu tiền nghìn bạc vạn cũng xuôi,
Thúc Sinh¹ quen thói bốc rời,
Trăm nghìn đồ một trận cười như không.

¹ *Thúc Sinh*: Một nhân vật nổi tiếng vùng tiền chồn làng chơi trong truyện Vương Thúy Kiều của Thanh Tâm tài nhân.

Gương Tư Mã¹ mắt trông tây liếp,
Hỏi lòng này đã biết hay chưa ?
Thử xem Vương, Thạch² ngày xưa,
Đua nhau thi của bây giờ còn đâu.
Thôi rày phải suy sau tính trước,
Bước phong lưu còn bước hàn vi,
Chớ nên ăn xổi ở thì,
Tiêu pha ta phải nghĩ khi lam làm.
Được hạt thóc năm cơm bảy mâm,
Trái mấy phen dãi nắng dầu mưa,
Nữ nào xa phí thị thường,
Ăn chơi không tương đến đường sinh nhai.
Tiền vua đúc phải mài phải dũa,
Được một đồng nát cò chưa xong,
(26a) Nữ nào phung pháo chơi dong,
Ăn tiêu cho thỏa cái lòng kiêu xa.
Khuyên rày dẫu làm ra bối có,
Phải sèn so cho tỏ nấp ngấn,
Để còn việc nước việc dân,
Việc nhà việc họ muôn phần tiêu pha.

¹ *Tư Mã*: Tư Mã Tương Như người đời Hán, dùng tiếng đàn tỏ tình làm Văn Quân góa chồng say đắm, bỏ nhà trốn theo. Ở đây có ý chê việc trai gái quyến rũ nhau.

² *Vương, Thạch*: Vương Khải, bạn của Thạch Sùng, người giàu nổi tiếng đời Tấn sống rất xa hoa. Sau bị Triệu Vương Luân giết giữa chợ. Tương truyền Thạch Sùng hóa kiếp thành con mối, vì tiếc của nên tắc lưỡi mãi.

Trên phụng dưỡng cha già mẹ lão,
Dưới vợ con quần áo sửa sang,
Có tiền có thóc thời hơn,
Không tiền không thóc thôi còn ra chi.
Kiếm cần hai chữ nên ghi.

ĐÀO HOA THỊ NỮ PHỤNG GLẮNG THI

(Ngày 17 giờ Ngọ mùi thân dậu)

Không duyên hồ dễ tới Kinh đàn,
Rực rỡ lần xem bái Thánh nhan.
Liều yếu thôi thời đành phận bạc,
Hương thừa chi xá quản thân tàn.
Bút hoa nâng viết tay còn gượng,
(26b) Tiếng ngọc gieo vần giọng vẫn khan.
Phụng mệnh về Đàn ơn xiết kẻ,
Chín lần xin giải một lòng đàn.

BÀI CA CẨM ĐÁNH BẠC

Phiên âm:

Dĩ hạ ngũ mục thuần dụng ca dao điệu tục gọi hát
xẩm xoan. Tri điệu giả, cứ chiều nguyên văn nhi đọc.
Bất tri điệu giả, ung tùng lục bát cách nhi đọc.

Dịch nghĩa:

(Dưới đây năm mục thuần dùng điệu ca dao tục gọi hát xẩm xoan. Người biết điệu thì chiếu theo nguyên văn mà đọc, người không biết điệu nên theo cách lục bát mà đọc).

Thánh Mẫu tổng phê rằng:

Dương dương doanh nhĩ ca nhi thiện,
Úc úc hồ văn lạc thả thâm.

*(Đẹp dễ bấy, tai ca mà thiện,
Thịnh hưng thay, văn nhộn mà sâu).*

(Ra thời gì)

Cuộc dò đen thời chả (có) ra gì,

Ham mê chi lắm để phi tiếng người.

Năm canh bực lắm (anh) chàng ôi,

Kẻ chê và lại người cười (em) chịu (được) sao ?

(Chém) cha đời cái số hoa đào,

Gỡ ra chưa hết buộc vào còn nguyên.

(Em) biết (ò) đâu lắm bạc nhiều tiền,

Giả đi cho sạch khỏi phiền (anh chớ) lòng anh.

(Thôi) ruộng nương điền địa (em) cũng đành,

(27a) Còn ăn hết nhịn tan tành (em biết) kêu ai.

(Những) tiếc công cha mẹ bồi tài,

Bây giờ đến nỗi rạc dài sao cam.
Trót vì anh tay đã nhúng chàm,
Đại rồi còn biết khôn làm sao đây.
(Có) thương em (thời) buộc chỉ cổ tay,
Đơn hàn chấp nỗi từ rầy (đi có) mà đi.
Anh ôi cớ bạc ra gì !

BÀI CA CÁM TRANH TỤNG

(Ra thời sao)
(Sự) tranh hơi nó chẳng ra sao,
Cửa quyền thôi chớ ra vào (nó lại) nhọc thân.
Đã đẩy nhau vào kiếp phong trần,
Tan nhà hại của muôn phần sao đang,
Chẳng qua (thời) trong họ ngoài làng,
(27b) Cùng nhau một giống da vàng (đâu có) người đâu.
(Sự) đại khôn ta sẽ bảo nhau,
Bối bèo ra bộ hay đâu thế mà,
Làm chi (càng) nặng túi sai nha,
Hộ, hôn, điền, thổ¹ vốn là (cái thói) xưa nay.
Béo cò vĩ đục nước này,
Rán sành ra mỡ, rút dây (chẳng sợ) động rừng,
(Lối) việc quan ai chả biết chừng,

¹ Hộ, hôn, điền, thổ: nhà cửa, cưới hỏi, ruộng, đất.

Mất tiền lạy đất, ốm lưng chịu đòn.
Biết ai (mà) rằng dại rằng khôn,
Quanh đi quẩn lại (nó chi) một môn chết tiền.
Được kiện (thời) mười bốn quan liền,
Mười lăm quan chẵn về tiền (thua ấy) bên thua.
(Thôi) cùng nhau cậy sớm nhờ trưa,
Tối đèn tắt lửa (cái lúc) bấy giờ nhờ ai.
Tình còn thăm, nghĩa còn dài,
(28a) Đường đi lối lại muôn đời (lâu vẫn) còn lâu.
Kiện nhau cũng chẳng khỏi nhau.

BÀI CA CÁM HÚT THUỐC PHIỆN

(Bản thì đèn)
Cái bàn đèn nó sáng như sao,
Yên hà vui thú anh vào (cho nó) thỏa anh.
Em cũng liều lên thác xuống ghềnh,
Vo tròn bóp bẹp tan tành (em chẳng) quản chi.
(Nhưng) tiếc anh là đáng nam nhi,
Mê vào khói ấy còn gì là thân.
(Không) những rằng lọ áo lem quần,
Cái xe cái lọ (nó) giam thân (anh ở một) lỗ giường.
(Dẫu) vợ con anh cũng chẳng thương,
Ngày đêm trò chuyện với (những) phường phá gia.
Lỗ tròn kim (làm cho) vỡ cửa tan nhà,
(28b) Mười trâu chín đụn cũng là bằng không.

Hồi anh ôi nhóm dậy mà trông,
Cái gương tây liếp soi chung (cho cả) mọi người.
(Em) nói ra sợ chị em cười,
Vì anh em phải tháo tai đi cấm,
(Có) thương nhau buộc dải đồng tâm.
Thuốc chữa anh phải nghiền răng anh chữa,
(Họa) may ra em được phận nhờ.
Thực là hồng phúc anh to bằng đình.
Anh đừng ngành mặt làm thình.

BÀI CA CẨM UỐNG RƯỢU

(Rượu thời đào)
Chén rượu đào (nó) sướng làm sao,
Đổ đi thời tiếc uống vào thời say.
Cô hàng ôi (cái) thứ rượu này,
Bán cho tôi một chai đầy (cho nó) hả tôi.
Bao nhiêu tiền (có) sẵn đây rồi,
(29a) Ở đời biết trải mọi mùi (chỉ có) lo chi.
Giữa (con) đường ngật ngưỡng bước đi,
Chân cao chân thấp quán gì (cái lúc) say sưa.
Việc bằng trời (cũng) chẳng có lo,
Một chai rồi lại một vỏ cũng nên.
(Lúc) vui chơi ta uống giải phiền,
Đình kia đám nợ (nào có) mất tiền mua đau.
(Sung) sướng thay một chén tiêu sầu,
Cái hồn xất xác ở đâu nó ép vào mình.

Giờ tay đập phản thỉnh thỉnh,
Dẫu rằng bè bạn cha anh (thôi cũng chẳng) ra gì.
Ô danh nát giá mọi bề,
Chẳng qua rồi chuyện chỉ vì (cái đũa) ma men.
Làm cho sang hóa ra hèn,
Những tuồng trà rượu ai khen đâu nào.
(Có) phải là quân tử chí cao,
(29b) Vui chơi ba chén uống vào (say chớ) đừng say.
Quý chi trà rượu mà hay.

BÀI CA CÁM HAM SẮC

(Đa thời tình)
Chém cha (đời) cái thói đa tình,
Khư khư mình buộc lấy mình (chi nữa) mà chi.
(Vê) hồng nhan thôi có ra gì,
Nghiêng thành nghiêng nước nhiều khi (nó lại)
hại mà.
Tấm son (kia) nguyện với trăng già,
Sắt cầm đẹp lứa một nhà (ta những) vui chung.
(Thơ) Quan thư¹ ngâm họa thỏa lòng,
Trăm năm tạc một chữ đồng đến xương.
Mặc ai (mà) điểm phấn tô hương,
Lầu xanh quen thói phũ phàng trắng hoa.
(Mối) tương tư vẫn vít người ta,

¹ *Quan thư*: Tên một bài ca trong Kinh Thi nói về việc vợ chồng tốt đôi vừa lứa.

Ái ân thôi cũng chẳng qua (cái) túi tiền.
(Còn) biết gì là nợ là duyên,
Câu ca dễ rượu giải phiền (trong lúc) đêm thanh.
(30a) Lẳng lơ (tuồng) gió lá chim cành¹,
Đèo bông chỉ một chữ tình (nó lại) thêm lo.
(Dòng) phát phơ ai chờ được đờ,
Anh hùng ta phải biết cho thập thành.
(Chữ) sắc kia thực giống tài danh,
Làm chi hại của hại mình (kể biết) bao nhiêu ?
Sóng tình đừng có xiêu xiêu.

ĐỆ TAM THÁNH MẪU GIẢNG THƠ

(Ngày 15 giờ tý thìn – Thủ vĩ ngâm)

Mây hòa gió tạnh về trời xanh,
Rong ruổi xe tiên tới cõi lành.
Bút thảo văn chương màu cẩm tú²,
Mực đề sơn thủy nét đan thanh³.
Nước non lặn đặng từng bao quản,
Đường sá xa xôi mấy cũng đành.
Gặp gỡ nghìn thu nay một hội,
Mây hòa gió tạnh về trời xanh.
(30b)

¹ *Gió lá chim cành*: Lá gió cành chim: lá đưa gió, cành đưa chim. Chỉ tính cách của người phụ nữ lẳng lơ, tính cách gái làng chơi.

² *Màu cẩm tú*: màu gấm vóc. Chỉ tài thơ văn hay.

³ *Nét đan thanh*: nét đỏ xanh. Chỉ tài vẽ giỏi.

Chương thứ năm
SỬA ĐỔI HỦ TỤC

※ ※ ※

Phụng Quan Thánh duyệt phê rằng:

Tây tận tương duyên chi lậu tập,
Đốn hồi thái cổ chi thuần phong.

*(Hủ tục theo nhau nên rửa sạch,
Thuần phong nếp cũ sớm quay về.)*

Phong tục ở mỗi đời mỗi khác,
Hậu nên theo mà bạc nên trừ.
Cốt sao một phái hai vừa,
Xứng gia và lại biết cơ hợp thời.
Trông phong tục cõi đời rất hủ,
Thấy giang sơn nền cũ mà thương.
Ba thu vò võ can trường,
Nghĩ càng thêm nghĩ, đau càng thêm đau.
Nào hương lệ buộc nhau mọi lẽ,
Ngôi đình trung bẻ hạc đủ điều.

Xôi cân lợn giết cho nhiều,
Phần đưa cỗ biếu bao nhiêu cũng vừa.
Nào tang sự tóc tơ mọi nỗi,
Nghĩ gia tình bối rối trăm vòng.
Chiêng chiêng trống trống lòng xùng,
Lệ tiền lệ cỗ lung tung mọi bề.

(31a) Nào xin phép để về mở đám,
Trích tiền dân thâm lạm vui chơi.
À đầu con hát lời thôi,
Gian dâm rước lấy tội trời ích chi.
Nào nhờ bóng qui y tam bảo,
Mở đàn chay cầu báo tứ thân.
Khai phương phá ngục đủ tuần,
Bày trò múa rối không phần lợi chi.
Rằm tháng bảy đốt đi hàng vạn,
Cối trần gian nhục nhân nan tri¹.
Thương ôi sinh ký tử qui,
Cối đời sống gửi chết đi là thường.
Đã cách biệt âm dương đôi ngả,
Quý chi đồ dối trá mà mua.
Đem tiền nữ đốt ra tro,
Hỏi lòng hiếu nghĩa ấy to bằng nào.
Lũ đồng cốt khăn đào áo đỏ,
Liếc mắt trông kẻ có hàng ngàn.

¹ *Nhục nhân nan tri*: Mất thịt không biết, chỉ người ngu đốt tối tăm.

Phát phơ múa hát quàng xiên,
(31b) Những tuồng hoa thái hương tàn kẻ chi.
Đạo Tiên Thánh từ bi vô lượng,
Thăm thăm cao muôn trượng xanh xanh.
Làm chi những thói ma ranh,
Hỏi lòng tội ấy mấy khên cho vừa.
Thôi hủ tục kẻ chưa hết kẻ,
Thương thể tình răn sẽ còn răn.
Khuyên rày sửa đổi cho nhanh,
Cứ chiều theo thói văn minh kéo nhâm.
Phàm những việc mê tâm bội lý¹,
Phàm những điều lãng phí cự chi².
Đã không bỏ ích được gì,
Dân nghèo nước yếu lắm khi hại mà.
Mau mau phải liệu mà trừ hết,
Quyết không cho vẩn vít tơ vương.
Chiêm bao trước đã mơ màng,
Chuông khua rày phải vội vàng tỉnh ra.
Hủ ôi mây lánh cho xa !

(32a)

HỒNG NƯƠNG THỊ NỮ PHỤNG GIÁNG THƠ

(Ngày 18, giờ thìn, tý)

Quần quanh chín khúc rồi tơ vò,
Tâm sự này ai đã biết cho.

¹ Mê tâm bội lý: tâm mê muội, đi ngược lại chân lý.

² Cự chi: Chi lớn, chi nhiều.

Ngày tháng dài sao đẳng đẳng,
Nước non héo đã vổ vò vo.
Tha môi nuôi nặng đàn con nhện,
Quyến đất lao đao một mẹ vò.
Những ước lòng trời trông lại đó,
Trai lành gái tốt khỏi đeo lo.

TẾ TỤC TIỂU THUYẾT

(Tục cúng tế)

(Dưới đây bốn mục đều dùng thể tiểu thuyết)

Phụng Thánh mẫu tông phê rằng:

Hủ bại miễn phao kim thể tục,
Thuần hòa thuyết học cổ nhân phong.

*(Thể tục nay lo trừ hủ bại,
Nhân phong xưa cổ học thuần hòa).*

Có người ở trong làng, cũng là bậc kỳ cựu, vốn hay hạch sách việc này việc khác.

(32b) Nhân một hôm ra tế Trung nguyên, thấy người xã tuần đứng trên chiếu xanh lễ.

Hạch rằng:

Sao anh vô phép, anh kia ?

Đình trung thứ vị đã chia ra rồi.

Người nào vọng sách hăn hoi,
Phân đưa có khác, chỗ ngồi có nơi.
Anh tuy làm xã tuần rồi,
Nhưng anh chưa vọng chỗ ngồi ở đâu.
Ra mau !
Chú xã tuần tức quá nói rằng:
Bác tuy kỳ cựu hơn tôi,
Ngôi ăn đã hậu, ngôi ngồi đã sang.
Lại còn lên mặt oang oang
Bồ câu giữ thói ra ràng làm chi.
Im đi !

Rồi nhân thế hai đảng chửi đánh nhau. Một người thời kỳ cựu, vọng sách đủ cả, nhưng lúc cha mẹ chết thì không có gì. Một người khi cha mẹ chết làm ma to. Sau làm xã tuần hết của không vọng được. Đôi bên chấp lý không chịu nhau rồi đi kiện.

(33a) Quan xử rằng:

Người kỳ cựu già bằng vai cha người tuần xã trẻ,
Người tuần xã trẻ bằng con bé người kỳ cựu già.
Nói với nhau mà ra,
Già đừng kiện trẻ.
Lòng có biết được lẽ,
Trẻ phải kính già.
Xả ! Thôi ra !

HÔN TỤC TIỂU THUYẾT

(Tục hôn nhân)

Xã Phù Dung có hai thôn, người thôn Đông tên là cô Đào, người thôn Tây tên là Bạch Liễu. Đôi bên gái sắc trai tài, vừa đôi phải lứa.

(33b) Đương hai vợ chồng cha mẹ đôi bên cùng bằng lòng kết ước với nhau, đi lại tuần kia tiết nọ đủ cả. Định cưới:

Nuôi con những ước về sau,

Trao tơ phải lứa gieo cầu đáng nơi.

Không ngờ nhà gái thách cưới nặng quá, nhà trai không đủ tiền, không cưới:

Gả con thách những bạc tiền

Vì vàng đến nỗi làm đen cả lòng

Cách hai, ba năm sau, nhà gái không thể hãm duyên con được mới giục cho nhà trai cưới. Chẳng phải tiền bạc gì nữa.

Khi rước dâu nhà trai nói rằng:

Duyên đâu duyên khéo lạ lòng,

Thuyền duyên sánh với anh hùng phải đôi.

Hai bên tác hợp tự trời,

Vì tiền đến nỗi ngăn rời bấy lâu.

Khi thân chẳng lọ là cầu.

Nhà gái tiếp rằng:

(34a) Sông Ô trời đã bắc cầu,

Tiền bạc hồ dễ ngăn nhau được à ?

Bây giờ ta mới biết ta,
Sắt cầm¹ sum họp một nhà vui thay,
Rằng trăm năm cũng từ đây.

Xem thể thời sự vợ chồng, số trời đã định, không có thể vì tiền bạc mà ngăn trở được. Nếu có lòng tham, trời chẳng cho làm. Chài hồng, đỏ hồng, nhờ sinh tẻ tục, nhà thêm vô phúc, kẻ nhieếc người chê.

Thôi, gái nhà này, dâu nhà khác, con cũng con chung, trai có vợ gái có chồng, của là của thể.

ĐỘC TỰ TIỂU THUYẾT

(Tục thờ nhâm)

(34b)

Tục nước ta vốn hay mê hoặc về sự quý thân, ít theo lối chính, thường nhiễm lòng tà. Cầu đảo những nơi đền chùa đàn miếu đã đành, thậm [chí] lại cúng cá bở tre gốc dứa.

Nhân thấy một nhà thờ viện, trống chuông phụ khảo, đồng cốt lôi thôi. Nay bà chúa, mai ông quận, thực là phiền nhiễu, tội không hết kể.

Người ốm bảo bà cô bán hồn phách,

Nhà động bảo ông mãnh đòi tiền vàng.

Nhà ấy tin quá, lễ bái lăm thành ra nghèo. Dựng hội cúng chung.

¹ *Sắt cầm*: Đàn cầm và đàn sắt. Hai thứ đàn này thường đánh hòa âm với nhau, ý chỉ cảnh vợ chồng hòa hợp.

Một hôm làm đàn kỳ an, rước quanh bờ sông:

Đàn tràng coi thấy nghiêm trang,

Đặt bày áo mào sửa sang hương đèn.

Phút đầu bà chúa ngự liền,

Áo hầu khăn thái đòi lên thượng thuyền.

Đồng bà ai lại chớ tin,

Kíp làm thuyền giấy đua bên đại hà.

Túi thiêng bà gỡ phép ra,

(35a) Thượng thuyền không nổi trăm hà khá
thương.

Nguyên người đồng là con người hàng xóm. Khi
chết người hàng xóm đi trình quan, sinh ra sự lỗi thời.
Ông chủ viện phải tội phát vãng, vì làm con người ta
chết, rồi nhà viện tan tành. Bà chúa ông quận cũng từ
biệt mà đi mất.

Than ôi tính quý hồn ma,

Mình làm mình chịu kêu mà ai thương.

TANG LỄ TIỂU THUYẾT

(Tục ma chay)

Một người làm thủ giáp, sinh được 3 con. Tuổi
ngoài 80, gia sản có ruộng vườn nhiều lắm. Nhà giàu
quen thói phong lưu, con ít học hành, chỉ lên mặt ăn
chơi hào phóng.

(35b) Cha sinh già yếu, đường đau lòng sinh tử biệt
ly. Không may trời sương lạnh lẽo, mây hạc mịt mù.

Cha chết đi, các con tranh của, tức đem làm ma, nào trâu bò, nào dê lợn, giết không biết bao nhiêu. Nào té lể, nào nhạc âm, làm rõ vui bằng tết.

Lệ làng, lệ xóm, lệ giáp, nạp chẳng thiếu một đồng. Nhà táng cửa “công”, minh tinh, bày rõ đủ các thức. Tân bằng tiếp đãi, hết kẻ gần cho đến người xa. Vàng mã sắm sanh, đã ba ngày lại tuần bách nhật, thậm là tốn phí, cơ nghiệp tính hết nửa già. Tính toán không minh, con cái tức nhau đem kiện, đến nỗi cỏ mọc chưa mọc, ruộng vườn xưa phút đã ra tro. Đầu tóc còn tang, nhà cửa cũ bỗng liền chia cắt.

(36a) Thương phong tục, tệ sao là tệ, cái gương này nên để soi chung.

Lòng nữ phụ lòng, thói tục ấy mau nên sửa đổi.

QUAN ÂM PHẬT TỔ GIÁNG THƠ

(Ngày 15. giờ ngọ)

Chùa Hương tu được chín năm trời,
Quả phúc vo nên đã vẹn mười.
Ngàn mắt ngàn tay thân Quán Thế,
Muôn thiêng muôn pháp đạo Như Lai.
Nam vô thường niệm kinh nhân quả,
Bồ tát nào ưa giống họa thai.
Nước biếc non xanh ghi dấu cũ,
Cảnh đương tẩy sạch bụi trần ai.

Chương thứ sáu
TU THIÊN ĐẠO
(Tu đạo làm thiện)

※ ※ ※

Phụng: Quan thánh phê rằng:

Nhất điểm linh đài tâm tức Phật,
Mãn xoang hòa khí thiện vi sư.

*(Một điểm linh đài tâm tức Phật,
Đầy lòng hòa khí thiện là Thầy.)*

(36b) Trời phú tính người ta từ trước,
Tâm lòng lành riêng được nhiều hơn,
Tập rồi tính ấy dần khôn,
Mang theo phong tục nước non nhiều nghề.
Nên tính cũ không đề giữ được,
Thói kiêu ngoa vội rước vào mình,
Lâu lâu tập giữ tính thành,
Ác cai sâu nhiễm nét lành hóa xa.
Lửa nhân dục bùng ra lửa ngọn,
Gương thiên chân mờ suốt năm canh,
Chả ai đạo đức hiền lành,

Rặt phường khóa lợi dâm danh¹ ngập trời.
Lòng độc nọ rửa voi nước bể,
Tội ác kia hết chẻ trúc rừng,
Họa thai cao đắp mấy tầng,
Dầu cho qui pháp, qui tăng mặc dầu.
Phật vì thiện vì đâu kẻ ác,
Thánh thương người, Thánh nhác thương ma,
Càng tu càng lắm tội ra,

- (37a) Mỡ này gươm sắc, cà sa đao dài.
Rày ai phải là người thiện tín,
Có tu thời giữ kín lấy tâm,
Nam vô bụng chớ dao găm,
Của người bỏ tất mà chăm lợi mình.
Phật Thánh chẳng riêng tình ai cả,
Chỉ mong cho thiện quả vo tròn,
Dầu ai áo đấu khăn son,
Lòng không hướng hóa, tu còn kẻ chi.
Chữ tu ấy là gì thế hử ?
Giải nghĩa ra cho tỏ kẻ nhảm,
Tu là tu tính tu tâm,
Tu thân tu hạnh đừng dâm chớ tà.
Rồi lại phải tu nhà tu chợ,
Đến tu chùa là sự về sau,
Tu sao cho nhiệm mọi mầu,
Lọ là miệng niệm, tâm cầu mới thiêng.
Tu là dốc một niềm thiện đạo,

¹ *Khóa lợi, dâm danh*: mang lợi, ôm danh, chỉ loại người bị lợi danh đeo buộc, khư khư giữ lấy.

Đã tu thời đáo lão bất vong¹.
(37b) Thiện là lành ở trong lòng,
Trời cho từ lúc lọt lòng sinh ra.
Lành là bụng thờ cha kính mẹ,
Lành là lòng cứu thế phù thời.
Bắc cầu sửa quán nơi nơi,
Thương người góa bụa, giúp người gian nguy.
Xót loài vật giết chi đau đớn,
Tiếc cỏ hoa vun bón cho tươi.
Một lòng thương vật thương người,
Đủ ngần ấy nét tu thời sẽ tu,
Chân tu lọ phải ra chùa.

QUẢNG CÔ THỊ NỮ PHỤNG GIÁNG THƠ

(Ngày 18, giờ thân, Dậu)

Bút viết mềm ru mặt nhẵn lì,
Khuyên đời đời cứ vẫn tri tri.
Cửa quyền nọ kẻ lòng đen kịt,
Đường lợi kia ai gót rỗ sì.
Xót thấy giang sơn thêm khóc tủi,
(38a) Buồn trông cơ hội luống cười khi.
Nhân nay vãng mệnh qua chơi đó,
Ngẫm nghĩ thương tình nói chẳng đi.

¹ *Đáo lão bất vong*: đến già không quên.

Câu hát ru
SỬA CẦU ĐƯỜNG
(Dưới đây năm bài toàn dùng điệu ru)

Thánh mẫu tổng phê rằng:

Bảo xích tình thâm ngôn bất tận
Mộ từ niệm thiết tụng nan vong.

*(Giữ con dò tình sâu khôn tỏ
Mộ lòng từ niệm thiết khó quên).*

Hỡi hời ha,
Nước non vẫn nước non nhà,
Quần quanh họ mạc có ta với mình.
Lệch kê lằm rừa cho xinh,
Cầu xiêu phải sửa đường ghềnh phải tu.
Ru hỡi tình ru.
Này này thế cũng là tu,
Lộ là lễ Phật, lên chùa chi đâu,
Sông kia đã bắc nên cầu,
Kẻ đi người lại đâu đâu cũng là.
Hà hời hời ha
Sửa sang cho tiện gần xa,
(38b) Trước là lợi kỷ sau là lợi nhân,
Đường kia là lối bộ hành,

Kẻ đi chợ búa người quanh chơi bời.
Hời hời hời hời
Sửa sang cho sạch chông gai,
Làm duyên làm phúc ích người ích ta,
Nghìn năm để tiếng thơm xa,
Còn hơn giữ của giấu mà chôn sâu.
Hời hời hời hời ai đâu,
Sửa đường phương tiện bắc cầu âm công,
Mai sinh con phượng cháu rồng,
Công này trời hân đền công thiệt gì.
Hời hời ta cố cố đi !

Câu hát ru
IN PHÁT SÁCH TỐT

Hời hời ha (và lại có ta)
Có trời và lại có ta
(39a) Thiện là cội phúc, ác là dây oan (sáng tỏ như gương)
Lòng ta sáng tỏ như gương,
Đạo lành ta phải mở đường rộng xa.
Hà hời hời ha (khuyên nhủ người ta)
Trước là khuyên nhủ người ta,
Sau là người lại đem ra giúp mình (sinh sinh sinh sinh).
(Hiện truyện Thánh kinh)
Quý thay Hiện truyện Thánh kinh,

Khuyên trừng nghĩa cả, trị bình công to.
(Đúc lại một lò)
Văn chương đúc lại một lò,
Trăm lời gấm vóc ngàn pho đá vàng.
Xương xướng xương xướng
(Có chí mở mang)
Công trình có chí mở mang,
In đi khắc lại giữ giàng cho năng.
Chẳng có biết chẳng
(Đức ấy ai bằng)
Thừa công đức ấy ai bằng,
Giữa dòng nước chảy dựng tầng đá cao.
(Được thể mới hào)
(39b) Làm trai được thể mới hào,
Tiếng thơm nức cõi công cao ngất trời.
Hơi hơi hơi hơi
(Chẳng nữ phụ người)
Trời xanh chẳng nữ phụ người,
Ở lành ắt hẳn sau rồi hiển vinh.
Tình tình tình tình tình.

Câu hát ru

GIÚP NGƯỜI NGHÈO KHÓ

Tình tình tình. Chung quanh vẫn đất nước mình,
Giống loài chung một, cội cành xa chi (quản gì).

Giàu sang nghèo đói quản gì,
Tình sông nghĩa bể phải vì phải thương,
Thương hỡi còn thương,
Nhiều điều phù lẩy giá gương,
Người trong một nước thì thương nhau cùng
(bọc chung).
Họ hàng chung một bọc chung,
Bốn ngàn năm lẻ một dòng dõi xa,
Hời hỡi hời ha
Xót tình ta phải thương ta,
(40a) Giúp xong vận túng, đỡ qua cơn nghèo (dầu nhiều).
Của kia dầu ít dầu nhiều,
Cứu người cơ nhỡ thương điều gian truân,
Cần những ân cần,
Rét thời tấm áo manh quần,
Đói thời cơm gạo liệu ngần cấp cho (ấm no).
Dầu chưa thỏa chí ấm no,
Nhưng khi cơ nhỡ thân hồ cũng yên.
Phiền đỡ sinh phiền,
Thương ôi gặp bước truân chiên,
Lửa cơ đốt ruột dao hàn cắt da, (xót xa)
Mắt trông lòng phải xót xa,
Nỡ nào tiên thóc để mà giữ chơi.
Hời hỡi hời hơi
Lòng lạnh biết trọng đạo người,
Ở trên ắt đã có trời soi cho (lo hỡi đừng lo).

Câu hát ru
CẨM SÁT SINH

(40b) (Thương thực là thương)

Lòng thương thương thực là thương,
Thương loài động vật cũng tuồng sinh linh.
Có khí huyết có tính tình,
Nỡ nào giết hại không tình đoái thương.
Ru hời ru hời tình ru !

(Khuyên phải mở mang)

Lòng lành khuyên phải mở mang,
Nhớ câu giới sát, chằm đường phóng sinh.
Dùng như những giống vô tình,
Nỡ xem các vật như hình vắn vưng.
Ru hời ru hời tình ru !

(Khó nhọc trăm đường)

Trâu kia khó nhọc trăm đường,
Cày bừa kéo nặng nặng sương dãi dầu,
Làm cho chủ khá chủ giàu
Cỏ đồng nước lã, thân trâu quân gì.
Ru hời ru hời tình ru !

(Lăn lóc mọi bề)

Chó kia lăn lóc mọi bề

Ngày đêm thức giấc, sớm khuya giữ giàng,

(41a) Trong vườn ngoài cổng xanh xang,

Ngăn quân gian đảng, cần tuồng đạo dâm.
Ru hời ru hời tình ru !
(Tâm thử vắn tâm)
Này này tâm thử vắn tâm.
Lòng thương vật ấy có cảm đau chẳng ?
Suy ra hết lẽ công bằng,
Nó là đứa ở siêng năng giúp mình.
Ru hời ru hời tình ru !
(Giết nó sao đành)
Nỡ nào giết nó sao đành,
Vật lông cắt tiết mặn, ninh cho rồi.
Nếu mình ở lỗi đạo người,
Kiếp sau lánh khỏi luân hồi ấy chẳng ?
Ru hời ru hời tình ru !

Câu hát ru

KHUYÊN GIỮ GÌN CHỮ SÁCH

Hời hời hơi này hời hời hơi
Có thân sinh ở trên đời,
(41b) Tai nhanh mắt sáng là người con trai (giá anh tài).
Bút nghiên đáng giá anh tài,
Nói dòng bào hốt theo loài trâm anh.
Tinh tinh tình này tinh tinh tình !

Vì đâu rèn đúc nên mình,
Ấy lò vẩn vật mẫu sinh tạo thành (khí tinh anh).
Nước non chung khí tinh anh,
Chính hồn vẩn tự để dành lại đây.
Hay là hay này hay thậm là hay !
Ăn trái nhớ kẻ trồng cây,
Ta khôn ta nhớ công này tại ai (cuộc tương lai).
Cơ dĩ vãng cuộc tương lai,
Chữ nho là kỷ niệm đài ngàn thu.
Ru tình ru này ru hỡi tình ru !
Chữ là hiền thánh đặt cho,
Bao nhiêu tâm huyết công phu tạo thành (để đề
danh).
Để ký sự để đề danh,
Để ghi số tự để rành căn nguyên.
(42a) Đẹp như tiên này tiên đẹp như tiên,
Chữ là mất thánh tai hiền,
Nghìn vàng một chữ có tiền khôn mua (giúp
nhà vua).
Mở dân nước, giúp nhà vua,
Công cao như núi đức to bằng trời.
Chớ làm chơi này chơi chớ làm chơi,
Phải nên kính trọng hẩn hoi,
Đừng đem bỏ rưng bỏ rơi nữa mà (mặc người ta).
Tây Tàu thôi mặc người ta,
Chữ ta ta phải giữ mà kính xem.

TRUNG NỮ VƯƠNG GIÁNG THƠ

(Ngày 15 giờ thân)

Anh thư nào chịu kém anh hùng,
Dấu phận quần thoa cũng kiếm cung.
Oán kẻ nữ sao khua gió bụi,
(42b) Thù chồng thể chẳng đội trời chung.
Nghìn năm nước cũ thêm tươi mặt,
Chín suối hồn thiêng cũng mát lòng.
Vạc vạc gương xưa còn sáng tỏ,
Tiếng thơm lòng lấy gái Châu Phong.

Chương thứ bảy
MỞ RỘNG GIAO THIỆP

※ ※ ※

Phụng Quan Thánh phê rằng:

Táo ể trừ phân quang nhãn giới,
Khai hoa kết quả thụ tâm căn.

*(Trừ mù quét tối mở tâm mắt,
Kết trái đơm hoa trồng gốc tâm).*

Người sinh ở cõi đời giao thiệp,
Đã ăn chơi phải biết thập thành.
Chơi đừng chơi quẩn chơi quanh,
Chơi sao cho rộng mọi vảnh thì hơn.
Đi ngày đàng, sàng khôn học được,
Bước chân ra, một bước một hay,
Đi cho biết đó biết đây,
Ở nhà với mẹ biết ngày nào khôn.
Kìa thế giới năm phương quanh quất,
Người bao nhiêu mà đất bao nhiêu,

- Sông to núi lớn cũng nhiều,
(43a) Đường đi lối lại trăm chiều ngọn ngang.
Người bốn giống đen vàng đỏ trắng,
Trời bốn phương nam bắc đông tây,
Mông mênh nước nước mây mây,
Chẳng đi sao biết thung này thổ kia.
Cách kỹ xảo trăm nghề khôn khéo,
Đường bán buôn vạn nẻo giao thông,
Non xa đất thẳm mịt mù,
Chẳng đi còn biết vân mòng làm sao.
Thương người ta khác nào mê ngủ,
Quen nằm co trong xó rừng hang,
Hạch nhau lệ xóm lệ làng,
Phản đưa cổ biểu râm ran vang trời.
Nếu ai có xa chơi rộng bước,
Đã mục cho bò nước bò làng.
Lôi thôi trăm cách bề bàng,
Kẻ khai tha vãng, người rằng Đông du¹.
Than ôi nhẽ si ngu quá nổi,
Khốn nạn thay tình tội trăm khoanh,
(43b) Lòng kia nghĩ thế sao đành,
Nhốt nhau lúng túng, vào vảnh cho cam.
Mình đã đại còn làm người đại,

¹ *Tha vãng* (bò làng) đi nơi khác.

Đông du: sang Nhật Bản, phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX. Ở đây phê phán thói hủ lậu của bọn lý dịch, ngăn cản sự đi ra ngoài để học hỏi, giao thiệp.

Dại bao giờ mà lại khôn ngoan.
Mới trông thấy mặt người quan,
Phách hồn thôi đã vội vàng lên mây.
Huống chi gặp người Tây, người Đức,
Ăn mặc sang, sức lực như voi,
Mắt trông gỏi đã rụng rời,
Thôi còn giao thiệp với đời được sao.
Rày khuyên phải tự hào lập chí,
Học cho tinh, giao tế cho thông,
Ở trong một dãy non sông,
Đồng bào trước phải đồng lòng với nhau.
Người một nước khác đâu cùng mẹ,
Tình tương thân chớ rẽ làm hai,
Sau ra giao thiệp cõi ngoài,
Kẻ giàu buôn bán, người tài giao du.
Khắp thế giới, đâu đâu cũng biết,
(44a) Cả toàn cầu, việc việc cũng quen,
Trí khôn thay đổi chất hèn,
Dọc ngang rồi cũng đua chen với đời.
Chơi thời biết cách mà chơi.

QUÊ HOA CÔNG CHÚA PHỤNG GIẢNG THƠ

(Ngày 18 giờ thân, Dậu)

Cỏ cây lóng lánh sắc hoe hoe,
Kìa tấm trắng thu sáng đỏ lòe.

Chú Cuội hận đời môi tím tím,
Dì Trăng cười khách miệng chèo chèo.
Bóng vàng thấp thoáng in đầu núi,
Sắc bạc long lanh nhuộm mặt khe.
Vui hội thăng bình nên mới giáng,
Những hiểm non nước bết bè be.

GIA TỘC GIAO THIỆP

(Từ đây xuống, ba bài đều dùng điệu phong dao)

(44b) Phụng Thánh Mẫu tông phê rằng:

Mạc hiểm lý hạng ca dao tục,
Chính thị tinh thần hoán khởi phương.

*(Chớ ngại ca dao nơi xóm ngõ,
Chính là cách gọi dậy tinh thần).*

Cha mẹ sinh em ra,
Em ở một nhà em thấy những ai ?
Cái lòng em thơ dại chưa tài,
Mẹ cha dạy dỗ em sáng tai nghe lời.
Ông bà tuổi tác ở đời,
Răng long đầu bạc em thời kính tôn.
Mẹ cha sinh đẻ ra con,
Phần em em phải thân hôn mọi bề.

Sau anh chị bảo, em phải nghe,
Em không rần mặt như đe thợ rào.
Họ hàng chú bác người nào,
Em vẫn ra vào thăm hỏi chào thưa.
Lại còn cậu mợ dì cô,
Phận em em phải giữ cho vẹn tròn.
Đến ngay hầu gái, ở con,
Lòng em yêu nó, nó còn sợ em.
(45a) Đường ở ăn trong ẩm ngoài êm,
Cái tâm giao thiệp của em cũng vừa.
Bây giờ em còn đại còn thơ,
Mai ngày khôn lớn, em chẳng khù khờ chút nao.

XÃ HỘI GIAO THIỆP

Em bé thời con mẹ con cha,
Lớn lên con vua con chúa.
Ở nhà há có được đâu,
Bước chân ra em mới qua cầu,
Nhác trông non nước một màu xa xa.
Con đường trường muôn dặm bao la,
Nèo về Thuận Hóa nèo ra Bắc Kỳ.
Đầu em đội nón, tay em xách bao-ly¹,
Kết cùng người bạn em đi vui đường,

¹ Bao-ly: Có thể là va-li chăng ?

(Một hai giờ) em tạm vào hàng,
(45b)Thấy ai thanh khí em cũng vội vàng chào thưa.
Lời em nói ngọt, không chua,
Cho nên ai cũng thích ưa em này,
Giờ lâu em lại đi ngay,
Dần dần lịch lãm nên tay chơi bời.
Bạn bè em quen cả mọi nơi,
Trong Nam ngoài Bắc rồi lại vào chơi kinh kỳ.
Cách em chơi ai dễ đã bì,
Dẫu cho Man Mạch có khi em cũng quen rồi.
Lòng em giao thiệp với người,
Chỉ trong đốc kính, không ngoài tín trung.
Em còn mong gặp hội mây rồng,
Dọc ngang thế giới thông đồng mọi nơi,
Làm trai biết trải mọi mùi,
Mất tai cho thỏa một đời thông minh.

THẾ GIỚI GIAO THIỆP

(46a) Đương khi tuổi trẻ đầu xanh,
Trong nhà ngoài nước, em đã thập thành khắp
cả mọi nơi.
Hội văn minh nay đã tới rồi,
Giao du em quyết chơi bời cho hay.
Học hành em thông tiếng Thái Tây,
Đường ăn cách ở em hay cả rồi.

Chơi cho tò mặt với đời,
Buông tầm con mắt ra ngoài năm châu.
Gần thời nước Nhật nước Tàu,
Qua miền đất Á sang Âu lắm nước anh hùng.
Non sông đua sức vẫy vùng,
Anh, Nga, Phổ, Pháp, thông đồng công thương.
Xuống tàu qua Đại Tây dương,
Sang Tân thế giới về phương Hoa Kỳ.
Trường nghề, trường học đạo đi,
Biết cơ trí xảo, biết nghề giao thông.
Gặp khi thế giới đại đồng,
Bốn phương thỏa chí anh hùng giao du.

(46b)

NGUYỄN TỪ QUỐC MẪU GIẢNG THƠ

(Ngày 15 giờ tuất)

Nước non rày đã trải bao lâu,
Thay đổi chừng nao cuộc bể dâu.
Giống cũ Rồng Tiên chung một bọc,
Đất xưa Hồng Lạc bốn nghìn đầu.
Xót lòng gió động cây vàng lá,
Ngán nỗi sương pha núi bạc đầu.
Những ước Hóa Công xoay trở lại,
Trần ai cho tỏ mặt công hầu.

Chương thứ tám
HỢP ĐOÀN THỂ
(Tổ chức đoàn thể)

※ ※ ※

Phụng Quan Thánh phê rằng:

Nghĩa trọng đồng bào chân khả ái
Tình đôn nhất chủng tối tương thân

*(Nghĩa nặng đồng bào càng khả ái,
Tình dày một giống rất tương thân)*

Dân số mấy muôn ngàn ức triệu,
Sinh trưởng cùng một rẻo giang sơn.
Kể năm, năm bốn ngàn hơn,
Nước non chung hợp một đoàn từ xưa.
Phàm đã có tâm tư khí huyết,
Ắt cùng nhau phải kết tình thân.
(47a) Kể chi Nam Bắc xa gần,
Ở đâu thời cũng quốc dân nhà mình.
Nước có mạnh thì dân mới mạnh,
Dân có khôn thì nước mới khôn.

Một cây làm chả nên non,
Ba cây sum lại nên hòn núi cao.
Hỡi anh em đồng bào đầu tá,
Nên cùng nhau chụ ngã em nâng.
Giải đồng buộc lấy khăng khăng,
Một dây liên lạc ngàn năm vững bền.
Trông các nước ở miền thế giới,
Hết lòng riêng vào hội ích chung.
Hội buôn góp vốn giao thông,
Hội nông góp chế máy dùng việc nông.
Trên chính phủ hội đồng bàn bạc,
Dưới dân quyền ràng buộc lấy nhau.
Hóa nên nước mạnh dân giàu,
Liên vai liền cánh cùng nhau một lòng.
(47b) Thương nay buổi thể phong nhật hạ,
Thấy nhân tâm phong hóa mà buồn.
Hạt châu ra rả mưa tuôn ,
Tấm lòng cổ quốc mộng hồn đồ quyền.
Người trong nước không liên một dạ,
Coi nhau như thịt cá mùi ngon.
Mỗi người riêng một lòng khôn,
Chỉ toan khích bác nào còn thân yêu.
Mạnh lần yếu, mà nhiều lần ít,
Hèn ghét sang, nghèo ghét kẻ giàu.
Mỗi người một mỏ một đầu,
Không lòng tương ái, không màu tương thân.

Đũa cả nắm ai cầm bé được,
Một chiếc thời gãy trước còn đâu.
Người mình vốn đã ghét nhau,
Mong chi người khác thương đâu đến mình.
Thôi rày phải đem tình nghĩ lại,
Dân nước ta, ta phải yêu nhau,
Vinh cùng hưởng, nạn cùng đau,
(48a) Sang hèn như một, nghèo giàu không hai.
Việc vũ trụ ghé vai cùng gánh,
Cuộc giang sơn chấp cánh cùng bay,
Đồng tâm buộc lấy dải này.

QUYÊN THANH CÔNG CHÚA PHỤNG
GIÁNG THƠ

(Ngày 19, giờ thìn, tý)

Da trời ngăn ngắt sắc xanh lè,
Mây hạc buông tầm vợi xuống xe.
Tay thảo thơ tiên vẫn ngọt lịm,
Tai nghe lời tục nói chua mè.
Năm canh to nhỏ từng non nì,
Mấy độ đi về vẫn nhẩn nha.
Nghĩa trước ơn sau chan chứa bề,
Vài lời trân trọng lắng tai nghe.

THƯỢNG PHÁI ĐOÀN THỂ

(Từ đây xuống ba bài đều dùng thơ thể liên hành)

(48b) Phụng Thánh Mẫu tổng phê rằng:

Tinh tình hàm dưỡng hưng giai thú
Huyết khí tôn thân khế hậu tình

*(Thú hay do tinh tình hàm dưỡng
Tinh nặng bởi khí huyết giống dòng.)*

Nước non này vẫn nước non nhà,
Quần quần quanh quanh ta với ta.
Nghìn tứ muôn chung ơn đã hậu,
Mỗi lòng nhiệt huyết nghĩ sao mà.
Trên vì nước, dưới vì nhà,
Nước trên, nhà dưới rất là tương quan.
Chịu sào đứng mũi giang san,
Sao cho quốc thái dân an được nào.
Huống nay lại gặp buổi phong trào,
Tài trí người ta kẻ xiết bao.
Mạnh yếu chẳng qua khôn với dại,
Lẽ chung này trốn được làm sao.
Thôi ta cùng bạn đồng bào,
Liên da liền cánh buộc vào cho mau.
Văn minh cổ bắc nên cầu,
Mong sao nước mạnh dân giàu mới hay.
Phong lưu còn chán sau này.

(49a)

TRUNG PHÁI ĐOÀN THỂ

Chẳng thấp nhưng mà cũng chẳng cao,
Trần ai ai đã biết ai nào.
Nước non cùng ghé đôi vai gánh,
Nòi giống chung nhau giọt máu đào.
Anh em ta nghĩ nghĩ sao,
Tình trong một nước kể bao nhiêu là.
Bắc Nam chi quản gần xa,
Ở đâu thôi cũng họ nhà chứ ai.
Chữ tình đầm thấm mãi không phai,
Non vẫn còn cao nước vẫn dài.
Đoàn thể rày nên sum họp lại,
Dân quyền xướng dậy khắp trong ngoài.
Giang sơn đua chọi với người,
Mặt trong kính lý, mặt ngoài ái ưu.
(49b) Gió chiều ta phải che chiều,
Vấn minh theo lấy ít nhiều chút sao.
Làm trai được thế mới hào !

HẠ PHÁI ĐOÀN THỂ

Cạn dòng, cuối nước, phận đàn dân,
Đục đục, trong trong, một chiếc thân.
Gánh vác cùng nhau chung nghĩa vụ,
Phong trần, rồi hấn có phong vân.

Sinh vương thổ, vi vương dân,
Giang sơn ta cũng một phần kém chi.
Ta khôn thời nước khỏi suy,
Ta giàu thời nước lo chi nghèo hèn.
Cuộc đời nay gặp buổi đua chen,
Bình đẳng dân quyền há nhỏ nhen.
Đoàn thể đây này vây buộc lấy,
Lẽ đâu chịu mãi tiếng ngu hèn.
Hôn mê ta tỉnh mau lên,
Trống vang tiến hóa chuông rền vãn mình.
(50a) Non sông tô lấy màu xinh,
Càng sang giá nước, càng vinh phẩm người.
Dân là quý lắm ai ơi !

TRUNG MUỘI VƯƠNG GIÁNG THƠ

(Ngày 16 giờ tý)

Tiếng thơm muôn kiếp vẫn anh linh,
Non nước đeo đai một chữ tình.
Dáo mác dọc ngang em xót chị,
Quần thoa tất tả chị vì anh.
Ba năm đường bệ thung dung cả,
Một dải giang sơn khó nhọc mình.
Tô Định hồn phiêu ngoài Ngũ Lĩnh,
Mê Linh riêng chiếm một triều đình.

Chương thứ chín
TRỌNG GIỐNG NƠI

※ ※ ※

Phụng Quan Thánh phê rằng:

Chúng ái Tiên Long phi quái chúng,
Nhân sinh Hồng Lạc thị kỳ nhân.

*(Yêu giống Tiên Rồng nào quái chúng,
Sinh người Hồng Lạc ấy kỳ nhân)*

Cây có gốc, ngọn cành mới tốt,
Sông có nguồn dòng nước mới xa.
Nước, cây còn thể nữa mà,
(50b) Huống chi nòi giống người ta ở đời.
Nhân thời mọc, không thời thời chăm,¹
Dòng dõi truyền thăm thăm xa xa.
Giống còn, người mới sinh ra,
Không còn, thời nước thời nhà cũng không.

¹ *Chăm*: trái nghĩa với mọc, nghĩa đen là thui chột, không thành cây được (vì hạt không có nhân) ở đây nghĩa bóng nói về con người và đức nhân.

Ta Nam Việt vốn chung một bọc,
Nguyên mẹ cha là giống Rồng Tiên.
Đổi thay hơn bốn ngàn niên,
Mà dòng giống vẫn nối truyền đến nay.
Sinh sản lại càng ngày càng lắm,
Dân đông ken ở khắp Tam Kỳ.
Mán, Mang, Châu, Thổ chi chi,
Cũng trong một giống phân chia ra nhiều.
Hai mươi triệu đồng bào ta đây,
Dòng giống nhà từ ấy sinh ra.
Mấy phen giặc cướp xông pha,
Mà phần dân số vẫn là nhiều thêm.
Nhờ non nước sẵn điểm chung tú,¹
Phúc tổ tông còn nhỏ (rủ) dài lâu.²

(51a) Giống ta ta giữ cho nhau,
Đừng ai nham hiểm toan câu hại người.
Chán non nước buổi đời rất tệ,
Cõi giống người như thể vắn vương.
Không còn biết tiếc biết thương,
Chi toan chăm lấy một phương ích mình.
Nếu người chết mà mình sống đây,
Khi nhớ nhàn mình cậy nhờ ai.
Thôi thôi rày chớ hại người,

¹ *Chung tú*: “chung linh dục tú”: nơi hội tụ người tài giỏi.

² *Nhỏ (rủ)*: “vĩnh thủy bất hủ”: truyền đến muôn đời.

Phải nên yêu lấy giống nòi của chung.
Đẻ sinh sản nhiều cảnh lắm cội,
Đứng giang san nối dõi nghiệp xưa.
Gái trai đua chọi hùng thư,
Thái bình đã vậy ưu tư thế nào.
Một mặt người hơn bao mặt của,
Có người rồi có của mà tiêu.
Dẫu rằng tiền lắm bạc nhiều,
Không người ai có đem điều quý chi.
Chữ rằng: “ngô chủng phi ti”¹.

(51b)

TÌNH HUỆ VƯƠNG CÔ PHỤNG GIÁNG THƠ

(Ngày 19 giờ mùi)

Văng vẳng tai nghe trống điểm tùng,
Vội vàng hạc ruổi với loan dong.
Mượn tay tạo hóa gieo vài chữ,
Giờ ngón văn chương thảo mấy dòng.
Những xót lòng kia đen kịt kịt,
Hóa nên chân phải chạy lung tung.
Có khôn kíp phải nghe lời dạy,
Ơn Thánh sau rồi mới khá mong.

¹ *Ngô chủng phi ti*: Giống loài ta không phải thấp hèn

VỊ KỶ CHŨNG LOẠI

(Yêu giống nòi mình)

(Từ đây xuống 2 bài dùng Từ khúc điệu)

Phụng Thánh Mẫu tông phê rằng:
Khúc khúc ngâm thành bào dữ nghĩa
Từ từ tả tận ái ưu xoang

*(Nghĩa đồng bào khúc khúc ngâm thành,
Lòng ưu ái lời lời tả hết)*

Cây có gốc, nước có dòng,
Gốc sinh lên ngọn, dòng chảy ra sông.
(52a) Nòi giống người ta chỉ có khác,
Khuyên nên cố sức để vun trồng.
Sinh con phượng, nở cháu rồng,
Nói dối cơ cầu¹, nghiệp tổ tông.
Lửa dục mau lên đèn giữ lấy,
Trắng hoa thôi chớ máng chơi rong.
Vợ con đừng sớm quá,
Thuốc rượu chớ nghênh ngang.
Vệ sinh cho nòi giống,
Được thể sau rồi mới khá mong.

¹ *Nói dối cơ cầu*: Chỉ việc nói nghiệp cha ông.

VỊ THA CHUNG LOẠI

(Yêu giống nòi người)

Giống mình mình biết giữ gìn,
Giống người mình cũng phải nên yêu vì.
Nước lắm phái, cây lắm chi,
Cùng nhau giữ giống, giống không suy.
Sẵn lòng giúp đỡ, ra sức bù trì,
Giống còn đây, nước mất gì,
Người đồng của đủ,
Giang sơn chống chọi lúc cơ nguy.
Nên biết rậm người hơn rậm của,
(52b) Nòi giống sinh tồn chẳng sợ chi.
Mau mau dạ nghĩ lòng suy,
Giống người coi chẳng khác chi giống nhà.
Yêu người người lại yêu ta.

TRIỆU KIỀU VƯƠNG GIÁNG THƠ

(Ngày 16 giờ sừu)

Vốn cũ quê nhà quận Cừ Chân,
Thuyền quyền đã thẹn mặt phong trần.
Rợp trời gió phất cờ nương tử,
Đầy đất loa truyền lệnh tướng quân.
Đứa giặc Đông Ngô kinh mất vía,
Bà vua Lệ Hải hóa nên thần.
Dấu thiêng bia tạc trong thanh sử,
Vốn cũ quê nhà quận Cừ Chân.

Chương thứ mười

ÁI QUỐC

(Yêu nước)

※ ※ ※

Phụng Quan Thánh phê rằng:

Sơn hà Tổ quốc như đồ họa
Vũ trụ ngô nhân cộng tử kiên

*(Sơn hà Tổ quốc như tranh vẽ
Vũ trụ chúng ta cùng ghé vai)*

(53a) Vì loài giống gây nên gia tộc,
Nhiều xã dân nên một quốc gia.
Ai ôi quốc nước, gia nhà,
Dân là dân nước, nước là nước dân.
Nước hòa thái muôn phần thịnh trị
Nhà an vui mọi vẻ hanh phong.
Nếu bằng nước lại mình mong.
Thì nhà ắt cũng chênh chông mọi bề.
Ta Nam Việt ở về Đông Á,

Nam Bắc Trung đủ cả Tam Kỳ,
Rừng vàng bể bạc thiếu chi,
Bốn ngàn năm lẻ còn y đấy mà.
Hình thể lại coi ra rất đẹp,
Núi sông kia chẳng hẹp hòi chi.
Rõ ràng nhất cống lưỡng ky¹
Mặt trông bề thăm, lưng kê rừng xanh.
Dài muôn dặm vòng quanh Đông hải,
Cao một nền vững chãi Nam san,
Tây liền Vạn Tượng, Cao Man,
(53b) Bắc liền Trung Quốc, các miền giáp ta.
Còn Đông Nam đều là giáp bể,
Thăm thăm coi địa thế càng xinh,
Sơn sơn thủy thủy đa tình,
Kim âu đất nổi ngọc bình trời cho.
Nền Tổ quốc thơm tho mãi mãi,
Đàn cháu con khôn đại chung nhau,
Thực nơi cất rốn chôn rau,
Thực nơi máu chảy ruồi bâu đấy mà.
Ấy diên sản ông cha để lại,
Ấy từ đường hương khói nghìn thu,
Họ hàng tử táng sinh cư,
Nào đền kỷ niệm nào mồ viếng thăm.
Nên mình phải dốc lòng trung ái,

¹ *Nhất cống lưỡng ky*: Một gong hai thúng (chỉ hình thể nước Việt Nam như đòn gánh, gánh hai thúng)

Khuyên nhau cùng đối đại làm khôn,
Ra tay chống giữ nước non,
Mong còn truyền từ nhược tôn lâu dài.
Kíp nên ái quốc ai ôi !

1

(57a) xưa mát mẻ con
Bề ái nguồn ân bao xiết kẻ
Trăm năm bia đá tạc không mòn.

BÁT VẤN
(của Thánh Mẫu)²

Từ Nhâm tí đến nay là quý hội,
Tính đốt tay một hội quá mười đông.
Cõi Tiên châu rực rỡ dài non sông,
Tay tạo hóa vun trồng sao khéo mấy.
Đàn Hung Thiện gây nền từ đấy,
Bảng trời treo đường thấy có tên.
Lập mệnh kinh lần trước đã in,
Dem Thánh hóa rộng truyền ra bốn mặt.
Sum một cửa Thánh Thần Tiên Phật,
Khí chung linh cũng thực lạ lùng.

¹ Mất ba tờ từ tờ 54 đến tờ 56.

² (Của Thánh Mẫu): 3 chữ này do học giả ĐDA viết thêm.

- Hợp một nhà bốn bề con chung,
Tiếng ơn trạch vang lòng bao xiết kể.
(57b) Thăm thăm muôn ơn trên chín bề,
Đua vui một hội cả ba thu.
Mùi chi lan ngào ngạt thơm tho,
Quả phúc thiện thực to bằng núi Tản.
Dầu có của trăm nghìn ức vạn,
Chữ Đạo Nam ai bán mà mua.
Thương dân con công quả cũng to,
Nên mẹ cố ba lo mà bày liệu.
Vâng ngọc thư tam cung mệnh triệu,
Dóng xe loan thẳng dạo về Đàn.
Nâng bút đào đề chữ Kinh nhan,
Giải dạ đồ bảo ban qui thức mới.
Truyền thị nữ loan dong hạc ruồi,
Mời Nam thần hội giáng Nam âm.
Thêu dệt màu tú khẩu, cầm tâm,
Tay Tiên vẩy đủ ngâm mười khúc.
Sơn nhạc hóa công văn tự ngọc,
Long chương phượng triện bút như hoa.
(58a) Túi văn chương thu lấy tinh ba,
Tung ra khắp câu ca cùng điệu hát.
Mùi đậm đậm chữ không có lạt,
Nói ngọt ngào không chua chát chút sao (nao).
Theo lòng người cứ khúc tiêu tao,

Dem nước sạch tắm vào trong cốt tủy.
Nào học vấn, nào chương luân lý,
Nào tiết tài, chuyên nghệ, quảng giao,
Tiếng chuông kinh gọi tỉnh giấc chiêm bao,
Khắp non nước thú nào không nghe thấu.
Nào tu thiện, nào trừ hủ lậu,
Nào hợp quần, ái chủng quốc gia.
Thuốc thần tiên chữa bệnh trăm kha,
Cả dân nước ai là không kiến hiệu.
Lại tùy mục chia làm các điệu,
Tay đào thành tuyệt diệu vô cùng.
Thực muôn nhà một quả phúc chung,
Duyên tể ngộ tao phùng may mắn đây.
(58b) Thôi ta cố bảo nhau san khắc lấy,
Hỏi ngàn thu được mấy hội này.
Con đã tốt vo, vo phải rõ tròn,
Cho thỏa chí trào non lặn suối.
Dành bút giáng có trong năm buổi,
Thực mẹ đây gắng gỏi mấy năm trời.
Mừng quả kia đã chín cả mười,
Nay con mẹ vui cười cho thỏa chí.
Gác bút đốc một bầu túy lúy,
Dóng xe về sơn thủy tiêu dao.
Nhóm nhơ trong cửa động đào !

KINH THÀNH CẨM THUYẾT

(Giờ đầu)

Thục vị lai tai !

Thục vị lai tai !

Nỗi niềm ai biết chẳng ai,

Nguồn cơn này chỉ có Trời biết ta.

Áo bào dầm dã lệ hoa,

Giọt dài giọt vắng vì ta thương mình.

(59a) Lân Kinh kia hỡi Lân Kinh,

Một tay Thánh bút quyền hành làm ra.

Trải bao mưa gió can qua,

Mà chương Phủ viết¹ Cồn ba² vẫn còn.

Nước non, này hỡi nước non,

Mây che đường Thánh, cỏ lan lòng người,

Thương đời mà tiếc cho đời,

Phun châu, nhả ngọc chốc mười mấy đông.

Trước sau thôi cũng một lòng,

Đạo nguyên thôi cũng một dòng mà ra,

Bắc Nam đôi ngã xa xa,

Đây là lân ứng, đây là loan phi³.

Xót đời mà phải thương vì,

Sinh tiền hóa hậu cũng y một lòng.

¹ *Phủ viết*: Búa, rìu (chỉ sự dạy dỗ, răn đe).

² *Cồn ba*: Áo hoa, áo lễ phục của vua ban.

³ *Lân ứng Loan phi*: Điểm sinh con cháu hiền đức tốt lành (vì như “con Lân cháu Phụng” trai gái đều tốt đẹp).

Hỏi ai ai biết cho không,
Tắc riêng luống những rày mong mai chờ.
Đời sao còn ngắn còn ngơ,
Kẻ ra những tự bao giờ đến nay.
Nếu hay thì trước đã hay,

(59b) Mong gì một độ sau này mà mong.

Phen này nói đã cạn cùng,
Cuốc kia gào lăm thì lòng lại đau.
Tin nhau trước đã nghe nhau,
Chờ chi nay đến hội sau còn chờ.
Phen này lòng cũng ngắn ngơ,
Đã tràng xe cát nên cơ hội gì.
Trời ơi trời có thương vì,
Dở dang đầu hội ừ ừ xem sao.
Mong cho khỏi bọn bút đào.

ĐỆ NHẤT THÁNH MẪU HỊCH TRIỆU

Phiên âm:

(Nhị thập nhất nhật dần thời)

Khâm phụng ĐỆ NHẤT THÁNH MẪU HỊCH TRIỆU

(60a) (Cổ) đàn chủ nhị trường Nguyễn Công (húy Văn Mưu), giám đàn tú tài Nguyễn Công (húy Văn Liêu), đàn thần tòng bát phẩm bá hộ Nguyễn Công (húy Đức Lam) đồng thời phụng giảng thi.

Dịch nghĩa:

Khâm phụng hịch triệu của Đệ Nhất Thánh Mẫu ngày 21 giờ dần cho:

- Đệ nhị trưởng Nguyễn Văn Mưu làm chủ đàn
 - Tú tài Nguyễn Văn Liêu làm giám đàn.
 - Bát phẩm bá hộ Nguyễn Đức Lam làm thần đàn.
- Đồng thời phụng giảng thơ:

Cúi đầu muôn lạy cửa thiên nhan,
Vâng hịch cùng nhau tới Thiện đàn.
Mưa móc dầm dề ơn liệt thánh,
Cán đai mừng thấy vẻ trăm quan.
Giang san một dải màu xưa khác,
Tang hải trăm năm giấc mộng tàn.
Mừng rỡ nghìn thu nay một hội,
Chín lần xin giải tẩm niềm đan.

THOẠI

Phiên âm:

(Ngô sai phụng hịch lai đàn, kiến đồng đàn, sinh quyên, cặp nhì tôn đẳng hấp tập Thiện môn, chân long kế chí, thuật sự, đại vi hỷ úy bất dĩ dã. Phụng kiến Kinh văn giảng trứ tối hảo, ngô sai văn tự an cảm kích cổ lồi môn. Nhân du lâm thời, kiến đặc quần tiên hội ẩm, nãi thuật kỳ từ, dĩ bạch vu kinh mặt yên nhĩ.

Dịch nghĩa:

Chúng tôi phụng hịch tới đàn, thấy các cô đồng đàn cùng quý vị tập hợp ở cửa Thiện đàn, quả là có thể kế tiếp được sự nghiệp của tiền nhân (nên) rất lấy làm hoan hỷ. Lại được thấy Kinh văn giảng rất hay. Bọn chúng tôi trình độ văn tự [có hạn] sao dám giống trống khua âm. Nhân đi du lãm, thấy được quần Tiên hội âm, bèn thuật lại lời để ghi vào cuối bản kinh.

QUẦN TIÊN HỘI ÂM TỰ THUYẾT

(60b) Năm quý hội mùa thu tháng tám,
Gặp giữa tuần trăng sáng như gương.
Cung tiên lấp ló nghệ thường,
Mây bay quần quẩn gió dường hiu hiu.
Ba ta mới đặt điều dạo bước,
Ở tây viên hàn mặc trở ra.
Gió trắng trắng gió một tòa,
Tĩnh tình vui thú biết là dường bao.
Theo Đế tử Tiên Tào thẳng bước,
Tìm non Bồng nước Nhược qua chơi.
Bốn phương chong ngọn đèn trời,
Anh hùng rày tỏ mặt người cung tiên.
Hứng chí quá ngâm nên một luật,
Ba ta cùng xướng, đọc với nhau.
(CHÚ rằng):

Trăng trong leo lèo một trời thu

(GIÁM rằng):

Muôn dặm non sông đẹp mọi màu

Gặp gỡ kỳ duyên chùng đã mấy

(THẦN rằng:)

Khách trần ai dễ được vầy đâu....

(61a) Thi ngâm vừa hết bốn câu,

Thoát đi đã thấy một màu xa xa.

Rào mấy bước lân la tới đó,

Khách trăm năm mới tỏ cõi Tiên.

Lâu dài vè vè thiên nhiên,

Nước trong sắc nước, trời riêng bầu trời.

Cảnh vàng lá ngọc đua tươi,

Chim dâng tiếng sáo, hoa cười vè xuân.

Cỏ cây chẳng chút bụi trần,

Đầy vườn lan huệ, rợp sân tía hồng.

Lâu vọng nguyệt, gác thừa phong,

Cuộc cờ Đế thích, cung cầm Bá Nha.

Bạn tiên nợ hai ba mươi ả,

Áo nghề thường rực rỡ đỏ xanh.

Rượu sen nghiêng rót chén quỳnh,

Đầy bầu vân dịch trên cảnh đào tơ.

Tan cuộc rượu ngâm thơ thương nguyệt,

Tíu tí nghe hay tuyệt là hay.

Có duyên mới gặp hội này,

(61b) Không duyên hồ dễ tới đây được mà.

Vui sau lại đọc ra một vận,
Rồi ba ta thơ thần trở về.
Phút xem hịch gọi lại quê,
Anh em quần áo thẳng về Đoàn Kinh.
Biết trời chẳng phụ người lành.

CHU (CHÂU) ĐẠI TƯỚNG QUÂN GIẢNG THI

(Giờ hội)

Phiên âm:

Xích thổ truy tùy lịch hiểm gian,
Y nhiên nghĩa đảm dữ trung can.
Tam phân Hán đỉnh thiên hà phụ,
Bách chiến giang san cục dĩ tàn.
Hách hách linh hồn thiên cổ tại,
Nguy nguy chính khí ức niên gian.
Long đao nhật dạ vô ly thù,
Xích thổ truy tùy lịch hiểm gian.

Dịch nghĩa:

Cùng xích thổ trải nhiều nguy hiểm,
Vẫn nguyên mật nghĩa với gan trung.
Nhà Hán chia ba, lo hồi phục,
Chiến trường trăm trận, mới tạm yên.
Linh hồn hiển hách, ngàn năm mãi,

Chính khí ngồi ngồi, ức vạn niên.
Thanh đao nhật dạ tay cầm chắc,
Xích thổ theo cùng trải truân chiến.

NGÃ PHỤNG THÁNH GIÁ LAI ĐÀN DUYỆT KINH

Phiên âm:

(62a) Ngã phụng thánh giá lai đàn duyệt kinh. Cái do: Vân Hương thánh mẫu từ thỉnh dã.

Kinh hà dĩ danh ? Danh viết: Đạo Nam. Đạo Nam hà nghĩa dã ? Chú sinh khả năng lý hội nhi thích chi phù hồ ?

Phù Đạo Nam giả, ý dĩ ngô Đạo Nam hỹ chi ý. Nhi tác vi thử Kinh giả, chính dĩ nhĩ sinh đẳng sinh tại Nam phương, nhĩ chủng loại quận thuộc Nam tộc. Cổ thị Kinh giảng dĩ Nam âm, ti Nam nhân độc Nam tự bất chí nhuế tạc chi bất tương nhập dã.

Thiện tai Đạo Nam ! Mỹ tai Đạo Nam !

Thực cảnh thể chi hồng chung, chủng nhân chi bảo việt. Nhĩ đẳng hà bất tư chi ?

Thị:

(62b)

Đàn yếu nghi chỉnh túc bài trí nghi vệ. Tí thời, Quan đại đế giảng duyệt Kinh văn, nhược sơ khoáng trọng tội.

Dịch nghĩa:

Ta phò thánh giá đến đàn duyệt Kinh được là nhờ lời mời của Vân Hương thánh mẫu.

Kinh tên là gì? Tên là *Đạo Nam*. *Đạo Nam* nghĩa là gì? Các người có thể hiểu biết và giải thích được không?

Phàm là (kinh) *Đạo Nam* là ý muốn nói đến “Đạo nước Nam” ta đây. Mà (sở dĩ) sáng tác ra *Kinh Đạo Nam* này chính là vì các người sinh ra tại phương Nam, dòng dõi đều thuộc họ tộc phương Nam, cho nên Kinh này viết bằng chữ Nam (Nôm) để cho người nước Nam đọc chữ Nam (Nôm) không đến nỗi “mộng không khớp mộng” mà không nhập tâm.

Tốt thay *Đạo Nam* ! Đẹp thay *Đạo Nam* !

Thực là tiếng chuông lớn thức tỉnh, răn đời, là chiếc bè báu cứu người. Bọn người sao chẳng biết nghĩ suy cho được.

(63a)

Chỉ thị:

Đàn cần phải bày biện nghi vệ nghiêm túc, chỉnh tề. Giờ tý mời Quan đại đế (Đức Quan Thánh) giảng duyệt Kinh. Nếu như thiếu sót tất sẽ bị tội nặng.

QUAN THÁNH ĐẠI ĐẾ GIẢNG THI

Phiên âm:

Trung đồng nhật nguyệt, nghĩa đồng thiên,
Đại Hán anh hùng thượng lâm nhiên.
Nhất phiên đơn đao chung cổ bạch,
Ngũ canh hồng chúc thốn tâm nhiên.
Phục ma hiền ứng, phi thiên cổ,

Chính khí trường lưu bất vạn niên.
Nam Bắc giáo thanh vô giới hạn,
Tâm thành tất dã đồ chân tiên.

Dịch:

Nghĩa trung lòng ấy ngang trời đất,
Đại Hán anh hùng thật lắm nhiên.
Một chiếc đao, sáng ngời muôn thuở,
Một lòng son, đuốc đỏ năm canh.
Hiển linh trừ quái ngàn đời hiểm,
Chính khí trường lưu suốt vạn niên.
Lời dạy mãi truyền Nam đến Bắc,
Lòng thành ắt hẳn giống Thần Tiên.

VÂN HƯƠNG ĐỆ NHẤT THÁNH MẪU (TẠ BIỂU)

Phiên âm:

(Thần tiêu nữ) thành hoàng thành khùng, khê thủ
đón thủ bách bái cung tạ thiên ân. Ngưỡng kỳ Thánh
giám sự.

Tư giả, khâm mông Ngọc hoàng Thượng đế ngọc bệ
hạ, chuẩn giáng *Đạo Nam kinh* Càn tập.

Kính tư Tam Thánh đế quân đặc cử (thần) chủ lâm
Kinh diên, biến thỉnh Nam bang âm thần hội giáng.
Trung thu khởi bút, ngũ nhật hoàn kinh (thần) khâm
thừa chỉ hạ, hỷ cụ giao tính, cần phụng biểu trần tạ giả.

Phục dĩ: xuân phong phổ biến, hà hiềm nhai cốc chi thâm, thu nguyệt sinh minh, bất ngại bông mao chi xứ. Quyền hành nhất bút, hỷ ủy tam sinh.

(63b) Thiết niệm (thần tiêu nữ) bỏ liễu chích thân, lịch xư tiện vật. Tiên hương dục tú, đặc nhất sơn nhất thủy chi trù anh. Đế khuyết giáng sinh, diệc nhất thế nhất nhân chi mộng sự. Đề mai vịnh liễu, trâm thoa lưu phụ nhụ chi văn. Lộng nguyệt ngâm phong, bút nghiên tổng phạm gia chi sáo.

Duy dĩ Nam âm văn vận, cái điền phu đã lão chi quán văn, phi như Bắc học uyên thâm, nãi văn sĩ nho lưu chi quảng kiến. Kinh dĩ Đạo Nam vi mục, chính sở dĩ đạo Nam nhân. Đàn dĩ Hung Thiện đề danh, nãi sở dĩ hưng Thiện đạo.

Đặc tứ (thần) chủ khai kinh điền, dĩ (thần) tường Nam quốc chi âm.

Đặc sắc (thần) chương lâm đàn điền, dĩ (thần) phát Thiện gia chi tích.

Tự sù ý tài thô trí thiên, nhất cá nữ lưu, cảm đương trách trọng, nhậm quan.

(64a) Thiên thu thịnh điền, tuy hóa công sơn nhạc, vị cảm nghi phù Thánh kinh.

Nhi phù việt cồn ba, vuu nguyện hợp hồ Thánh ý.

Kim thanh ngọc trấn, điều lý thủy chung,

Gia tụng hộ huyền giáo thanh dương dật.

Phiến ngôn, bi ngữ, giản tại đế chi tâm,

Nhất bộ Thành thư, thực hệ thiên chi mệnh.

(Thần) bất thăng khích thiết, bình doanh chi chí,

Cần phụng biểu bái tấu dĩ văn.

Dịch nghĩa:

Biểu Tạ của Vân Hương Thánh Mẫu Đệ Nhất

Tiểu nữ thành khẩn cúi dập đầu lạy trăm lạy, cúi mong ơn Trời Thánh soi xét:

Nay kính mong Ngọc hoàng Thượng đế chuẩn giáng Kinh Đạo Nam tập Càn. Tam Thánh để quân đặc cử thần làm chủ Kinh đàn, thỉnh mời tất cả âm thần của phương Nam cùng hội giáng.

Trung thu khởi chép, năm ngày hoàn thành.

Thần vâng phụng mệnh trên, vừa mừng vừa sợ, kính cẩn dâng biểu tạ ân:

Kính nghĩ:

Gió xuân thổi khắp, đầu ngai nơi u cốc thâm sâu.

Trăng thu sáng chói, nào hiềm chỗ tòi tàn tranh cò.

Nhất bút quyền hành, mừng dâng cúng tam sinh.

Trộm nghĩ: thần tiểu nữ, bỏ liễu thân đơn, tâm thường vật mọn.

Quê Tiên nuôi dưỡng, thật là đệ nhất anh hoa của núi sông.

Cửa Đế giáng sinh, thật đúng suốt đời mọi người đều mơ ước.

Đề mai vịnh liễu, câu văn còn lưu ở thoa trâm người nhu phụ.

Ngâm gió vịnh trăng, nghiên bút còn gồm thâu văn bút phàm gia.

Chỉ dùng văn vần âm Nam (Nôm) vì nông phu đã lão đã quen nghe.

Chẳng phải văn chương phương Bắc uyên thâm của nhà nho từng học rộng.

Kinh lấy *Đạo Nam* làm mục, chính là để dạy người Nam.

Đàn lấy *Hưng Thiện* làm tên, cũng là mong chấn hưng đạo Thiện.

Đặc ban cho thần làm chủ khai Kinh vì thần am tường tiếng nước Nam.

Đặc tứ cho thần phụ trách hội Đàn vì thần là dòng giống nhà Thiện.

Thần tự lường: tài thô trí thiên, phận gái nữ lưu (đâu) dám gánh vác nhiệm vụ lớn lao.

Thịnh điền ngàn thu, tuy núi non, tạo hóa, chưa dám phỏng theo Thánh kinh.

Lời biếm, lời bao, chi nguyện sao được hợp lòng Thánh ý.

Tiếng vàng, tiếng ngọc, sau trước điều hòa.

Tụng niệm nhà nhà, tràn đầy thanh giáo.

Lời ăn tiếng nói giản đơn như tấm lòng của bẻ trên.

Bộ Kinh sách hoàn thành thật là hợp với mệnh Trời.

Thần khôn xiết vui mừng, kính cần làm bài biểu dâng lên.

Kính cần dâng biểu bái tấu.

(Kinh hoàn thành)

(64b)

Đệ tử:

Tĩnh, Huyện, Xã

Phụng ấn tống (phụng in kinh)

KINH
ĐẠO NAM
(TẬP KHÔN)

Phiên âm:

Hoàng nam Khải Định Quý hội niên, thập nguyệt
loát tứ, thập nhất nguyệt đăng tử.

Nam Định Giao Châu¹.

Hung Thiện tàng bản.

Dịch nghĩa:

Năm Khải Định Quý hội (1924) tháng 10 cho phép
in, tháng 11 khắc ván in.

Huyện Giao Thủy tỉnh Nam Định

Đàn Hung Thiện tàng bản (cất giữ).

ĐẠO NAM KINH KHÔN TẬP MỤC LỤC

- Vân Hương đệ nhất Thánh mẫu thi.
- Tiêu dẫn văn.
- Đào bút tự tình ca.
- Tựa.
- Hịch sai thị nữ vãng thỉnh các âm thần văn.
- Đệ nhất Thánh mẫu giáng thi.
- Tại gia tông phụ đệ nhất chương.
- Thi ca.
- Kỳ nhất nữ ngôn.
- Kỳ nhị nữ dung.

¹ *Nam Định Giao Châu*: (xã Hạc Châu-huyện Giao Thủy-tỉnh Nam Định).

- Kỳ tam nữ công.
- Kỳ tứ nữ hạnh.
- Đệ nhị Thánh mẫu thi.
- Xuất giá tòng phu đệ nhị chương.
- Thi ca.
- Bạch Hoa công chúa thi.
- Nhất phụng tiên tổ.
- Nhị sự công cô.
- Tam kính phu tử.
- Tứ tuân thai giáo.
- Ngũ dưỡng nữ tử.
- Lục trạch hôn tế.
- Thất trị khuê phòng.
- Bát dụng chúng thiếp.
- Cửu khoan nô tì.
- Thập cung tân bằng.
- Đệ tam Thánh mẫu thi.
- Phu tử tòng tử đệ tam chương.
- Thi ca.
- Nhất căn thù tiết.
- Nhị miễn tử tôn.
- Tam bất thiên ái.
- Tứ yếu tu hành.
- Bạt văn.
- Càn Khôn tổng bạt.
- Kinh thành tổng luận.

(1a)

ĐẠO NAM KHÔN TẬP
VÂN HƯƠNG ĐỆ NHẤT THÁNH MẪU
GIÁNG THƠ

Gieo ngọn đào tiên xuống cõi trần,
Âu đành gió bụi tiếc gì xuân.
Phá tung giấc mộng năm canh nguyệt,
Gọi tình hồn mê một nước dân.
Phong hóa nền xưa xây đắp lại,
Văn minh vẽ mới điểm tô dân.
Thực là cơ hội ngàn năm đó,
Trong cõi người ta dễ mấy lần.

TIÊU DẪN VĂN

Khởi tình nặng con con mẹ mẹ,
Chung nước non bốn bề một nhà.
(1b) Mân Bình Sơn¹ tám mặt buông ra,
Đèn Dục Chân¹ sáng xa không cận bắc.
Sửa Nhị Hà đầy vơi chín khúc,
Nhà Việt Nam lẫn lộn bốn ngàn năm.
Đoái ngắm cơ dâu bể thăng trầm,
Vòng xoay đổi trăm năm là một cuộc,
Những nghĩ lại Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê thuở trước,

¹ *Mân Bình Sơn*: Chỉ núi Ngự Bình ở Huế giống như chiếc bình phong.

¹ *Đèn Dục Chân*: Một cánh sao trong “nhị thập bát tú” còn gọi là “Chân tú”.

Người anh em một nước chớ ai đâu.
Sao lạ thay sự thể đương đầu,
Cơn binh lửa bấy lâu đường khác thể.
Giọt lệ chứa chan hòa bốn bề,
Mối sầu vắn vít suốt năm canh.
Vì tình nên mẹ phải thương tình,
Mà đạo gót vắn hành đi khắp cả.
Mượn đào bút làm duyên khai hóa,
Gọi hồn mê cho cả nước dân.
Những mong rằng ngô quốc ngô nhân,
Rửa cốt tủy mọi phần cho sạch sẽ.

(2a) Hộp không khí thanh hòa mát mẻ,
Nuôi óc khôn lớn khỏe dần lên.
Cuộc tương lai xây đắp nên nền,
Chân âu vạc vững bền còn mãi đó.
Mùi hương lửa nức thơm thiên vạn cổ,
Có giang san hẳn có mẹ con ta.
Vui Tiên Châu đây cũng đất nhà,
Hội hạc giá loan xa đi lại mãi.
Việc Kinh điển rất bề gian đại,
Gánh Đạo Nam mẹ phải ghé vai vào.
Mẫu văn chương đắm thắm biết bao,
Cần chẳng trở, Khôn nào còn có đại.
Mong sao được Càn Khôn giao thái,
Dem về này mà giải với non sông.
Những là rầy ước mai mong.

ĐÀO BÚT TỰ TÌNH CA

(Bài ca tự tình của Bút đào)

- (2b) Xót thay chút phận yêu đào,
Luống công lặn đặng ra vào đàn kinh.
Tơ duyên vẫn vót chỉ mình,
Giang sơn ai biết mối tình này chưa ?
Thương ôi chiếc lá bơ vơ,
Trôi hồng dạt thắm bao giờ cho yên.
Nhưng là hoa nào hương phỉen,
Lòng riêng riêng chịu một niềm thế thôi !
Vì đâu đào phải ngậm ngùi,
Vì đâu đào phải vắn dài thở than.
Cũng không vì nợ vì duyên,
Cũng không vì hạc vì loan đâu mà.
Chẳng qua chỉ vị người ta,
Lòng đầy cỏ lếp, thân pha cát lấm.
Chả ai là bạn tri âm,
Chả ai là khách tri tâm cho mà.
Hóa nên bợn đến đào ta,
Nơi gần bút giáng, nơi xa thơ đề.
Thánh Thần luống cũng ù ê,
- (3a) Phật Tiên luống cũng bốn bề ruỗi dong.
Bâng khuâng lòng chỉ thương lòng,
Thương vì một giống Lạc Hồng Việt Nam.
Thực là việc tự trời làm,

Thân đào thôi cũng chịu cam một bề.
Tình riêng quanh quất sơn khê,
Cõi hồng nẻo nẻo đi về chiếc thân.
Nhờ trời xuân lại gặp xuân,
Thiên duyên mở mặt phong trần mà chơi.
Dẫu rằng sóng dập bụi vùi,
Thân đào ắt cũng muôn đời lưu danh.
Đào tơ đàn diu một cảnh.

TỰA

Tựa rằng:
Một vùng trời đất, muôn thuở nước non,
Mẹ chung một mẹ, con mấy đàn con.
(3b) Nước bốn nghìn năm còn đại,
Dân hai mươi triệu chưa khôn.
Trăm mối khổ tâm,
Kể tóc chân tơ khuyên nhủ mãi.
Một cảnh Đào bút,
Đường hơn lẽ thiệt báo ban luôn !
Trai mong cho nên đáng trọng phu,
Tay hồ thi, chí bồng tang.
Mở mặt kinh luân trong thế giới.
Gái mong cho nên người thực nữ,
Nết nhu hòa, khuôn yếu điệu,
Ra tay tần tảo chôn khuê môn.
Ngờ đâu đàn gảy tai trâu, biết chỉ là thú.

Nước đổ dầu vớt, xối mãi như tuôn.
Đã toan rằng ngành mặt làm thính,
Kinh mà chi, sách nữa mà chi.
Đoái dầu bẻ mặc dầu xoay đổi,
Nhưng nghĩ lại cầm lòng saoặng.
Nói cũng chẳng, nén đi cũng cực,
Thương giống nhà nên phải véo von.

(4a) Khắp Bắc Nam đôi ngả một trời,
Tiên sa Thánh giáng,
Thực kim cổ ngàn năm một hội.
Hạc mới loan chồn,
Vớt dân đen trong áng bùn hôi.
Nhét kinh điển làm nơi chẵn đẽm.
Cứu con đỏ ngoài vòng nước lửa,
Đắp đàn kinh nên rõ đồng côn.
Miền Nam châu tú khí chung linh,
Nhờ hóa công một quãng mười ba năm,
Dệt Hưng Thiện nên nền gấm vóc.
Năm Quý hội kỳ duyên tế ngộ,
On Thánh bút hai kỳ năm bảy buổi.
Tô Đạo Nam ra vẽ phần son,
Diễn Nam âm mà dạy người Nam.
Mở lò đúc lấy nền gia giáo,
Đem Thiện thư để khuyên người thiện.
Khua chuông vang cho tỉnh quốc hồn,
Tập này gọi là tập Khôn.
Dạy chẳng ngoài tam tông tứ đức,

(4b) Kinh này là kinh huấn nữ.
Nói không phiến vạn ngữ thiên ngôn,
Nghe lời phải nhớ lấy lời,
Nên cùng nhau giấy rách giữ lề.
Tươi như gấm, sáng như sao,
Mẹ dẫu mẹ yêu mà mẹ quý.
Làm gái cho tròn đạo gái,
Đừng để nổi hoa thơm mất nhị.
Trắng như mai, trong như tuyết,
Con xinh, con đẹp, vả con dòn.
Trứng rồng lại nở ra rồng,
Giống Hồng Lạc vẫn còn lông cánh.
Củ gấu đào sao hết gấu,
Loài Tiên Long nào phải dễ giun.
Mẹ đã thiêng, con lại khôn,
Một khối tình chung không sợ bẹp.
Núi còn cao, sông chưa cạn,
Ngàn năm quả phúc hần vo tròn.
Nay lời tựa.

(5a)

**HỊCH SAI THỊ NỮ VÃNG THỈNH CÁC ÂM
THẦN VẤN**

(Bài hịch sai thị nữ đi mời các âm thần)

Này hỡi hỡi mười hai công chúa,
Vui chị em trúc múa thông reo.

Chẳng quản thân lặn suối trèo đèo,
Dường hạc ruồi loan theo bên mẹ đấy.
Duyên gặp gỡ ngàn năm được mấy,
Cảnh bỗng lai đầu thấy ở nhân gian.
Thương Đàn này sẵn có Thiện đoan,
Mà phong cảnh giang san trông cũng khác.
Duyên tể ngộ từ đây về trước,
Bấm ngón tay tính được ngoại mười năm.
Ơn chín lần mưa móc rưới đầm,
Mừng mới được Đạo Nam hai chữ ngọc.
Sắc sai mẹ son tô vàng đức,
Tập Căn kia mười khúc rất thanh tao.
Tập Khôn này khôn biết thể nào,
(5b) Những rày ước mai ao chưa phi chí.
Nay vâng mệnh cửu thiên chuẩn chỉ,
Gieo đào tiên nức vị thiên hương.
Đạo tam tông trọng ở ba chương,
Treo nữ huân làm gương cho vạn cổ.
Dẫu có khó cũng đừng ngại khó,
Kíp mau mau thẳng trở ngọn cờ đào.
Mời âm thần ruồi nguyệt đông sao,
Đem gấm vóc thêu vào pho đạo nghĩa.
Thực thiên trụ địa duy sở hệ,
Vui bốn phương lan huệ một nhà.
Đường xa thôi chớ ngại xa.

ĐỆ NHẤT THÁNH MẪU GIÁNG THƠ

Một mình đi lại mấy mươi lần,
Phàng phắt xe tiên dưới bụi trần.
Non nước xa trông từng mõi mắt,
(6a) Gió mây vui bước những rời chân.
Âng khuâng tiếng cuộc năm canh hạ,
Đau đớn lòng đào mấy độ xuân.
Một mõi lòng tơ quanh quất mãi,
Nửa phần vì nước, nửa vì dân.

Chương thứ nhất
TẠI GIA TÔNG PHỤ

※ ※ ※

Thơ:

Trong thuở đào non mới chiếu xuân,
Gìn hương giữ nhị đượm trăm phần.
Sơn tô phấn điểm đừng theo thói,
Gió cột trắng cười phải giữ thân.
Yếu điệu đã nên người thực nữ,
Sắc tài nào thiếu kẻ giai nhân.
Khuyên con học lấy tròn trăm nét,
Chớ để gương trong nhuộm bụi trần.

Ca:

Đấng non nước mắt tai không khác,
Công sinh thành đá tảng non cao.
Xót thân yếu liễu thơ đào,
(6b) Phận con là gái nghĩ sao cho tròn.
Khi còn nhỏ lòng non óc đại,
Nhà mẹ cha dạy phải theo lời.
Đường ăn nói, cách tới lui,

Vào trong khuôn phép, ra ngoài nét na.
Nền yêu điệu theo nhà nữ tặc,
Về đoan trang nẩy mực khuê nghi.
Tắm thân gìn giữ mọi bề,
Sao cho khỏi tiếng kẻ chê người cười.
Lời cha dạy không rời tắc dạ,
Câu mẹ khuyên tạc cả bên lòng.
Gió trăng mặc kẻ bướm ong,
Đua tranh mặc kẻ trong vòng phồn hoa.
Ngọc không vết mới ra về ngọc,
Gương sáng soi rõ thực màu gương.
Không son phấn, chẳng điểm trang,
Nâu sồng mà vẽ nghệ thường kém xa.
Đạo trị quốc tề gia bởi đó,

- (7a) Bạc hiền thê đức phụ cũng nên.
Ngàn năm phong hóa gây nên,
Sắc in quốc sắc, hương truyền thiên hương.
Kìa vặc vặc mảnh gương thiên cổ,
Xem Hậu phi thuở nọ làm sao,
Cùng nhau trong áng hồng đào,
Nhác soi người trước, ngắm vào chiếc thân.
Khuyên con mọi lẽ ân cần,
Tại gia tòng phụ là phần trước tiên.
Ghi lòng tạc dạ chớ quên.

THƯỢNG NGÀN CÔNG CHÚA GIẢNG THƠ

Qua thu nay đã tới đông rồi,
Xe hạc lần theo rộng bước chơi.
Thơ Thánh vui ngâm vắn xứ sở họa,
Rượu Tiên rót uống chén đầy vui.
Một cơn sấm dậy vang lòng đất,
(7b) Hai trận mưa tuôn mát mẻ trời.
Gặp gỡ ngàn năm nay một hội,
Nước non nào dám quản xa xôi.

**Bài ca thứ nhất
NỮ NGÔN**

Chuông kêu thử tiếng con ơi,
Người ngoan chỉ thử một lời biết ngoan.
Dịu dàng là thói hồng nhan,
Càng chua ngoa lắm, càng tan tác nhiều.
Khuyên con học lấy mọi điều,
Lời ăn tiếng nói lựa chiều cho xinh.
Khi con ở chốn gia đình,
Vào thưa ra bẩm phân minh từng lời.
Khi con cất bước ra ngoài,
Trên nhường, dưới kính mọi người mọi ưa.
Chán nay những thói chanh chua,

Mia mai lắm giọng, đông đưa lắm lời.
Sinh ra nay tụi mai đôi,
Rác tai, và lại kẻ cười người chê.
(8a) Ăn gian nói dối đủ nghề,
Đã câu dâm đồ lại bề xảo ngôn.
Hễ người nói lắm không khôn,
Kìa câu “đa quá đa ngôn”¹ thế nào.
Trái ra rồi nợ lại vào,
Những nơi đồ bến lò rào kẻ chi.
Nghe đường nói chợ ra gì,
Con nên kính cẩn như khi tại bình.
Khuyên con kíp phải sửa mình,
Nhớ câu “thủ khẩu như bình”² là sao.
Nói nên êm ái ngọt ngào,
Kính vâng cha mẹ, thưa chào họ đương.
Khôn người rái³, đại người thương,
Không nên nói dở nói ương nữa mà.
Cốt cho khuôn phép thực thà,
Đừng nhanh nhẩu lắm, chớ đa độn chi.

¹ Đa quá đa ngôn: Thành ngữ: đa ngôn đa quá: hay nói hay lỗi.

² Thủ khẩu như bình: Giữ kín như miệng bình: ý nói giữ mồm giữ miệng.

³ Rái: Kiêng nể.

Bài ca thứ hai

NỮ DUNG

Hoa thơm bởi tại nhiều hương,
(8b) Người xinh bởi tại lắm đường nét na.
Mịn màng là vẻ quần thoa,
Lộ là mặt phấn, da ngà mới xinh.
Ngán cho cái thói đa tình,
Son tô phấn điểm nghĩ mình là hay.
Gương soi lược chải luôn tay,
Khi đêm trăng gió, khi ngày nhỡn nhơ.
Mây ngài mắt phượng liếc đưa,
Dầu cho dạ sắt khôn lờ vì tình.
Trúc xinh trúc mọc sân đình,
Em xinh em đứng một mình cũng xinh.
Học chi những thói thị thành,
Ra người rộng rãi, ô danh má hồng.
Dịu dàng áo vải khăn sông,
Không màu trang điểm, không lòng phô trương.
Tam tòng soi đáy là gương,
Nước hoa tứ đức là hương tốt dầu.
Miệng tươi vì nói nên câu,
Mặt xinh vì giữ được màu tự nhiên.
Đậm đà là thú nhân duyên,
Đào ghen nét thắm, liễu hờn vẻ xuân.

- (9a) Thực là mai tuyết tinh thần,
Một thân vẹn một, mười phân đẹp mười.
Không tô điểm, chẳng chơi bời,
Thế mà sắc nước hương trời kém xa.
Rõ ràng như gấm thêu hoa,
Ngọc lành ai nữ đem mà bán rao.

Bài ca thứ ba
NỮ CÔNG

- Có làm thì mới có ăn,
Có công khó nhọc, có phần thành thoi.
Cửa nhà sẵn sóc hôm mai,
Bề trong mực thước, bề ngoài nắp ngăn.
Công kia việc nọ phải cần,
Nông tang gắng sức, cửu canh siêng mình.
Theo chi những khách phong tình,
Ra tuồng phóng túng, vào vảnh kiêu xa,
Say bề điểm nguyệt phô hoa,
Khéo tay trang điểm nghĩ là phong lưu,
Thôi đành [nét] hại trăm chiều,
(9b) Hễ càng lên mặt mỹ miều càng nguy.
Ngồi ăn núi lở còn gì,
Ao trên ruộng dưới có khi cũng tàn.
Quen mùi ăn trắng mặc trơn,
Biết chi tính thiệt suy hơn nữa mà.
Khuyên con giữ lấy thói nhà,

Thức khuya dậy sớm, chăm mà làm ăn.
Ngày đêm ra sức tảo tần,
Đừng lòng lười biếng, chớ phần xa hoa.
Việc đồng cho chí việc nhà,
Đồ ăn thức đựng nom mà sửa sang.
Siêng năng xoay trở dọc ngang,
Sao cho ổn đáng mọi đảng thì hơn.
Sau ra khỏi bước khó hèn,
Gia tư dựng nếp, gây nền cho xinh.
Phong lưu phú quý thời vinh,
Cũng vì cần kiệm tay mình làm ra.

Bài ca thứ tư
NỮ HẠNH

(10a) Người khôn khôn bởi nét na,
Khôn ăn khôn mặc thể là không khôn.
Tam tông tứ đức vẹn tròn,
Càng tươi chữ hạnh, càng dòn chữ duyên.
Ngán nay những mặt thiên duyên,
Hỏi ai là tịnh là chuyên chẳng là,
Đua nhau học thói kiêu xa,
Sa tanh, lãnh tía chăm mà điểm tô,
Phong lưu tập nét giang hồ,
Tốt vành phong nguyệt, đủ đồ phần hương.
Đêm nằm nghĩ đến mà thương,
Thôi thời phong hóa, cương thường thời thôi.

Phải chăng con giống cháu nòi,
Hồng nhan chị chín, em mười cho ngoan.
Đừng theo những thói đa đoan,
Đừng theo những nét hoang tàn hư thân.
(10b) Máu hồng giữ đậm vẻ xuân,
Gương trong, tuyết sạch mười phân vẹn mười.
Khi ăn khi nói khi cười,
Giữ đường đoan chính, theo người hương khuê.
Thờ cha kính mẹ trọn bề,
Chị em yêu dấu đề huề nâng niu,
Kẻ làng người xóm kính yêu,
Không lời gai nhọn, không điều yếm oanh.
Một câu nhin, chín câu lành,
Trận cười nghiêng nước, nghiêng thành mặc ai.
Nét na đã nhuốm vẻ người,
Gần xa nổi tiếng trong ngoài nức thơm.

ĐỆ NHỊ THÁNH MẪU GIÁNG THƠ

Đường trường muôn dặm cách non sông,
Phút chốc xe Tiên đã giáng đồng.
Lối cũ vẫn in nền đá tảng,
(11a) Dầu xưa còn đậm nét rêu phong.
Thương loài đồng chủng không nguôi dạ,
Xót cuộc tương lai luống chạnh lòng.
Bút viết chứa chan hòa giọt lệ,
Giang sơn riêng hận với anh hùng.

Chương thứ hai
XUẤT GIÁ TÔNG PHU

※ ※ ※

Thơ:

Tới tuần đôi tám thuở tròn trăng,
Phận đẹp duyên ưa cả mọi đàng.
Dây thắm đã nhờ tay chị Nguyệt,
Buồng đào thêm vẻ mặt cô Hằng.
Mảnh bình xạ tước¹ vừa tin đấy,
Bài học minh kê² có thuộc chăng ?
Hai chữ tông phu ghi tắc dạ,
Thề non chi núi những khăng khăng.

Ca:

Khi còn bé ở nhà cha mẹ,
Đường nét na mọi lẽ thuộc rồi.
(11b) Đào yêu gặp gió mím cười,

¹ *Xạ tước*: Giương cung bắn sè (chim công). Chỉ việc kén chồng cho con gái.

² *Minh kê*: Kê minh: Gà gáy. Chữ trong Kinh Thi: “Kê ký minh hỹ” (gà đã gáy rồi) đó là lời nói của một bà hiền phi khuyên vua dậy sớm ra coi châu. Đây chỉ việc vợ khuyên chồng.

Duyên kia đã thấm, tình này lại sâu.
Bước khỏi cửa là dâu người đẩy,
Nghĩa theo chồng ngay ngáy phải lo.
Trăm năm kết tóc se tơ,
Nâng khăn sửa túi chớ hồ đơn sai.
Thờ cô cậu hết lời ngon ngọt,
Buổi thân hôn chăm chút dưỡng nuôi.
Chị em ngày tháng đua vui,
Dẫu rằng khác họ cũng người chí thân.
Đường cư xử xa gần đều mến,
Nết đoan trang làng xóm cùng ưa.
Ở ăn một phải hai vừa,
Đạo dâu con, những sớm trưa vẹn tròn.
Duyên kỳ ngộ phần son đầm thấm,
Nhờ nhà chồng no ấm chiếc thân.
Cũng là giữ mực kiệm cần,
Không hoang phóng lăm, cứ tần tiện thôi.
Phận hèn đón gặp nơi tân khổ,

(12a) Cảnh bản hàn có độ phong sương.
Những lòng cũng phải kính nhường,
Dám đâu chỉ bắc ra đường bắc nam.
Cái duyên kiếp, thiên hoàng đã định,
Số giàu nghèo, ai biết được đâu.
Sông Ô đã bắc nên cầu,
Núi non thê đến bạc đầu thời thôi.
Thương mưa gió, cuộc đời tan tác,

Mặt tiền quên nhớ nhắc trăm vòng.
Còn tiền là vợ là chồng,
Hết tiền kẻ bắc người đông cách vơi.
Hỡi các chị con nôi cháu giống,
Bạn quần thoa chung bóng hồng nhan.
Ngày xuân nhĩ nở chưa tàn,
Nghĩ sao vẹn nghĩa tạo đoan muôn đời.
Tồng phu nên nhớ mấy lời.

BẠCH HOA CÔNG CHÚA PHỤNG GIÁNG THƠ

(12b) Một màu như tuyết lại như mai,
Ngào ngạt hương đưa nức cõi ngoài.
San sát giá trong in về ngọc,
Lơ thơ nhĩ nở đượm mùi chay.
Phơi sương ngậm tuyết âu đành phận,
Chuốt lục tô hồng luống mặc ai.
Tinh bạch lòng riêng, riêng mọi vẻ,
Những là không thắm với không phai.

Mục thứ nhất THỜ TỔ TIÊN

Ai trồng cây cho mình ăn trái,
Ai gây nền nôi mối về sau.
Phúc nhà dòng giống từ đâu,

Là nhờ tiên tổ bấy lâu vun trồng.
Phận làm vợ ra công tần tảo,
Giúp cho chồng vẹn đạo hiếu tư.
Đền hương rức rỡ gia từ,
Lòng thành khấn nguyện phụng thờ cho chuyên.

(13a) Tuy u hiển hai miền xa cách,
Nhưng tình thần khí phách vẫn còn.
Hồn thiêng phảng phất nước non,
Ví như lửa sáng trăng tròn không phai.
Kìa những lúc tứ thời bất tiết,
Nọ những khi ngày chết giờ sinh.
Chăm chăm hai chữ kính thành,
Hữu trai¹ nét ấy phận mình chớ quên.
Đền kỷ niệm ngàn năm là đó,
Treo mảnh gương soi tỏ về sau,
Nén hương chén nước đĩa trầu,
Lẽ là chú ý một màu tinh chuyên.
Ngán thế tục nhiều phiền lả nổi,
Thờ tổ tiên không mỗi chân thành.
Chị em suy tính tranh hành,
Tiền nong bỏ bán ngọn ngành lôi thôi.
Bày dê lợn tế ruồi nào ích,
Mua tiền vàng đốt quách ra than.
Trơ trơ khói lạnh hương tàn,

¹ Hữu trai: Chai giới, ăn chay.

(13b) Nhớ chi người dưới hoàng tuyền là ai.

Rày muốn được giống nòi nổi dõi,

Phải tư bồi gốc cội cho tươi.

Mong còn hương thụ lâu dài,

Để cho con cháu theo noi gương mình.

Đừng như cái thói bạc tình.

Mục thứ hai

THỜ CHA MẸ CHỒNG

Cha mẹ mất tiền mua gạo đôi,

Cưới dâu về gầy nổi nghiệp nhà.

Tổ tiên phụng sự gần xa,

Sớm khuya thờ mẹ kính cha đỡ chồng.

Phận làm dâu, ngược sông cũng lội,

Đã vì chồng, trăm nổi cũng cam.

Chồng mình là phận hiếu nam,

Đình vi quyền luyến, trần cam phụng thờ.

Mình phận gái ngây thơ trẻ dại,

Đã lấy chồng ắt phải theo chồng,

Theo chồng há một chồng không,

(14a) Còn ai sinh dưỡng ra chồng là ai.

Hắn cha mẹ sớm mai khó nhọc,

Nuôi chồng ta từ lúc con con,

Công cao núi Thái không mòn,

Những mong đôi lứa để còn cấy trồng.
Áy cha mẹ bên chồng là thế,
Hắn cũng như cha mẹ bên ta,
Dâu con là phận đàn bà,
Yêu chồng phải kính mẹ cha nhà chồng.
Khi thị dưỡng, quạt nồng đắp lạnh,
Lúc thừa hoan, chiều tính dưỡng nuôi.
Ra vào nét mặt hòa vui,
Dám đâu han hỏi ngậm ngùi như ai.
Thôi mặc kẻ lười dài lúc lác,
Kệ thầy tuồng mặt vác bằng mâm.
Để chồng dạ tức lòng căm,
Mẹ cha luống cũng âm thầm không nguôi.
Mẹ nói một, con mười đối lại,
Áo qua đầu, nghĩ lại thêm nhớ.

- (14b) Thối Tần¹ tự lúc thuở xưa,
Tiếc thay di tệ đến giờ còn đây.
Khuyên rày phải ra tay hiếu dưỡng,
Vui mẹ cha hòa xướng một nhà,
Mình mà thảo với mẹ cha,
Ơn trời đền lại phúc nhà thiết chi.
Sum một cửa đề huề lan quế,
Khí thái hòa, mọi vẻ mọi xinh.

¹ *Thối Tần*: Chi vợ Tô Tần thấy chồng đi du thuyết không được, khôn cùng quay trở về thì tỏ vẻ khinh thường, ngồi ở khung cửi không buồn đứng dậy.

Sau mình dựng đặt con mình,
Dâu mình nó lại kính mình chớ ai.
Cầu ta bắc, ta noi đấy nhi,
Vắt tay lên nằm nghĩ phải không.
Chị em phận gái má hồng,
Hỏi ai lánh khỏi cái vòng làm dâu.
Mẹ chồng sau bởi từ đâu.

Mục thứ ba
KÍNH CHỒNG

(15a) Bước khỏi cửa vâng lời mẹ dạy,
Về nhà chồng con phải kính răn.
Xe hồng trăm bánh đưa chân,
Vui thay “chị tử” tới tuần “vu qui”.
Đạo làm dâu mọi bề nên cần,
Nghĩa theo chồng lấy thuận làm hơn.
Đừng nên vào giận ra hờn,
Giàu nghèo đành phận, sang hèn cũng an.
Chồng là bậc tai hiền mất thánh,
Mình vẫn nên dạ kính lòng tôn.
Nâng khăn sửa túi vẹn tròn,
Trong bề chăn gối, ngoài khuôn mỗi giếng.
Chồng là kẻ tài hèn sức mọn,
Mình cũng nên khuya sớm nâng niu,
Vào ra kính mến mọi chiều,

Hết lòng ân ái, không điều ngả nghiêng.
Đạo sau trước, tác niềm chẳng trái,
Thề non sông kết giải đồng tâm,
Quan thư vui khúc sắt cầm,

(15b) Xương tuyền hai chữ trăm năm hòa hòa.

Thấy thế tục nghĩ mà thêm ngán,
Đạo tông phu rày bán nơi nào.
Chồng sang quần áo bánh bao,
Chồng hèn đường những mảy tao buông lời.
Chồng giàu có, ăn chơi lên mặt,
Chồng khó nghèo, kẻ Bắc người Nam,
Nỡ lòng ở thế sao cam,
Má hồng đem nhuộm mùi lam cho đành.
Hỡi bạn gái nhà mình đâu tá,
Mở gan ra tạc đá ghi vàng.
Giang san một thiếp một chàng,
Hai vai gánh nặng cang thường chớ quên.
Chồng yêu dấu, một niềm nhờ cậy,
Chồng ghét dơ, muôn lạy thương yêu.
Dám đâu chì bác đến điều,
Dám đâu lăng mạn ra chiều rẻ khinh.
Đạo làm vợ giữ mình chính đính,
Hắn trong nhà nên đáng bậc hay.
(16a) Đến đâu dùi đục cẳng tay,
Đến đâu đưa nợ con này lôi thôi.
Nhớ chẳng hỡi chị em ôi !

Mục thứ tư
THEO PHÉP THAI GIÁO

Duyên cảm sắt lứa đôi đã xứng,
Mộng hùng xà¹ cảm ứng làm vui.
Phụ tinh, mẫu huyết tư bồi,
Phôi thai đúc lại nên người tinh anh.
Nếu muốn được trai lành gái tốt,
Lời khuyên răn sau trước phải nghe.
Đàn bà trong lúc nặng nề,
Gìn chân, kiêng miệng mọi bề cho hay.
Cách ăn ở hằng ngày hằng giữ,
Chôn khâm trù² khuyên chớ có đam.
Những khi mừng một tư rằm,
Những ngày Thần Thánh, đàn lâm phải dè.
Lúc đi chợ về quê nên cẩn,
(16b) Con mưa dầm, sấm giạt đừng ra.
Phàm chi những sự dâm tà,
Tai nên xa lánh, mắt đà vắng trông.
Cùng những giống lạ lòng ngang trái,
Miệng đừng ăn, dạ lại chớ thêm.
Mùi cay, vật độc phải kiêng,
Sát sinh, tống tử không xem làm gì.
Ngồi cho thẳng, bước đi cho vững,

¹ *Hùng xà*: Con gấu, con rắn. Điềm sinh con trai, con gái.

² *Khâm trù*: Nệm trải giường. Chỉ chôn buông the, sinh hoạt vợ chồng.

Nằm phải ngay, chân đứng phải bằng.
Tắc lòng “chiến chiến căng căng”¹,
Ví như mâm nước tay bụng chớ rời.
Xưa Thái Tự² tuân lời thai giáo,
Sau sinh con dung mạo khác thường.
Nhà Chu nên nghiệp hưng vương,
Cũng vì gia pháp trọng đường bảo thai.
Minh biết cách hôm mai gìn giữ,
Hắn thân mình sinh nở an lành.
Con mình mai cũng tinh anh,
Mất tai này hẳn thông minh hơn người.

(17a)

Mục thứ năm NUÔI CON CÁI

Hoa nọ đã tới tuần đua nở,
Vui một nhà hơn hờ mẹ con.
Mừng nay cùng được vuông tròn,
Cái công vượt bể trôi non há lòng.
Cách thai dựng, trước từng giữ nôi,
Đường dưỡng nuôi, nay phải hẳn hoi.
Chẳng nề rằng gái rằng trai,

¹ *Chiến chiến căng căng*: Run run sợ sợ (ý nói luôn cẩn thận gìn giữ).

² *Thái Tự*: Vợ của Chu Văn Vương, là người nổi tiếng hiền đức, mẫu mực, được nêu nhiều trong Kinh Thi.

Con mình chớ phải con ai đâu mà.
Kể từ lúc sinh ra lọt dạ,
Bé con con đang độ thơ ngây,
Đêm ngày âu yếm cho hay,
Nâng như nâng trứng, hứng tầy hứng hoa.
Ngọn đèn thấp trong nhà cho sáng,
Tiếng ru êm, chừ mắng không nên.
Khi con đã biết ngây đèn,
Phải treo cho thẳng, chớ nghiêng bên nào.

(17b) Con lác mắt tại sao đầy nhĩ,
Chính vì mình kém nhẽ vệ sinh.
Dần dần hỏi chuyện đã nhanh
Mình đừng độ quá, con sinh bản mình,
Nuôi một độ lớn ra một độ.
Mớm miếng cơm nhai nhỏ tả tơi,
Sờ sờ ngày tháng ăn chơi,
Năm rồi biết lẫy, lẫy thôi lại bò.
Nên gìn giữ khỏi lo sương gió,
Hay tắm kỳ cho rõ thơm tho.
Lân la chân đã biết dò,
Dứt tay từng bước, kỳ khu phải dè.
Lưỡi oanh đã lo le học nói,
Tiếng quốc âm dạy sõi từng lời.
Ba năm trứng nước qua rồi,
Dạy ăn dạy nói dạy cười cho khôn.
Yêu con phải cho đôn cho vọt,

Ghét con thời cho ngọt cho bùi.
Yếu đau thang thuốc hẳn hoi,
(18a) Tìm thầy cẩn thận, trông coi mọi chiều.
Sự nuôi con rất điều khó nhọc,
Một đứa con đồng thóc nhà tiền,
Mừng nay đã được vẹn tuyền,
Nghĩa phương kíp phải ngày đêm tập rèn.
Con khôn lớn dần nên mọi về,
Trai học hành, gái nghề cửi canh,
Mai nên đôi lứa tốt lành,
Cam công mình những sinh thành bấy lâu.

Mục thứ sáu
CHỌN DÂU RẺ

Nuôi con đã tới tuần khôn lớn,
Phải tìm nơi, định chốn cho con.
Gái trai đôi lứa vuông tròn,
Nghiep nhà mong để nhờ con đỡ dần.
Việc giá thú mọi phần nên cẩn,
(18b) Cốt sao cho đẹp phận ưa duyên.
Tứ Bình¹ trút nỗi lòng phiền,
Dâu hiền nên gái, rể hiền nên trai.

¹ *Tứ Bình*: Người đời Đông Hán, ở ẩn. Sau khi đã dựng vợ gả chồng cho con xong xuôi rồi mới rong chơi Ngũ nhạc. Cả câu ý nói mong muốn của cha mẹ là con cái yên bề gia thất rồi mới khỏi lo phiền.

Tìm dâu phải tìm người thực nữ,
Nếp thoa quần theo chữ khôn trình.
Nết na vốn kẻ hiền lành,
Nông tang biết việc, cù canh chuyên nghề.
Đường ăn nói giữ bề yếu điệu,
Cách tôn nhường biết đạo dâu con.
Quý chi nhan sắc xinh tròn,
Quý chi những giống xảo ngôn lọt vành,
Càng đẹp lắm, càng sinh thói tệ,
Càng khôn nhiều, càng vẽ đa đoan.
Những phường dâm đồ gian ngoan,
Lòng đen mắt bạc thế gian đã đầy.
Kìa Bao Tự² ai tày phẩm giá,
Một trận cười nghiêng cả nước thành.
Nhà Chu cơ nghiệp tan tành,
U vương³ đến nỗi thiệt mình tại ai.
(19a) Kén rể phải kén người tài đức,
Giống trâu anh nên bậc thông minh.
Giang sơn có sức đua tranh,
Đúc rèn kinh sử, tập tành kiếm cung.
Tên bắn sẻ, anh hùng nước chí,
Tay gieo cầu, tuần sĩ ra tài.

² *Bao Tự*: Vợ lẽ yêu của Chu U Vương không thích cười. U Vương tìm đủ cách cho nàng cười. Có lần sai đốt lửa ở hòa đài, đánh lửa chur hầu là có giặc. Quân chur hầu hốt hoảng kéo tới mới biết là bị mắc lừa. Bao Tự bật cười. Về sau lúc có giặc kéo đến thật, U vương sai đốt lửa nhưng không ai tới nữa. U Vương bị giết.

³ *U vương*: Vua nhà Chu (xem Bao Tự).

Nên chẳng sẽ định lứa đôi,
Trăm năm chỉ có một lời này hơn.
Đừng tham chốn quyền môn cao các,
Chẳng mê nơi lắm bạc nhiều tiền.
Con mình xứng ý đẹp duyên,
Vui loan ảm phượng là yên lòng mình.
Xưa Khước Khuyết¹ duyên lành se kết,
Đạo vợ chồng cùng biết kính nhau.
Ngôi khanh nước Tấn sang giàu,
Trọn đời chung đỉnh, một màu phong lưu.
Đường dâu rể rất điều quan trọng,
Sự hôn nhân chớ luận tiền tài.
Mừng cho con gái con trai,
Nên nhà nên cửa lâu dài là hơn.

(19b)

Mục thứ bảy
SỬA TRỊ KHUÊ PHÒNG

Đạo làm vợ giữ bề nội tướng,
Phận nuôi con khôn lớn đã đành.
Nhưng còn công việc gia đình,
Dở hay cũng bởi tay mình mà ra.
Chồng chăm việc “hiếu nhà trung nước”,

¹ *Khước Khuyết (Khích Khuyết)*: Người nước Tấn đời Xuân Thu làm ruộng ở đất Ký. Hai vợ chồng tôn kính nhau như khách (tương kính như tân). Tấn Văn Công phong cho làm đại phu và cho đất Ký làm ấp cho nên còn gọi là Ký Khuyết.

Chỉ bốn phương rộng bước cung tên.
Buồng văn giống giả bút nghiên,
Nông, công, thương, cổ, chỉ chuyên bề ngoài.
Mình nên phải sớm mai thu xếp,
Chốn khuê phòng nền nếp làm ăn.
Trên nhà thị phụng song thân,
Trân cam hiếu dưỡng, hôn thần kính thăm.
Gái dạy bảo đường ăn cách mặc,
Trai học hành cung cấp bút nghiên.
(20a) Kia hạt thóc, nợ đồng tiền,
Đầu đông cân nhắc, tính biên cho tường.
Đồ ăn uống, công tương học mướn,
Công thợ làm mỗi buổi bao nhiêu,
Mình nên tường tất mọi điều,
Vững tay then khóa, chất chịu nắp ngăn.
Lấy hai chữ kiệm cần làm trước,
Giúp chồng ta nên được cơ đồ.
Cửa nhà nhờ được ấm no,
Cho tròn đạo vợ để phu lòng chồng.

Mục thứ tám
BAO DUNG HẦU THIẾP

Đường tử tức số chồng còn muộn,
Việc gia đình bề bộn chưa xong.
Mình nên thể biết lòng chồng,
Tìm người hầu hạ giúp công đỡ dần.
Mình là kẻ nắp ngăn then khóa,

- Việc khuê phòng ở cả trong tay.
(20b) Sấn leo nhờ dưới bóng cây,
Mình nên che chở cho hay mọi bề.
Thương phận thiếp, sớm khuya khó nhọc,
Công việc nhà, sấn sóc luôn tay,
Nghĩ sao nghĩa ấy, tình này,
Đừng lòng cay nghiệt, chớ tay phũ phàng.
Thấy thế tục nghĩ càng thêm ngán,
Nết ghen tuông họ Hoạn truyền cho,
Nghiến răng đưa mắt mà lo,
Lưỡi không gươm sắc làm cho hại người.
Miệng bùm bím, cười ruồi mà chết,
Mối tơ duyên, toan quyết xé đôi.
Ghê thay hùm sứa những người,
Máu ghen đâu có lạ đời là ghen.
Khuyên rày phải rộng niềm huệ thứ,
Lượng người trên phải giữ cho cao.
Ta nên ăn ở thế nào,
Để cho kẻ dưới trông vào sợ ta.
Vui sum họp, một nhà lan huệ,
(21a) Khỏi tình chung, chị chị em em.
Nhờ trời phúc lý ngày thêm,
Chung tư¹ lân chi² ứng điềm mừng thay.
Việc gì phải đắng cay hờn giận,

¹ Chung tư: Loài châu chấu. Chỉ cảnh con cái đông đúc như đàn châu chấu.

² Lân chi: Chân con kỳ lân. Kỳ lân tượng trưng cho đức tính nhân hậu.
Ở đây chỉ con cháu có đức tốt, hiền hòa.

Rước tiếng ghen cho bận mình ra.
Trước đành thỏa chí chồng ta,
Sau rồi trong cửa trong nhà cùng vui.
Cả sông đông chợ ai ơi !

Mục thứ chín
RỘNG VỚI NÔ TÌ

Việc nhà cửa lắm khi ngang trái,
Hóa nên mình ắt phải thuê người.
Để còn giúp đỡ trong ngoài,
Việc to việc nhỏ có người mà sai.
Mình làm chủ khéo tài cư xử,
Ắt con hầu đưa ở phải theo.
Lam làm khó nhọc trăm chiều,
Dầu sương dãi nắng rất điều đáng thương.
(21b) Sự ăn mặc, cho thường no ấm,
Tiền công làm, giả thậm hăn hoi,
Không nên cả tiếng nặng roi,
Mà toan đánh đập chửi vùi như ai.
Vì nó cũng con người sinh đẻ,
Ở nhà thời cha mẹ vẫn thương,
Chỉ vì đói rét nhớ nhàng,
Hóa nên mới phải tìm đường làm tôi,
Bát cơm đòi bát bồ hôi,

Một thân dường đã sương phơi tuyết dầu.
Nào những lúc chần trâu chần ngựa,
Nào những khi quét cửa thu nhà.
Làm nông¹ mọi việc gần xa,
Trước là hầu hạ sau là nấu đun.
Ao nước lạnh, mình run chân lội,
Trời nắng nung, đầu đội vai mang.
Nghĩ tình ai chả rù thương,
Chủ nhà ta phải biết đường rộng dung.
Có lỗi nhỏ, thôi đừng bắt lỗi,
(22a) Thấy công to, nên vội thưởng công.
Mình mà ăn ở hết lòng,
Lẽ nào người dám tiếc công với mình.

Mục thứ mười
TIẾP ĐÃI KHÁCH, BẠN

Cửa nhà chồng phong quang mọi vẻ,
Khách gần xa nhiều kẻ vui chơi.
Ta nên cung tiếp hần hoi,
Hết lòng thành kính, nói lời khoan thai.
Người quen lạ, coi ai cũng trọng,
Nghĩa trước sau, một bụng không rời.
Đĩa trầu chén nước khuyên mời,
Mâm cơm bầu rượu tùy thời kính dâng.

¹ Làm nông: làm siêng, làm hết sức.

Ngán thể tục nghĩ càng thêm cảm,
Khách chơi bởi sao dám coi thường.
Không sửa chiếu, chẳng thu giường,
Khách ngồi mặc khách, ai thường hỏi ai.
Khi chồng có vắng đâu nơi tá,
(22b) Biết ai là kẻ lạ, người thân.
Tấm thành không chút ân cần,
Lại thêm ăn nói lắm phần khó nghe.
Đã chịu nổi bạn bè rẻ rúng,
Rồi chồng con người cũng coi khinh.
Sao không giữ giá cho xinh,
Kính người là kính chồng mình chứ ai.
Nay khuyên phải nghe lời dạy dỗ,
Cung tần bằng là sự nên cần,
Chồng mình lắm bạn tương thân,
Về mình ắt cũng dự phần thành thoi.

ĐỆ TAM THÁNH MẪU GIÁNG THƠ

Đi đi lại lại mấy phen rồi,
Cuộc thế mơ màng mãi thế thôi.
Giấy trắng vừa in còn rõ mực,
Lòng son sao đã bạc như vôi.
Vui chân trắng gió chưa từng mồi,
(23a) Buồn dạ non sông chưa dễ nguôi.
Quanh quần tình riêng, riêng mọi nỗi,
Đăm đăm mòn mắt luống trông trời.

Chương thứ ba
CHÔNG CHẾT THEO CON

※ ※ ※

Thơ:

Chiếc bách¹ lênh đênh ở giữa dòng,
Một tay chèo chờ mấy con sông.
Phận đành gởi chiếc khi trăng bạc,
Cánh vững buồm treo lúc gió giông.
Lời ước non sông ghi tắc dạ,
Mảnh tình son sắt tạc bên lòng.
Kiên trình cho trọn niềm sau trước,
Phận gái sao nên lỗi chữ tông.

Ca:

Cơ tạo hóa bày trò dâu bể,
Mảnh tình chung chung xẻ làm đôi.
Chăn đơn gởi chiếc tả tôi,
Lạnh lùng tắc dạ, ngậm ngùi năm canh.
Thuyền gổ bách lênh đênh dòng nước,

¹ *Chiếc bách*: Bách chu, tên một bài thơ trong Kinh Thi ca ngợi đức thù tiết của bà phi. Sau dùng để chỉ chung người đàn bà góa.

(23b) Tiết cây tùng tươi tốt trời đông.
Khăng khăng lòng chi quyết lòng,
Gan vàng dạ sắt, thờ chồng nuôi con.
Phận sương phụ giữ tròn một tiết,
Lung hồng nhan đeo buộc tam tòng.
Buồng riêng một ngọn đèn chong,
Làm trai nuôi bố, thay chồng dạy con.
Ngoài ong bướm, không còn vương chí,
Trong hũn hoàn¹, thường dễ luân tay.
Mừng con khôn lớn đường này,
Giang sơn nhà cửa mặc tay vẫy vùng.
Vui ngày tháng thung dung cõi thọ.
Yêu cháu con dạy dỗ hôm mai,
Phát phơ tóc bạc da mồi,
Gương soi bạch phát, rượu mời giới mi.
Chữ rằng “lão giả an chi” !

Điều thứ nhất

GIỮ TIẾT

(24a)

Duyên tơ tóc trăm năm thề thốt,
Giải đồng tâm khăng khít chữ tòng.

¹ *Hũn hoàn*: Hũn hoàn giáo tử (dùng viên mật gấu để dạy con), bà mẹ Liễu Trọng Sinh đời Đường, ban đêm thường sai con ngậm viên mật gấu để giúp cho sự chuyên cần (mật gấu đắng nên tỉnh ngủ). Sau con thi đỗ tiến sĩ.

Nhờ khi đàn đứt dây đồng,
Mảnh tình đã lạt, tắc lòng chưa phai.
Trăng thê ở đôi vai soi tỏ,
Hỡi trời xanh biết rõ cho chăng.
Riêng mình giá tuyết về băng,
Đỉnh ninh tắc dạ khăng khăng một lời.
Chiếc thuyền bách chìm trôi đành phận,
Tiết đông từng rét lạnh đánh thân.
Mặc ai đi lại tin xuân,
Mặc ai ong bướm đón ngăn cõi ngoài.
Chuyện hoa nguyệt gác tai xa lánh,
Đường gỏi chần đơn chiếc cũng yên.
Gan vàng hai chữ trinh kiên,
Đan tâm gửi thấu hoàng tuyền cho ai.
Người đã thế hẵn Trời không phụ,
Chữ còn ba¹ rục rở thêm xuân.
Có con, con được hưởng phần,
(24b) Không con, mình hóa làm thần ức niên.
Thương thế thái gặp cơn sóng bể,
Coi chữ trinh đã rẻ như bèo.
Chông khi gặp bước hiểm nghèo,
Mất xanh muốn đã trông theo ai rồi.
Huống tơ nguyệt phân phối đôi ngà,

¹ *Cổn ba*: Áo hoa, áo lễ phục của vua ban.

Lời thề xưa vội đã phai son.
Đưa chồng tiếng khóc ni non,
Trong lòng luống lại mong tròn duyên sau.
Khăn trắng đội trên đầu chưa hết,
Mối tình riêng đã kết nên tơ.
Thương thay luống những ngân ngơ,
Cung Khương¹ người trước bây giờ là ai ?
Thôi may rủi duyên trời đã định,
Lưới chỉ công khôn lánh được sao.
Đã sinh ra kiếp má đào,
Hong nhan bạc phận ai nào biết ai.
Miệng đã quyết một lời phải nhớ,
Dầu trời long đất lở mặc dầu.

(25a) Trăm năm rồi cũng bạc đầu,
Trăm năm rồi cũng nương dâu bể còn.
Người tuy chết, tiếng còn mãi mãi,
Bia thế gian, để lại trơ trơ.
Má hồng đừng nhiễm uế dơ,
Gương trong đừng để bụi mờ mới trong.
Gái trinh chẳng đổi hai chồng.

¹ *Cung Khương*: Người đời Chu, vợ của thế tử Cung Bá. Cung Bá chết sớm, bà không tái giá. Kinh Thi: bài Bách Chu là ca ngợi đức thù tiết của bà.

Điều thứ hai
DẠY CON CHÁU

Thuyền chèo đã tới bờ thanh thỏa,
Trông bóng dâu đã ngà bên vườn.
Sum một nhà cháu cháu con con,
Kìa quế thắm, đào non tươi tốt nhi.
Vui một cửa già già trẻ trẻ,
Riêng vườn xuân đượm vẻ thiên nhiên.
Ta phải nên dạy bảo cần quyền,
Dường giảng bùa mọi niềm cho trọn vẹn.

(25b) Vì công việc trong tay quen biết,
Đã mở mang cơ nghiệp nên đây.
Suốt từ khi lọt dạ đến nay,
Kể bao nỗi đắng cay rồi đầy nhi !
Qua được cả những cầu thái bĩ,
Tóc đầu dường nhuộm vẻ sương pha.
Cháu con mình đã trải dâu mà,
Tuồng trẻ dại hẳn là chưa giỏi được.
Dem những sự dại khôn thuở trước,
Treo làm gương cho cuộc hậu lai.
Dường tới lui cùng lẽ ngắn dài,
Sự kê tóc chân tơ khuyên nhủ hết.
Trai dạy bảo chuyên cần nghề nghiệp,
Đừng hoang dâm lại thiệt vào thân.
Việc cung tên, nghiên bút phải cần,

Đường công cỏ¹, canh vân² thời chớ biếng.
Gái dạy phải êm lời lặng tiếng,
Đừng điếm tô hoa nguyệt ô danh.
(26a) Phải chăm bề thù dật cửi canh,
Chôn khuê khỏn nên giành mọi việc.
Vui ngày tháng an cư lạc nghiệp,
Khởi giang hồ đạo kiếp³ sinh hư.
Một nền phúc hậu trợ trợ,
Cũng nhờ gia pháp sớm trưa giữ gìn.

Điều thứ ba
KHÔNG YÊU RIÊNG

Sinh con nào cũng gian nhà máu,
Công dưỡng nuôi kết cấu đường bao.
Phận gái trai dầu có khác nào,
Cũng khí huyết tiêu hao như thế cả.
Con khôn lớn nay đã vui dạ,
Mừng nam hôn, nữ giá đủ rồi.
Hợp một nhà mai trúc đua tươi,
Duyên cầm sắt lứa đôi cùng đẹp phận.
Trong nhà cửa một niềm hòa thuận,

¹ Công cỏ: Thù công, buôn bán.

² Canh vân: Cây bừa.

³ Đạo kiếp: Trộm cướp.

Anh em đều an phận làm ăn.
Buổi thân hôn phụng dưỡng ân cần,
Đường cư xử mọi phần không khiếm khuyết.

(26b) Lòng cha mẹ đêm ngày yêu mến,
Mong các con cơ nghiệp mở mang dần.
Cho bổ công dưỡng dục sinh thành,
Hễ gái tốt trai lành là thỏa dạ.
Nay tuổi tác cõi già thông thả,
Thấy các con khấm khá cũng an lòng.
Bụng công bằng như cái cân đong, “
Đường ân ái một lòng không khác biệt.
Đừng riêng bụng con yêu con ghét,
Kéo một nhà phân biệt hóa hai.
Rồi anh em sinh chuyện bất hài,
Sự xung kích vì ai nên nổi thế.
Đạo cha mẹ ở sao hết lẽ,
Bát máu chung san sẻ cho đều.
Chẳng kể chi con có, con nghèo,
Con nào cũng một chiều yêu dấu cả.
Vườn đào lý sum bầy mọi ngã,
Mảnh tình thâm nội ngoại tương tề.
Trên mẹ cha lòng đã thỏa thuê,

(27a) Dưới con cái đề huề vui vẻ nhi !
Hợp bốn mặt xuân phong hòa khí,
Cửa nhà cùng nức vị chi lan.
Nghìn năm phúc tộc không tàn,
Con con cháu cháu một đoàn vui chung.

Điều thứ tư
NÊN TU HÀNH

Việc nhà cửa con khôn giúp đỡ,
Thú nước non lần lửa tiêu dao.
Cảnh tu hành ai thấy chả yêu,
Vui bạn lão đập diu khi sớm tối.
Bóng sen tòa chín lần vỏi vỏi,
Chấp đôi tay kết mối chân thành.
Miệng “nam vô” tràng hạt tay lần,
Nước dương rửa bụi trần cho sạch sẽ.
Trên kim khuyết ba cung Thánh đế,
Cúi đầu dâng trăm lễ qui y.

(27b) Tiếng chuông kinh gọi tỉnh giấc mê,
Lời vàng đá tạc ghi cho thấm thía.
Đạo Phật Thánh như trời như bể,
Tu sao tròn mọi vẻ mới xinh.
Dốc lòng mau đổi dữ làm lành,
Mong phúc quả viên thành đà thỏa nguyện.
Nào sửa quán, bắc cầu mọi việc,
Nào in Kinh, khuyến Thiện mọi nơi.
Một nén hương thơm thấu đến trời,
Dầu nhiều ít đầy vơi đâu dám kể.
Ngồi ngẫm nghĩ đoái thương tục thế,
Đường tu vi từng lăm vè đa đoan.
Đã quen bề nói dối ăn gian,
Lại chăm việc “kêu càn khẩn rở”.

Phúc chẳng thấy tội đã mấy hừ ?
Hỏi mình xem cơn có ấy vì ai ?
Tu hành thôi thế thời thôi,
Dám còn khấn Phật cầu Trời mà chi.
(28a)

BAT VẤN

(Lời bạt tập Khôn)

Vui một hội nghìn năm gặp gỡ,
Vẻ rồng mây rực rỡ một nhà.
Ngọn đào tiên trăm thức nở hoa,
Nền gấm vóc phô ra đầy bốn cõi.
Mộng tang hải chuông khua trống gọi,
Đuốc thái bình lửa dọi trăng soi.
Xe thần tiên bay rợp một trời,
Rẽ ngọn gió xuống chơi đàn giáng bút.
Lời nghĩa lý vàng tô ngọc chuốt,
Vẻ văn chương nhị tốt hoa tươi.
Đã gắng công mười vẹn cả mười,
Bia đá tạc muôn đời thêm vững chãi.
“Địa nghĩa thiên kinh chung cổ tại,
Nhân tình thế thái bán tâm thương”¹
Trót cùng nhau một đất Hồng Bàng,
Nên mới ngỏ can tràng ra đây nhĩ !

¹ Địa nghĩa.... bán tâm thương: Kinh trời, nghĩa đất ngàn năm tại, Thế thái nhân tình nửa dạ sầu.

(28b) Tập Càn trước, buông mùi chính khí,

Tĩnh mộng hồn cho kẻ tu mi,

Tập Khôn nay, dặt vẻ thanh kỳ,

Tô nhan sắc cho bề cân quắc.

Mặt tam tông soi gương tứ đức,

Thực thiên hương quốc sắc tuyệt vời.

Cơ hội này may lắm chúng con ôi,

Dẫu ước vạn một lời mua cũng đáng.

Mở lá phôi, bảo cho thông sáng,

Ghé bên tai, nói dạng ngọt ngào.

Nay chúng con phận gái má đào,

Giải khúc ruột ghi vào cho thấm thía.

Sửa sang lấy tấm thân đẹp dễ,

Nét phấn son mỗi vẻ mỗi xinh.

Sau ơn Trời, phận tốt duyên lành,

Là tạo hóa, hậu tình cho lắm đó.

Mừng Kinh đến đã tròn một bộ,

Khuyên chúng con vui cố san đi.

(29a) Thực thần nhân giao hội chi kỳ,

Thiên vạn cổ mấy khi như thế hử ?

Mẹ cất bút tay đề mấy chữ,

Gọi là câu kết cú tập Khôn này.

Lạy ba cung mẹ sẽ ngưng tay,

Giống xe hạc mây bay về động nguyệt.

Tiêu dao thú hoàng hoa bạch tuyết,

Chờ sau này trăng nguyệt du xuân¹,
Mừng bốn phương nô nức hội Long vân.
Tình mẹ ~~Thánh~~ con Thần vui mấy nhi ?
“Hà tất cao ~~thăm~~ sơn dữ thủy,
Lạc khan ~~bồng~~ đảo Phật ~~đa~~ Tiên”²,
Non sông ~~dầu~~ cũ còn nguyên.

CÀN KHÔN TỔNG BẠT

(Bài tổng bạt cả hai tập)

“Bán thiên hội tế văn minh thịnh,
Lưỡng độ thời lai cảnh sắc tân”³.
Ngọn đào hoa rực rỡ tinh thần,
Phô ra vẻ bạch vân cùng bích thủy.
“Thiên địa nhất ban tiêu chính khí,
Sơn hà vạn cổ phát kỳ duyên”⁴.
Chẳng ~~bồng~~ hồ mà phong cảnh thần tiên,
Màu sơn thủy lẫn in trên bức gấm,
“Đôi thử thần du hoan cảnh thậm,

¹ *Hoàng hoa bạch tuyết, ...trăng nguyệt du xuân*: Vui thú với hoa vàng tuyết trắng, Đợi sau này trăng tỏ chơi xuân. Ý nói: thú tiêu dao thơ phú.

² *Hà tất... đa Tiên*: Hà tất non cao cùng vực thăm, Vui xem ~~bồng~~ đảo Phật và Tiên.

³ *Bán thiên... cảnh sắc tân*: nửa trời gặp hội văn minh thịnh, hai độ đến thời cảnh đổi thay (hai câu thơ này mang tính chất chủ quan, chỉ có người trong cuộc mới hiểu được. Xin tạm dịch, mong được độc giả bổ sung).

⁴ *Thiên địa... kỳ duyên*: Trời đất một màu nên chính khí, Non sông vạn cổ đầy duyên lành.

Hân phùng nhạc giáng lạc như hà¹,
Về chỉ lan đưa nở đầy nhà,
Khách bốn bề hỏi đâu là chẳng biết.
“Tự toán tiền đồ ngu cục nguyệt,
Cánh khan kim nhật thích mai thiên”².
Thực nghìn năm một hội lương duyên,
Mở then tạo vi huyền ra đây nhi !
“Cần tập thập chương thành áo chỉ,
Khôn đề tam mục trọng châm biêm”³.

(30a) Văn tinh ba mà nghĩa thâm nghiêm,
Khuyên trai gái một niềm cho phải đạo.
“Thọ vực ưu du hoàng hạc lão
Xuân đài cổ vũ thiếu niên nhân”⁴
Rõ một phen hoán khởi tinh thần,
Văng vẳng khúc Nam huân⁵ đâu thế hử ?
“Tài tử văn nhân đa hữu tứ,
Thanh phong minh nguyệt khăng vô tình”⁶,
Đức non sông nên khí tinh anh,
Mở một cuộc thanh bình ra thế giới.

¹ *Đối thủ... như hà*: Trước cảnh thâm cung vui biết mấy, Vui cùng non biếc sương biết bao.

² *Tự toán... thích mai thiên*: Tự tính sau này vui cục nguyệt, Hãy xem hiện tại thích mai không.

³ *Cần tập... châm biêm*: Tập Cần mười chương là bí quyết, Tập Khôn ba mục cốt dạy răn.

⁴ *Thọ vực... thiếu niên nhân*: Cõi thọ hãy vui với tuổi già, Đài xuân thì khuyến khích cho tuổi trẻ.

⁵ *Nam huân*: Gió nam ấm áp. Tên một khúc đàn của Đê Thuần, ca ngợi cảnh thái bình thịnh trị.

⁶ *Tài tử... vô tình*: Tài tử, văn nhân nhiều ý tứ, Gió thanh, trăng sáng hả vô tình.

“Phảng phát mộng hồn ung hoán khởi,
Tu du tử khí trực sinh lai”¹.
Trời còn lâu mà đất hãy còn dài,
Kìa bút viết mực mài còn chán đó.
“Nhất bộ Kinh thành lưu vạn cổ,
Lưỡng phiên bút giáng phụng tam thiên”².
Quả phúc nay mừng đức đã nên
Âu cũng phi mười nguyên ao ước mãi
(30b) “Nguyện chước kim bôi sầu tự giải
Lưu đề hoa ngữ tử do đa”³
Có tình ta hẳn biết ta.

KINH THÀNH TỔNG LUẬN

(Bài tổng luận khi kinh hoàn thành)

Đạo Nam ôi ! Đạo Nam ôi !
Trăm năm nghìn kiếp ra đời là đây.
Ai đưa mình đến chốn này,
Cho đêm mỗi hạc, cho ngày bận loan.
Vấn chương thơ chút hơi tàn,
Máu đông nên chữ, lệ tràn ra thơ.
Thương đời mà ngán mà ngơ,

¹ *Phảng phát... sinh lai*: Mộng hồn phảng phát, đương bình tĩnh, Từ khí thoát qua, chợt sống rồi.

² *Nhất bộ... tam thiên*: Một bộ Kinh thành lưu ngàn thuở, Mấy phen giáng bút tấu ba Trời.

³ *Nguyện chước... tử do đa*: Nguyện rót chén vàng, buồn tự bớt, Lưu đề hoa bút, từ thêm nhiều.

Ruột tằm chín khúc, vỏ tơ trăm vòng.
Cành đào vương mối chỉ hồng,
Càn Khôn một túi tắc lòng ngồn ngang.
Nào nùng nước thấm nhà thương,
Năm canh một khối nhiệt tràng không nguôi.
Đất bằng sét dậy lưng trời,
Khua vang giấc mộng mong đời tỉnh ra.
Ca mà khóc, khóc mà ca,
Tình trong quốc nước, gia nhà ai ôi !
Bây giờ nói đã cạn lời,
Nỗi lòng thương đến giống nòi đầy thôi.
Sau này tới hội thái lai,
Dầu van cũng kệ, dầu mời cũng thầy.
Bấy lâu viết đã chán tay,
Tắc riêng vì nước non này hóa ra.
Sau rồi gặp hội thái hòa,
Bút đào ai vẽ, mâm sa ai nhìn.
Có tin thời dốc lòng tin,
Kéo hoài giấy viết, mực in mãi mãi.
Lạy Trời thương đến nước nhà,
Hộ phò dân trí mở ra dần dần.
Phong trần đổi lấy phong vân,
Cho phu lòng Thánh lòng Thần bấy nay.
Non sông mở mặt mở mây,
Á Đông biết tiếng, Âu Tây biết người.
Gặp nhau ta sẽ cả cười,
Tạ lòng xin nhận mấy lời cho cam,
Đạo Nam này hỡi Đạo Nam !!

醒罍歌。腐泣泣。腐歌情。乾坤浩莽。茹埃喂悲。徐吟
也泮。啜。殷念傷。玃。蘇。狄。帝。催。茹。尼。細。會。泰。來。嚼。噴
拱。傷。嚼。啞。拱。尸。困。數。曰。也。懺。西。昇。頑。爲。浩。漱。尼。化
罍。茹。末。迅。含。泰。和。筆。桃。埃。麗。鰈。沙。埃。然。固。龜。辰。篤
悉。脂。矯。恢。綫。曰。墨。邱。買。腐。禪。
扶。民。智。翺。罍。寅。丁。風。坐。樹。松。風。雲。朱。字。悉

聖意

神因於然淹翺翺肩亞東別省

卷之四

經成書

三

杯愁自解。留題花語。思猶多。固情些罕。別些。

經成總論

道南喂道南喂。聶輔軒却罌。其罌低埃。遂翰旦准。
尼。朱。聶。毒。鶴。朱。聶。緋。鴛。文章。惱。啼。殘。舞。冬。賊。將。淚。
瀾。罌。詩。傷。其。麻。謹。麻。魚。脾。蠶。於。曲。紆。絲。聶。餒。梗。菴。
王。緋。只。紅。乾。坤。沒。祿。野。悉。滾。昂。惱。膿。浩。慘。茄。傷。醜。
更。沒。塊。熱。腸。空。愧。坦。平。霸。越。腴。吞。樞。噪。戕。夢。懔。莖。

葩靡義森嚴。勸糲奶沒念。朱沛道。壽域優遊黃鶴
老。春臺鼓舞少年人。燴沒番喚起精神。永又曲南
薰。兜世辟。才子文人多有思。清風明月肯無情。鑄
徽淹。鍼氣精英。翔沒局清平。器世界。彷彿夢魂應
喚起。湏臾死氣直生來。至群數席坦。咳群戔。箕筆
曰墨。硯群幟。妬一部。經成留萬古。兩番筆降奉三
天。菓福趁。惺鑄。色鍼。歐拱斐。迺願。約買。願酌金

半千會際文明盛。兩度辰來景色新。院挑花燠燠
精神。鋪罽毼。白雲窮碧水。天地一般標正氣。山河
萬古發奇緣。極蓬壺風景神仙。年山水各印連
幅錦。對此宸遊歡更甚。忻逢岳降樂如何。罽芝蘭
擲芡。落茄。客眾波晦。兒男極別。自算前途娛菊月。
更看今日適梅天。寔耕齋沒會良緣。欄杆造微玄
罽帝咏。乾集十章成與旨。坤題三目重歲祀。文精

寔神人交會之期。千萬古今欺如世時。娛結筆題
題今符。噲羅勾結句集坤尼。裨 巳宮娛仕伶

廼撞車鶴。還繼術洞月。逍遙趣黃花。白雪徐麤尼
勝月逢春。惛罕方呶噫。會竜雲情娛。聖混
神慄買咏。何必高深山。與水衆看蓬島。伏耶仙。嶽
淹跼饒群原。

乾坤總跋

道南坤集

乾坤總跋

二十九

蜜帝吟。集乾耀。挽味正氣。醒夢魂。朱几鬚眉。集坤
吟。綢繆清奇。蘇顏色。朱皮巾。憫栢三從。瞞翹四德。
實天香。國色絕。爲機會。尼義。夥衆現。喂晒。億萬沒。
堅謨拱當。翻萼胚。保朱聰。爍。擗。邊。聰。啞。羨。吮。嗽。趁。
現。衆。分。奶。鴈。桃。解。曲。腓。範。色。朱。瀋。試。撕。擲。祀。心。身。
難。悖。涅。粉。輪。每。酥。每。生。茹。恩。歪。分。卒。緣。饕。異。造。化。
厚。情。朱。夥。妬。惛。經。典。色。輪。沒。部。嘯。衆。現。慍。故。刊。茲。

跋文

恆沒會所辭返樸。縣蠹還爍。熒熒燄。茹。蔬。挑。餠。式。
 芡花。并。錦。紉。舖。罽。浩。翠。埃。焚。桑。海。鐘。樞。散。繪。燭。太。
 評。招。繪。展。瞞。車。神仙。褫。靈。沒。卒。把。蔬。選。攝。制。炫。
 降。筆。啞。義。理。鑽。蘇。玉。梓。縣。文。章。蓋。卒。施。舞。也。巨。功。
 進。院。奇。進。碑。砂。鑿。閉。其。添。凭。寨。地。美。天。經。終。古。在。
 人情。世。態。半。傷。心。卒。窮。饒。沒。坦。鴻。彪。軾。買。昨。肝。腸。

鯨噲醒耽迷。啞鑛硤鑿範朱藩。滅道。

伏聖如

歪如波。修輶輪每。駭買生篤。惡跣樹共。少饒。像福
菓圓成。陀妥願。帛撕館搏。林每役。帛印經。勸善每
尼沒。礪香。蒼透。旦。歪。晒。艱。也。落。為。兜。監。計。猓。嚙
朽兌。傷俗世。塘修為。曾。夥。駭。多。端。也。帽。皮。呀。呀。呀
奸吏。針役。噶。乾。嚙。屈。福。庄。覓。罪。他。余。噉。晦。斃。貼。干
槐。衣。為。埃。修。行。催。世。相。催。監。群。嚙。佛。求。歪。席。之。

稅界提弓提携恆縣吟。合采栢春風和氣。勸茄拱
噫味芝蘭。肝肺福祚空殘。提之招。沒團恆終。

四要修行

殺茄勸提坤。孰施趣。若嫩各呂道遙。景修行埃。寬
炙腰。恆伴老習。迢欺最暖。羣蓮座。尨各落。落執
堆。廼結。緹真誠。血南無長曷。廼落。若楊沿。培塵朱
歷壯蓮。金闕三宮聖帝。齋頭燈。森礼飯依。啗鍾

媿。臆。時。腰。慟。蒙。各。覩。基。業。翔。忙。寅。未。哺。功。養。育。生。
成。係。媽。率。甥。甥。異。安。胞。胞。職。作。癸。隸。從。且。覓。各。覩。
欽。可。拱。安。悉。甥。公。平。如。丐。升。終。塘。恩。爰。沒。悉。空。格。
別。得。賴。甥。覩。腰。覩。怙。矯。沒。茹。分。別。化。仁。末。英。婉。生。
傳。不。諧。事。中。殷。爲。埃。輒。餒。世。道。吒。媿。於。輅。闕。重。鉢。
節。終。刊。杜。朱。調。極。計。之。覩。固。覩。賴。覩。市。拱。沒。潮。腰。嚼。奇。
壩。苑。李。森。排。每。我。媿。情。深。內。外。相。齊。連。媿。吒。悉。也。安。

皮繚紉繳更。准閨國賊。踰每役。慍得胸安居樂業。
塊江湖盜劫生虛。沒垺福厚猪。拱如家法嚴霜符纏。
三不偏愛。生猊帝拱間茄。衆功養饑結構。
色分奶粿。嚼固恪市。拱氣血消耗如芳奇。搥坤顏。
脛陀慍脰。甥男婿女嫁楚末。合艾茄枚竹榔鮮。綠。
琴瑟侶堆窮黥分。鮑茄。勦沒念和順。英掩條安分。
少咬。眼晨昏奉養慇懃。塘居處每分空欠缺。惡吒。

院爲功役。餉糈。別也。翔。慙。基業。誠低。蹕。自欺。律
胞。到。吟。計。包。餒。斃。來。帝。吟。戈。特。奇。仍。林。泰。否。還
頭。羨。染。縣。霜。坡。招。毘。軀。屯。硤。荒。腐。從。雞。悅。罕。罷。諸
振。特。挖。仍。事。悞。坤。課。鏐。掠。少。詞。朱。局。後。來。塘。細。還
窮。蠱。羶。賤。事。技。還。踴。聰。嚙。乳。鴿。耦。吠。噪。專。勤。芸。業。
得。荒。淫。吏。舌。飢。身。役。弓。族。硯。筆。沛。勤。塘。工。賈。耕。耘。
耕。署。恆。媽。吠。沛。淹。啞。嘲。嗜。得。蘇。點。花。月。污。名。沛。針。

鼻齮末拱泊頭。鼻齮末拱掠梔波墜。得雖苑啗群
買又。碑世間抵吏猪又。鴈紅得染脉涂。刻齮得底
培眯買齮。巧貞極樹。二軫。

二勉子孫

船擲色細坡清且。臆霽梔色我边壩森沒茄招又。
毘又。箕桂樞桃菰鮮卒咏。恆沒勸搽又雞又。積壩
春浹脉天然些。沛臈吠保勤拳。義呼哺每念朱論。

琨駘化少神億年。傷世態返干泝波。曉將貞色襪
如蘇。歎欺返趾險艱。昧靜憫色。輾蹺埃末。况緣月
分配堆城。啞誓誓倍色。派輪遙。歎啗哭吟薇。惡世
隨吏。蒙賄緣齟。巾鼎隊連頭。瀆弱緱情。賴色結軼
絲。傷台。隨仍良魚。共姜得耀悲。彛哭埃。催叢恆緣
歪色定。經至公坤另。特解色生。罌劫鴈桃。紅顏滿
分埃。市別埃。呬色決沒啞。沛收。頓歪。童坦。垢默。樹。

綠絲還真辭誓說鮮同心康潔守從汝欺彈筠縷
桐慙情色辣罌弄毒冰。腹誓於堆藉燔燎咳忤韞
別燴朱庄積軀價雪酥冰。丁寧罌胞康又沒唾隻
船栢沉潘停分節冬松冽冷停身。默埃移吏信春
默埃蟪蛄頓垠埃外傳花月攔聰賒另。塘檜禎單
隻拱安肝鑽仁符真堅丹心撇透黃泉朱埃得也
世罕空負符袞葩燠燠添春。固琨又特享分空

核松鮮卒。至冬。康又惡。只決惡。肝鑛脘鉄榦軼餒。
混分孀婦。將踰沒節。駿紅顏糾切。三從。縫賴沒荒。
烟炆。少耦餒爺。良軼吡混。外蟪蛻空群。紅志。魍熊。
九常。謁掄珣。朔混坤。願羨尼。江山。茹勦默。珣捥挫。
恆顛。腦從容。埃壽。快招混。吡咄。最最。拂披。蘧泊。笈。
鯁。翹燭。白髮。醺吡介。眉。將浪。老者。安之。

一謹守節

淹。瘞。褐。愧。統。縈。情。傾。又。每。餒。耽。又。疴。昧。隨。曉。歪。

夫死從子第三章

詩。隻。栢。冷。汀。於。沖。湧。沒。栖。棚。遶。余。混。淹。分。停。檣。隻。
欺。膝。泊。翹。凭。帆。撿。眈。發。發。堅。約。嫩。淹。範。翠。胞。慙。情。
輪。鉄。鑿。邊。恚。堅。貞。朱。論。念。茹。耀。分。媽。鞫。賊。磊。穿。從。
歌。機。造。化。排。路。梔。波。慙。情。終。人。批。少。堆。襖。單。檣。
隻。左。執。冷。濃。斟。胞。吟。嘆。舳。更。船。枯。栢。冷。汀。湘。浩。節。

騷得親。虬誠空。拙慙。吏添。唆。啗。夥。分。薶。聃。色。韶。
餒。伴。度。襪。惻。未。軼。毳。得。拱。曉。輕。鞘。空。符。價。朱。生。敬。
得。罟。敬。軼。輪。嗜。埃。吟。嚙。沛。眩。啞。吠。乳。供。賓。朋。罟。事。
軼。勤。軼。輪。夥。伴。相。親。膝。輪。匹。拱。預。分。請。台。

第三聖母降

詩

矜。又。吏。又。今。番。末。局。世。憐。忙。買。世。催。絨。鼎。放。印。群。
增。墨。惡。輪。鞞。色。泊。如。砥。極。蹊。肢。益。諸。曾。痲。愴。胞。嫩。

功羹臧倍賞功。躬薦安於駁惡。龜市得監借功。躬
十供賓朋

糲茄馱風光每。客賄賒穀仇恆制。些臧供接罕
灰。竭惡誠敬。啞啞寬台。得捐。騃晚埃拱重。義釋茹
沒。騰空移。砲轟戰。浩嘯。呖。鰓。柑。瓢。醢。隨。報。敬。銍。戰。
世俗。拷強。添感。客制。排。病。監。聰。常。空。析。齒。拯。收。床。
客。衆。默。客。埃。常。晦。埃。欺。馱。固。永。兇。尼。佐。別。埃。罟。仇。

咬襖朱常餽蔭錢功少者甚罕灰空穢奇嗜鬻福
腐算打拉吐嚙如埃爲悠拱琨得生蟻於茄時吒
娛洵傷只爲耐冽汝扛化穢買沛尋塘少碎鉢柑
樹鉢蒲灰沒身羨色霜烱雪油市仍貯鱗樓鱗馭
市仍欺扶勑收茄少濃每役貶賒嚙嗚侯下齧嗚
燭燉洵若冷軀瘵蹢躅吞曠煨頭除糴世拷情埃
炙愜傷主茄些沛別塘臚容固否弛催得扒夏貨

蘭蕙塊情終妬。又嬌又媚。忝福履。跼添。螽斯麟趾。
應恬惔。義役夷沛。齟齬慣恨。遑啗。怪朱紉。踰罟罾。
停妥志。歎些。茹末。輒輒。茹窮。慄。奇。滴。冬。鼎。埃。喂。
九寬奴婢

役茹。勦。勦。欺。昂。債。化。賊。騎。凶。沛。稅。得。底。群。髡。拖。輶。
外。役。藝。役。弛。固。得。庶。差。輪。少。主。害。才。居。處。凶。提。侯。
侈。於。沛。號。藍。少。婢。辱。暮。朝。油。霜。特。曠。室。調。當。傷。事。

奇神。栖越踪。如郡。羣核。翰。賊。震。道。朱。能。每。皮。傷。分。
妄。歟。虧。譴。瘳。功。役。茄。磷。捌。掄。栖。拷。鞫。菱。公。情。尼。得。悉。
鞞。蘖。署。栖。負。旁。覽。世。俗。拷。強。添。幟。湮。怪。喘。戶。霍。傳。
朱。覲。馘。迄。昧。靡。怙。禡。空。鏹。色。少。朱。害。得。呿。稟。嘒。琪。
蛛。鷹。苑。緹。絲。綠。算。批。決。堆。稽。台。胎。鯁。仍。得。眾。慳。兇。
固。遇。茂。異。怪。嘯。鬪。沛。穰。念。惠。怒。量。得。連。沛。特。朱。高。
些。軼。唆。於。休。市。底。朱。仇。郡。曉。臥。悖。些。慍。森。合。沒。茄。

給筆硯。箕曷輒怒銅錢。斗於斤。找併編朱詳。圖咬
咍。塢督斛。輻工僇。夕每唄包饒。輸輒詳。悉每調。凭
矜杆鎖室。潮垠垠。祕仁將儉勤。夕燭。駝軼些。輒特
基圖。勦茹伽特蔭。飯朱。輸道。嬌底。字悉軼。

八容衆妾

塘子媳。數軼群悶。役家庭。縷絆。藩冲。輸輒。体別。悉
軼。尋得。侯下。輓功。拖。擗。輸。号。仇。垠。杆。鎖。役。围。房。於。

數幾畢欣。

七治閨房

道。少。播。特。皮。內。相。分。餒。現。坤。巔。色。停。仍。群。功。役。家。
廷。阻。能。拱。黜。舐。舐。齋。器。黠。針。役。孝。茹。忠。若。志。眾。方。
穰。趾。弓。缺。文。庭。撞。者。筆。硯。農。工。商。賈。只。專。皮。外。舐。
鹹。沛。最。最。收。攝。准。閨。房。埤。埤。少。唆。連。茹。侍。奉。双。親。
珍。甘。孝。養。昏。晨。敬。噪。媽。吡。噪。塘。唆。格。襪。甥。學。行。供。

現得才德。軒簪綬。城壩聰明。江山固。飭擲筆。鏖鏖。
經史習情。劍弓。袂謝。離英雄。噫志。栖招。錄後士。畧
才。賊庄仕定。招堆。鼎辭只固。沒啞尼欣。得貪。惟權
門高閣。庄迷尼。彰鉅。鉅錢。現。躬。稱意。艱緣。慍。竊。蔭
鳳。安。悉。躬。誓。卻。缺。緣。僭。車。結。道。蠡。軼。旁。別。敬。饒。
魁。卿。若。晉。鼎。鼎。論。其。鍾。鼎。沒。年。風。流。塘。姁。婢。室。詞
開。重。事。婚。姻。畧。論。錢。財。明。朱。現。奶。現。耦。賊。茹。賊。閨。

難分於緣子。平拙委惡願。妯賢賊。妬婢賢。賊。甥。尋
妯。沛。尋。得。淑女。壞。釵。裙。蹻。圓。坤。貞。湟。那。本。仇。賢。儼。
農。桑。別。役。緻。更。專。芸。塘。啞。啞。將。皮。窈。窕。格。尊。讓。別。
道。妯。琨。貴。之。顏。色。生。蕚。貴。之。仍。酥。巧。言。律。銖。強。難。
黠。強。生。遺。弊。強。坤。黠。強。餘。多。端。仍。坊。淫。妬。奸。頑。惡。
黠。昧。泊。世。間。色。落。箕。衰。似。埃。齊。品。價。沒。陣。哄。迎。奇。
若。城。茄。周。基。業。散。情。幽。王。狙。餒。舌。翕。在。埃。規。婢。市。

齒顯仁汚賒隔。仍精神氣魄。勿群魂。歟彷彿。若嫩
杏如炤。爛肢輪空派。箕仍狀四扣八節。怒仍欺。鼎
菟暴生。針又仁。符敬誠。有齋。煌氏分。躬署膏。殿紀
念。新年。罟姪。掠。媼。薊。燭。燦。術。茹。樓。香。戰。若。砒。蕝。礼
罟主意。沒。年。精。專。懺。世俗。擾。煩。夥。餒。榦。祖先。空。緬
真誠。姊。菟。推。併。爭。衡。錢。鑲。補。半。荒。梗。雷。催。排。幾。格
祭。蛛。市。益。謨。錢。鑽。燭。鼎。罟。炭。猪。又。燒。冷。香。殘。牧。之

昧在輶帝味。正爲翰劍龜術生。寅々悔傳色跬。騎
得咩過現生。咩廡。毀沒度。顛畚沒度。凜啞柑哇。燿
左哉。產疎得腦。啞制。酬末別跣。々催吏蹠。賊擲特
塊。恹霜愈。能泮其朱。燿蒼嗽。鄰羅蹠。色別跬。蹠
會跣。崎嶇沛。噤。襤鶯色。嗽。噤。學。啞。啞。啞。國音。啞。噤。會
啞。巴。辭。蘇。若。戈。末。啞。啞。啞。啞。啞。朱。坤。快。現。沛。朱
施。朱。梓。怙。現。相。朱。玘。朱。裴。癭。疔。湯。藤。罕。灰。尋。傑。謹

五養子女

花慈色細旬。擲若慙沒茄。嘆奇媿毘。惘矜旁特旌。
貽丐功。蹶波踟蹰呵。恚格胎孕。耀曾符。凝塘養。餒
矜沛罕灰。挫泥浪。姤浪。糲。毘。躬嗜沛。毘埃。禿。麻。計
徐。眈生。罌律。脰。崩。毘。毘。當度。疎。彥。脰。時。歐。厭。朱。能。
批如。攏。蒸。煥。音。煥。花。菡。烟。粒。訕。茄。朱。爍。啗。咄。淹。吐。
嘴。空。賊。欺。毘。色。別。睇。烟。沛。蘇。朱。齒。署。偏。辺。市。毘。睇。

票族得罾。凡之仍事淫邪。聰賊除另昧陀永曉。窮
仍蘇逗逗昂債。咄得唆胞吏落。嗜味戮物毒沛。涼
殺生送死空瞻。夕夷。莽朱踣跣。移朱凭。酈沛跣蹠
蹲沛平。粵悉戰々兢々。帝如鰲。浩栖沐落移。智太
姁遵。啞胎教。茹生現容。貌恪常。茹周。賊業興王。拱
為家法。重塘保胎。輪別格最。最握符。罕身輪生。安
安僖。現輪最拱精英。昧聰。尼罕聰明。欣得。

担堯椎櫨新担堯珍慈毘尼雷催收庄咳婦曉
四遵胎教

緣琴瑟侶堆色稱。雙熊蛇感應。少慍。父精母血滋
培。胚胎篤吏。軼得精英。叮恫特粲。饒媽辛。啜勸隣
茹。馨沛。彈瑟。舛狀。蠟泥。握踵。涼。血。每皮。朱能。格
唆。於恒。鼎恒。符。准衾。稠。絨。簪。固。晚。仍。欺。矇。沒。蜀。森。
仍得。神聖誕臨。沛。喂。狀。珍。帶。術。圭。軼。謹。千。霜。將。

隨仁苻森解和々寬世俗。括磨添幟。道從夫。剔半
尼市。軼鼻。襪內。包軼。價。羨。仍。倡。騷。批。啞。軼。鼻。固
喫。制。蓮。藕。軼。譚。賴。仇。北。得。南。怒。憑。於。世。鞞。甘。鴈。紅
批。染。味。藍。朱。停。咳。伴。奶。茄。翰。兇。佐。翔。肝。罨。鑿。硤。範
鑽。江山。沒。妾。貝。私。仁。稍。挾。纓。綱。常。署。痛。軼。快。惘。沒
念。如。悵。軼。怙。涂。閉。耕。傷。快。監。兇。鐸。花。玆。調。監。兇。凌
慢。罨。潮。襪。輕。道。夕。蟠。符。翰。正。訂。罕。鉅。茹。械。傳。塢。能。

跼塊羈哪啞。嘆。銜。妬。毘。涕。敬。隣。車。紅。羈。輒。逐。
 踵。恆。美。之。子。細。旬。手。歸。道。少。嬌。每。皮。賊。謹。義。蹶。蹶。
 祕。順。少。欣。得。賊。臥。憚。番。慣。翳。賴。停。分。最。價。拱。安。歎。
 罟。埒。聰。賢。昧。聖。矜。沕。賊。脆。敬。惡。尊。擺。巾。撕。撮。院。翕。
 腫。皮。禪。檜。外。困。緹。經。軼。罟。仇。才。儉。飭。德。輪。拱。賊。屬。
 最。摧。挽。臥。番。敬。慟。每。潮。竭。惡。惡。愛。空。調。我。迓。道。茹。
 嚮。翠。念。極。債。誓。嫩。淹。結。縉。同。心。開。睢。恆。曲。瑟。琴。唱。

涂遺秦自貽謬。惜台遺弊。玃暴群低。勸剔沛。署
廝孝養。恆媿吒和暢。沒茹。翰席討貝。媿吒。思吞地
吏。福茹舌之。森沒。闡提。携蘭桂。氣太和。每寐每生。
斷。翰。踣達。現弱。妯。翰。取吏敬。翰。嗜埃。林些。搏些。蹯
帝。吹。物。廝。鍼。躡。莠。沛。空。姊。施。分。朽。鴈。紅。晦。埃。另。塊
丐。餒。少。妯。媿。軼。黠。黠。自。光。

三敬夫子

群埃生養罍。歎罍埃。罕吒。歎最最。薙薙。餒歎些。自
 眈。現又。功高。尚泰。空洞。仍。懔堆。侶底。群。恹。眈。氏。吒。
 歎。邊。歎。罍。世。罕。拱。如。吒。歎。邊。些。袖。現。罍。分。彈。娑。快。
 歎。沛。敬。歎。吒。茄。歎。欺。侍。養。歎。燬。搭。冷。眈。承。歡。潮。性。
 養。餒。罍。飢。湟。括。和。愜。監。堯。欣。悔。吟。噯。如。埃。催。歎。仇。
 迢。迢。杳。落。倡。尸。從。括。搏。朋。饒。底。歎。胞。息。恚。愴。歎。吒。
 隨。拱。陰。愧。空。愧。歎。呀。沒。現。迢。對。吏。襖。過。頭。括。吏。添。

幽顯仁汚賒隔。仍精神氣魄。勿群魂。歟彷彿。茫
 杳如炤。爛肢輪空派。箕仍忖。四相八節。怒仍欺。駟
 苑暴生。針又仁。特敬誠有。齋惶氏。分躬署。痛。暖紀
 念。新年。罌姪。揀。牕。剗。燭。燦。術。茹。樓。香。戰。若。礎。壘。礼
 罌主意。沒。年。精。專。懺。世俗。擾。煩。夥。餒。餘。祖。先。空。緬
 眞誠。姊。姊。推。併。爭。衡。錢。鏤。補。半。荒。梗。雷。催。排。幾。格
 祭。蛛。市。益。謨。錢。鑽。炒。鼎。番。炭。猪。又。燒。冷。香。殘。牧。之

國度風霜。仍憑拱沛。敬讓。監堯。錯苑。罽。塘。北。南。馬。
緣劫。天皇。色。定。數。霸。賴。埃。另。特。免。淹。烏。色。搏。
賊。林。尚。嫩。菩。里。泊。頭。相。催。傷。霜。發。局。裝。散。作。極。婢。
弱。涵。落。蘇。錢。群。錢。罽。婦。罽。馱。謁。錢。仇。北。得。東。隔。瀉。
咳。各。姊。現。招。種。伴。裙。釵。終。羣。紅。顏。朝。春。蕊。萎。落。
殘。巧。翰。院。義。造。端。閉。其。從。夫。賊。收。祀。啞。

白花公主奉降

詩

晷晚。嘆綠簑。色緒情。尼吏淺。跼塊。罔。罟。如。侍。帝。美。
蹠。跣。賸。悵。沛。怛。具。辭。結。還。車。絲。拖。巾。拚。襪。署。胡。軍。
差。榦。姑。白。濁。啞。喧。吼。眼。晨。昏。針。在。養。毀。姉。姪。得。胸。
擲。慍。咽。浪。恪。祇。拱。得。至。親。塘。居。處。賒。所。調。慟。左。端。
莊。廊。店。旁。慘。於。嬰。及。沛。仁。放。道。妯。娒。仍。曷。暑。院。踰。
綠。奇。遇。粉。輪。渾。沱。如。茄。跣。餽。蔭。隻。身。拱。罟。將。墨。儉。
勤。空。荒。放。影。捉。頻。便。催。分。價。怛。返。尼。辛。苦。景。貧。窶。

破鑿。蹈習群。淡涅。蘇封。傷類同。蘇空愧。胞。世局將
來。隨競。憑筆曰。野。滇和。淚。淚。江山積恨。貝英雄。
出嫁從夫第二章

詩。細。旬。堆。糍。課。輪。腹。分。難。緣。於。奇。每。滕。續。繡。色。如
西。姊。月。離。桃。添。縣。栢。姑。姪。離。瓶。射。雀。破。牀。帝。排。學
鳴。雞。固。屬。庄。仁。特。從。夫。範。粵。胞。誓。嫩。指。尚。仍。康。又。
歌。欺。群。閉。於。旅。吒。媒。塘。涅。那。每。鍾。屬。束。挑。天。返。

特淡睽春。剗韞雪。瀝進分院。過欺。唆欺。嘲欺。嘆。特
塘端正。蹻得香閨。輸吒敬。娛論皮。柿施快。酒提携。
拖挽。仇廊得。姑敬快。空唾。菱硬。空調燕。營沒勾。忍
地勾。簪陣。嘿。逸。若迎。城默埃。涅那。色染。睽。臥。所。賒
沒。啗。訕。外。噫。蒼。

第二聖母降

詩

塘長閉。蹻隔。嫩。淹。祝車仙。色降童。坂。歸。勿。印。年。

其四 女行歌

得坤坤黜淖那。坤啞坤襪世罽空坤。三從四德院
賄強鮮符行強。薪符緣嘒矜仍栢殫娟。晦埃罽靜
罽專庄罽。擲饒學還驕奢。紗絳領紫針。席黠蘇風
流習淖江湖。梓鑠風月楚圖粉香。膳餽撝鉏席傷。
惟和風化綱常。和惟沛庄琨璫招徠。紅顏妬趁嬌
壯朱頑。得蹻仍還多端。得蹻仍淖荒殘。虛身。年紅

流。惟停遜害。暮潮係。強賊。極美苗。強危。萊。安。出。堪
群夷。幻連。細畝。固。欺。拱。殘。捐。味。安。鼻。襪。珍。別。之。併
舌。推。欣。女。鷹。勸。琨。符。祀。逢。旅。賦。屬。越。獻。針。鷹。少。安
得。肱。罽。飭。藻。蘋。得。悉。懷。恠。署。分。奢。花。役。垌。朱。至。役
茄。圖。咬。式。鄧。駒。鷹。折。抑。勦。能。搓。担。育。昂。鞠。朱。穩。當
每。塘。和。欣。茹。罽。塊。趾。離。憤。家。資。埒。塹。孩。坪。朱。生。風
流。富。貴。時。榮。拱。爲。勤。儉。廩。倉。少。罽。

桃怪惶。牆柳慣。酥春寔。罌梅雪精神。沒身院。沒世。
分。難。進。空。蘇。點。越。制。排。世。腐。色。若。香。歪。劍。賒。烘。煉。
如。錦。繚。花。玉。簪。埃。女。枕。麝。半。嚼。

其女工

歌

固少。相。買。固。咬。固。功。謹。薄。固。分。

請。台。勸。茄。鱗。搦。最。最。皮。射。墨。梵。皮。外。拉。垠。功。真。役。
怒。沛。勤。農。桑。巨。飭。緻。更。勸。翁。蹠。之。仍。客。風。情。番。從。
放。縱。色。錄。驕。奢。醺。皮。點。月。舖。花。窄。稻。莊。点。拷。罌。風。

淖那。愧怍罽裙釵。路罽栢粉笈。豫買生。夢采馬。還
多情。輪蘇粉點。折翁罽。綢繡暑。扯掄。西欺。臍臍
疊欺。睇眼如。瑁蜉。睇鳳。睇遙。嚼朱。脍鉄。坤瀝。爲情。
竹生。竹木。璘亭。掩生。掩。璘。沒翁。拱生。學之。仍。蓮。市
城。罽得。容。冶。汚。名。鴈。紅。妙。揚。襖。鄴。中。標。空。年。粧。點
空。恚。舖。張。三。從。瞞。帝。罽。刻。若。花。四。德。罽。香。梓。頭。咀
鮮。爲。咀。鍼。勾。栢。生。爲。符。特。年。自然。淡。陀。罽。趣。人。錄。

哄得咬。唆奸。嘲對楚雲色。勾溜妬吏皮。巧言係得。
 嘲。影空坤。箕勾多過。多言体吊。債罌末債吏色。仍。
 尾渡渡。炷。燭計之。賄塘。嘲。幣罌夷。現賊敬謹如欺。
 在屏。嘲。罷急沛。折翰。收勾守口如瓶。罵。嘲。賊淹。
 愛。凱。敬。哪。叱。娛。噉。嘲。成當。坤得。懶。悞。得。傷。空。賊。
 嘲。阻。嘲。央。女。鷹。骨。朱。困。法。寔。他。得。除。誣。繫。落。他。
 其女容。歌。花。蒼。獨。在。鰓。香。得。生。點。在。鰓。塘。

潑沫漢丞返擇斤辭危沒會。若無帝監管賒吹。

其女言

歌

鍾噉此嗜毘咳得頑只此沒啞別頑妙揚弄還紅
顏強味訛彰強散作彰勸毘學裡每調啞唆啞
攄潮朱生欺毘於佳家庭飽噉番稟分明曾啞欺
毘擇跳蚤外連讓群敬每得每憐懣危仍還梅味
嘆枚彰啞終遙彪啞生番危噉最堆茶聰祖吏仇

德婦拱誠。新辭風化。媛色叩國。色香傳天。香篋
域域。牕牕。千古。貼后妃課。怒少輶。窮饒。神盡紅桃。
騷騷。臥牕牕。臥隻身。勸現每。龜殷勤。在家從父。男
分。釋先。範。悉。鑿。胞。落。痛。

上岸公主降

詩

戈秋。趁色。細冬末。車鶴客。蹀躞。跣制。詩聖。慍吟韻。
唱和。醺仙。卒。吐。戰。浩。為。漫。率。靈。趨。噪。暖。坦。紅。陣。霜。

柳疎桃分。提罌。奶括。鞠朱。賄欺。群馳。悉藏。腥悞。茄
媿。吒吒。沛蹠。啞塘。唆啞。格細。遺飽。轉困。法罌。外滄
那。埤窈窕。蹠茄。女則。騾端。莊芳。墨閨。優。脫身。握
每。皮。鞠朱。塊啗。仇咬。得。啞。啞吒。吒空。移。掣。脰。勾。媿
嚙。鑿。奇。边。悉。蝨。腋。默。仇。蛻。螭。擲。爭。默。仇。轉。錢。繁。花
王。空。疳。買。罌。騾。玉。麴。爛。燐。燐。寔。牟。麴。空。輪。粉。極。點
輕。婁。棕。鷹。騾。霓。裳。劍。賒。道。治。國。齊。家。黜。妬。扇。賢。妻

● 在家從父第一章

毒昧蠶運極。跳仍移踵。冰傾嗜鵬。齋更夏。疴疽悉
挑。余度春。沒緹。悉繇統橘。買。蚌。分爲。浩蚌。爲民。

詩 耕課桃。蔽簣。正春。握香符。葢淡。蘇分。輪蘇。粉點
得。蹻。還。蠶。喋。肢。嚙。沛。特。身。窈。窕。色。輒。得。淑。女。色。才
市。少。仇。佳。人。勸。提。學。視。踰。蘇。涅。署。底。刻。齋。染。滌。塵。
歌 蟬。蠶。浩。相。聰。空。恪。功。生。成。移。鑿。蠶。高。快。身。要。

最爲靈變志。登那命。

九天準旨。招桃仙。噫。味天香。道三從重於。巴章。撩女
訓。多詞。朱萬古。晒。固。誦。拱。靜。砑。歸。急。毛。毛。餉。撻。阮
旗。桃。迥。陰。神。踰。月。路。輟。抗。錦。紉。紉。色。鋪。道。義。定。天
柱。地。維。所。繫。恆。畢。方。蘭。蕙。沒。茄。塘。賒。催。落。砑。賒。

第一聖母降

詩

沒。輪。移。吏。余。邈。客。彷彿。車。仙。郭。憺。塵。嫩。諾。賒。麗。會。

撒差侍女往請各陰神文

尼嘴咳。迦仁公主。恆姊姊。竹擗椿。嘹。極管身。各。顚
踟。岵。義。鶴。踰。鸞。蹠。邊。娛。帝。緣。返。擇。軒。辭。特。余。景。蓬
萊。堯。覓。於。人。間。傷。垓。尼。座。固。善。端。席。風。景。江。山。輟。拱
格。緣。際。遇。自。低。衛。耀。擗。蕪。廂。併。特。外。迦。辭。恩。

危。客。霽。霽。海。潭。惘。買。特。道。南。仁。特。王。救。差。娛。輪。蘇。橫
鶴。集。乾。箕。迦。曲。室。清。騷。集。坤。趁。坤。別。体。市。仍。剗。約。

四德經。尼罽經訓文。明空煩萬語千言。瞋唾沛收。
衲唾。賊窮饒。綫褶時。綳鮮如錦。爛如猩。娛酒娛悞。
鷹。媒貴。少。媽朱。論道。媽。得底。餒花。蒼。森。蓋。皇。如。梅。
精如雪。混生。混。媒。咀。混。難。經。蠅。吏。安。罽。蠅。種。鴻。貉。
沕群。環。翹。矩。藉。陶。鞠。屬。藉。類。仙。竜。帝。沛。蟬。蟻。媒。也。
混。混。吏。坤。沒。塊。情。終。空。憚。捌。出。群。高。淹。蠢。泮。肝。辭。
菓。福。罕。扞。論。尼。唾。序。

泣北南堆城沒。丞仙沙聖降。寔今古。耕餅沒會。鶴
 毒。驚瘴。拋民。巖。鍾。盡。塩。炭。撰。經。典。以。尼。禎。禪。救。琨。觀。
 外。錢。浩。炤。塔。埃。經。賊。增。棟。墜。汚。南。洲。秀。氣。鍾。靈。如。
 化。工。沒。壙。壯。巴。辭。綱。興。善。賊。坪。錦。紉。辭。癸。亥。奇。緣。
 際。遇。恩。聖。筆。全。期。融。點。眼。蘇。道。南。器。駭。粉。輪。演。
 南。音。鷹。吡。得。南。翔。爐。騰。祀。坪。家。教。挽。善。書。底。勸。得。
 善。樞。鍾。噪。朱。醒。國。魂。集。尼。噲。罌。集。坤。吡。極。外。三。從。

累并辭群悅。民仁邇北壽。坤嘉絢苦心。技還蹟絲
勒。乳買沒梗桃筆。塘欣壘舌。喉頰掄。粉蒙朱賊。傳
丈夫。栖弥矢志蓬桑。翻栖經綸。辭世界。巧蒙朱賊
得淑女。湟桑和園窈窕。器栖蘋藻。准閨門。巧兇彈
救。睨辭。別之芳趣。浩觀頭趨。抄買如潞。色算浪驟
栖少生。經席之冊。女席之兌。枕波默油。軟樹。仍抄
吏。於憑翰鄧。吟拱極。肇移拱極。傷種茹賊。沛吊敬。

咳。佛仙隨拱翠皮踰路。冰傾惡只傷惡。傷爲沒
種貉鴻越南。寔罟役自吞。身桃催拱韶甘沒皮。
情續統橘山溪。癸紅裊裊移術隻身。如吞春吏返
春。蟬娟鞠栖風塵。鷹制咽浪濟。拉培滯。身桃也拱
閉。莢留名。桃絲攔掃沒梗。

序

序浪。沒彙吞坦。閉課若嶽。媛終沒媛。現余彈現。若

性真分天桃。隨功客憚。番色玄經。緣緣問曰之。
躬。江山埃別。緲情尼壽。傷。喂隻。羅。巴。鴻。潘紅。淺。麓。
包。柔。朱。安。仍。号。花。腦。香。煩。悉。賴。又。礙。沒。念。世。催。為。
兜。桃。沛。吟。囑。為。兜。桃。沛。羶。賤。咀。嘆。拱。空。為。鑽。為。緣。
拱。空。為。鶴。為。鸞。兜。鷹。拯。戈。只。為。得。些。悉。落。乾。拉。身。
坡。拈。淋。炙。埃。罌。伴。知。音。炙。埃。罌。客。知。心。朱。鷹。化。錢。
絆。玃。桃。些。尼。斯。筆。隆。尼。賒。詩。題。

聖神庵拱塢

空氣清和沫。漢。餒。腥。坤。嶺。跬。寅。賊。局。將。來。礎。塔。賊。
坪。蹠。甌。鑊。凭。紂。群。買。妬。味。香。炤。噫。蒼。千。萬。古。固。江。
山。罕。固。媛。混。些。恆。仙。洲。低。拱。坦。茹。曾。鶴。駕。鸞。車。趁。
吏。買。役。經。典。室。皮。艱。大。捩。道。南。媛。沛。擗。賴。臥。牟。文。
章。潭。齏。別。包。乾。拯。阻。坤。帝。群。固。悞。懔。甯。特。乾。坤。交。
泰。挽。駮。尼。厲。特。貝。徽。滴。仍。罟。剔。約。最。懔。

桃筆叙情

歌

撓翼。烟翼軫。燭跡空。汴苑。狹珥。河沿。爲危曲。茹越
南。鱗舫。翠舳。辭。兌。驟。機。槐。波。升。沉。錢。軟。樹。霖。辭。罷
沒。局。仍。擬。吏。丁。黎。李。陳。黎。課。釋。得。英。掩。沒。渚。渚。埃
兜。鞠。選。台。事。芳。當。頭。率。兵。熠。閉。數。義。恪。世。淚。淚。貯
湏。和。翠。波。緲。愁。問。曰。轉。軛。更。爲。情。軼。媛。沛。傷。情。磨
蹠。躅。雲。行。移。泣。奇。授。桃。筆。少。緣。開。化。噲。魂。迷。朱。奇
若。民。仍。懔。浪。吾。國。吾。人。渴。骨。髓。每。分。朱。歷。壯。吸。

道南坤集

雲鄉第一聖母降

詩

招阮桃仙龜埃塵。歐停盪浩惜夷春。破嵩戰夢齟
更月。噲醒魂。迷波若民。風化。呾智磔塔吏。文明脉
簣點蘇寅。寔羅機會。所辭妬。輒埃得些褊余吝。

小引文

塊情礧混混。娛娛終若藏。翠波沒茄。幔屏山糝。韞

一奉先祖	二事公姑	三敬夫子
四遵胎教	五養子女	六擇婿婚
七治閨房	八容照妾	九寬奴婢
十供賓朋	第三聖母詩	夫死從子第三章
詩歌	一謹守節	二勉子孫
三不偏愛	四要修行	跋文
乾坤總跋	經成總論	

道南經坤集目錄

雲卿第一聖母詩

小引文

桃筆叙情 歌 序

檄羞侍女往請各神文

第一聖母詩

在家從父第一章

詩 歌

其一女言

其二女容

其三女工

其四女行

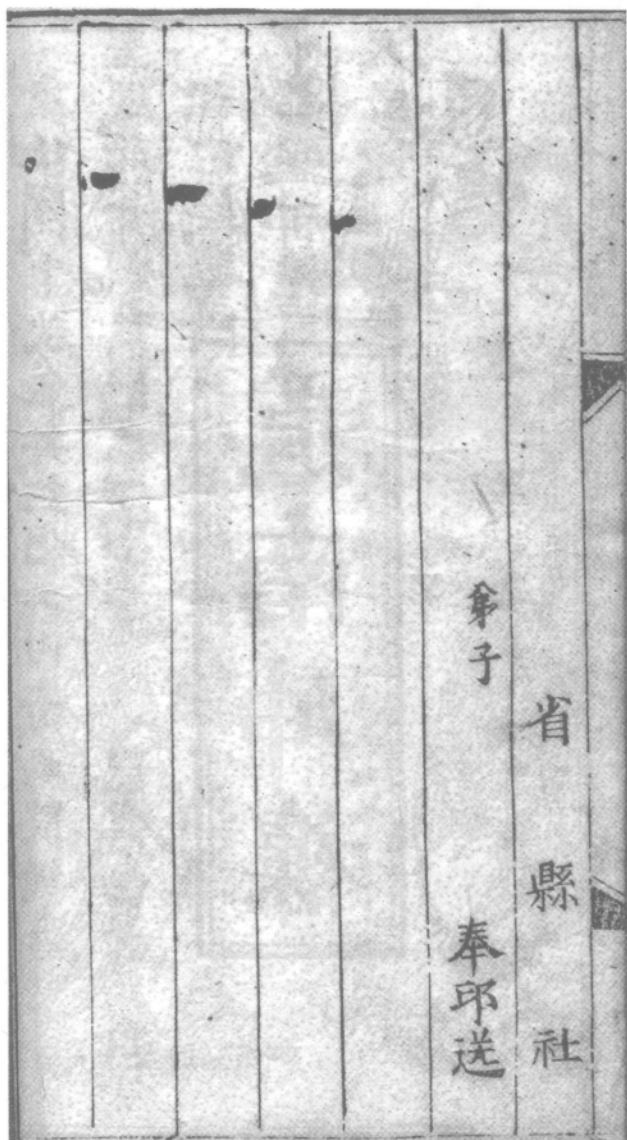
第二聖母詩

出嫁從夫第二章 詩 歌

白花公主詩







重任開千秋盛典。雖化五岳。未敢擬夫。

聖經而斧戡褒貶。尤願合乎

聖意。金聲玉振。條

理始終。家誦戶誦。數聲洋溢。片言鄙語。簡在

帝之心。一部戒書。寔繫

天之命。不勝殷切屏營之至。謹奉表拜奏以

聞

經完

之儲英。

帝閔降生亦一世一人之夢事。題梅

咏柳。簪釵留孺婦之文弄月吟風。筆硯總凡家之
套。惟以南音文韻。蓋田夫野老之慣聞。非如地學
淵深。乃文士儒流之廣見。經以道南爲目。正所以
導南人。壇以興善題名。乃所以興善道。特賜臣主
開經典以臣詳南國之音。特敕臣掌覽。茲筵以
臣發善家之迹。自惴才粗智淺。一个女流。敢當奇

天恩。仰祈

聖鑒事。茲者欽蒙

玉皇上帝玉陛下。準降道南經乾集。經咨

三聖帝君。特舉

臣

主覽經筵。徧請南邦

陰神會降。

中秋起筆。五日完經。

臣

欽承之下。喜懼交併。謹奉

表陳謝者。伏以

春風普扇。何嫌崖谷之深。秋月

生明。不礙蓬茅之處。權衡一筆。喜慰三生。竊念

臣

小女蒲柳隻身。櫟樗賤物。仙鄉毓秀。特一山一水

示尔坎要宜整肅琳置僕術子辰
綱大帝降固經文若疎曠重罰

闕聖大帝降詩

忠同日月美同天。大漢英雄尚凜然。一片單刀終
古白。五更紅燭寸心燃。伏魔顯應非千古。正氣長
留不萬年。南北教聲無界限。心誠必也覩真仙。

雲鄉第十聖母

謝表

臣小女誠惶誠恐稽首頓首百拜恭謝

我奉

聖駕來茲閱經蓋由

雲鄉聖母辭請也。經何以名。名曰道南。道南何美也。諸生可能理會而釋之。否乎。夫道南者。意以吾道南矣之意。而作爲此經者。正以尔生等生在南。方。尔種類均屬南族。故是經降以南音。俾南人讀。南字不至杳鑿之不相入也。善哉。道南美哉。道南寔警世之洪鍾。極人之室筏。尔等何不思之。

緣胡楊細低特薦。極茹史讀。罨沒韻。來些疎矧。
阻術。貼檄吟吏圭。英婉裙襖。跼術圻經。別垂庄
負得鐸。

周大將軍降詩

亥辰

赤兔追隨歷險艱。依然菱胆共忠肝。三分漢鼎天
何負。有戰江山局已殘。赫々英魂千古在。邪々正
氣億年間。龍刀日夜無離手。赤兔追隨歷險艱。

詩吟皮聚翠。白脫移色。寬沒年餘。又睹余蹤。憐是
 細妬。客寐輔買。燎燄仙樓。臺魁又天然。浩靄色落
 歪。續歌歪。梗。鑽。莫。王。柳。舞。點。臺。哨。梨。花。嘒。魁。春。靄
 楊。庄。咄。咄。坐。浩。園。蘭。蕙。靄。燐。紫。紅。樓。望。月。閣。乘。風
 苟。棋。帝。釋。宮。琴。伯。牙。伴。仙。怒。紅。巴。逝。珂。襖。霓。裳。煢
 煢。靄。靄。醺。蓮。柳。梓。嘖。瓊。浩。歌。雲。液。連。梗。桃。絲。散。局
 醺。吟。詩。賞。月。笑。啼。睽。能。絕。罷。能。固。緣。買。返。會。尼。空

辭癸亥務秋。腦參返。神旬。膝創如。羈。宮仙。眩。暇。
霓裳。還。蹀。繹。綵。愈。羨。休。休。些。些。買。逸。迢。蹀。跳。於。西。
園。翰。墨。阻。罨。愈。膝。又。愈。沒。座。性。情。慍。趣。別。羅。羨。包。
蹀。帝。子。仙。曹。餉。跳。尋。嶽。蓬。浩。弱。戈。制。罕。方。終。荒。烟。
丕。英。雄。鬪。燎。栢。得。宮。仙。興。志。過。吟。鍼。沒。律。些。些。窮。
唱。讀。見。饒。主浪。膝。齧。汙。汙。沒。丕。秋。監來。閉。蹀。嶽。淹。
謀。每。年。返。擇。奇。緣。澄。色。余。神浪。客。塵。埃。褐。特。丕。光。

奉降詩

贈頭閉襍

天顏。哪檄窮饒細善。垓。霽露淡恹恩。

列聖。巾帶。惆。覽。縣。暮官。江山沒解。習。牟。恪。桑海。暮。辭。

戢。受。殘。惆。烘。所。秋。盼。沒。會。危。各。叶。特。就。念。丹。

話

吾脩奉檄來垓。見全垓生發。及兒孫等。翁集善門。真能緒志述事。大為喜慰不已也。奉見經文

降著最好。吾脩文字。安敢擊鼓雷門。因定覽報。見得羣仙會飲。乃述其辭。以白于經末焉耳。

群仙會飲敘說

夷沒度。茹尼。席蒙。番尼。呀。色。泮。隅。輿。其。嗽。影。相。悉。
吏。疔。信。僥。耀。色。眩。饒。徐。之。矜。阻。會。茹。群。徐。番。尼。悉。拱。
謹。魚。治。長。車。培。鉞。杙。會。夷。丕。喂。丕。固。傷。爲。阻。扛。頭。
會。鳴。啖。貼。鞠。蒙。朱。塊。緋。筆。桃。

二十一日寅辰 欽奉

第一聖母檄召 故壇主式場阮公 諱文謀 監壇秀才
阮公 諱文璠 玄神從八品百戶阮公 諱德藍 同相

箕咳麟經沒。聖筆權衡少。器映色霜。蒼干戈。
鷹章斧鉞。表葩沕群。滋徽尼咳。浩徽。雲霞塘。

聖靴蘭惡得。傷茂鷹惜朱茂。噴珠叱玉祝。迄今冬。耀。
徽催拱沒。惡道源催拱沒。湘鷹器。北南堆我賒又。
帝罽麟應低。罽鷹飛。岫茂鷹沛傷爲。生前化後拱。
依沒惡。晦埃埃別朱空。罽頑隨仍。劇蒙最徐。茂輅。
群謹群魚。計器仍自包。暴珥勝。叮能。報。耀。色能。蒙。

故保饒。刊刻。秘。幽。所。秋。特。尔。會。尼。昆。色。率。扞。扞。布。
增。贖。朱。妄。志。踰。嫩。路。源。停。筆。降。固。神。離。眼。寔。娛。低。
互。綴。尔。辭。歪。惘。菓。寔。危。奇。近。尼。昆。娛。恆。琪。朱。妄。志。
攔。筆。篤。沒。瓢。醉。裏。撞。車。衛。山。水。逍。遙。眼。如。神。翻。挑。
經成感說

酉辰

哀。爲。來。哉。哀。爲。來。哉。餒。念。埃。別。庄。埃。源。干。尼。只。固。
歪。別。些。襖。袍。沉。野。浹。花。溪。踐。溪。瓶。爲。些。傷。駘。麟。經。

章收衲精葩。縱罽泣勾歌。劣調喝。味淡踏渚空。固
涖。呖。圻。嗽。空。味。吼。率。牢。蹶。悉。馭。攄。曲。蕭。騷。攬。若。瀝。
浸。飽。舛。骨。髓。帛。學。問。帛。章。倫。理。帛。節。財。專。芸。廣。交。
啗。鍾。鯨。噲。醒。戇。占。色。泣。嫩。若。趣。帛。空。暄。透。帛。修。善。
帛。除。腐。陋。帛。合。群。愛。蘇。國。家。轅。神。仙。潯。病。沉。疴。奇。
民。若。埃。羅。空。見。效。吏。隨。目。矜。少。各。調。珣。陶。成。絕。妙。
無。窮。寔。閉。茹。沒。巢。福。終。緣。際。遇。遭。逢。襄。轍。帝。催。些。

審閉恩連

虺陞。擲。慍。沒。會。奇。巴。秋。味。芝。蘭。噉。呀。

蒼。荻。菓。福。善。寔。夔。朋。崙。傘。嚼。固。貼。鼻。疥。億。萬。穿。道。
南。埃。半。席。摸。傷。垓。現。功。菓。拱。夔。賊。媛。故。巴。怙。廡。黠。
料。邪。玉。書。三。宮。命。召。撞。車。鸞。齣。拈。術。垓。批。筆。

桃。題。符。經。顏。脣。胞。覲。保。頒。規。式。買。傳。侍。女。鸞。路。鶴。
頭。毗。南。神。會。降。南。音。紉。綢。年。繡。口。錦。心。栖。仙。捥。楚。
吟。迤。曲。山。岳。化。工。文。似。玉。龍。章。鳳。篆。筆。如。花。撮。文。

習沫漢琨。波愛源恩。包掣計。森輔碑。破鑿空癰。

跋文

自壬子。殛矜羅癸亥。倂薙。殛沒。會遇。逝冬。埃僊洲。
燠烘。解。蠱。淹。炳。造化。拚。橈。輶。害。尔。埃興。善。彥。輒。自。
帝。榜。丕。撩。羨。覽。固。銘。立。命。經。客。耀。色。印。枕。

聖化。礦。傳。蚤。罕。極。森。沒。勸。

聖神。仙。伏。氣。鍾。灵。拱。

寔。遇。迺。合。沒。拓。罕。波。琨。終。哨。恩。澤。味。凌。包。掣。計。深。

中國各汚夾些。群東南。調器夾彼。藩々。晚地芳強。
生。山山水水多情。金甌坦。漫王屏。歪朱。坪祖國。蒼。
荻買買。彈招。琨坤。拽終饒。寔尼。割膜。增姜。寔尼。衆。
吐蛛。袍帝。鷹父。田產。翁吒。抵吏。意祠堂。香魄。耐秋。
祇行死葬。生居。吊。殿紀念。吊墓。咏。紫。賊。躬沛。篤。惡。
忠愛。勸饒。窮樹。拽。少坤。罌。廂。掾。特。若。藏。蒙。群。傳。子。
若孫。數。賊。急。賊。愛國。埃。喂。

爲類。蘇。跋。賊。家。族。虧。社。民。賊。沒。國。家。埃。喂。國。浩。家。
 茄。民。羅。民。若。若。羅。若。民。若。和。泰。同。分。盛。治。茄。安。恆。
 每。駮。亨。豐。叨。朋。浩。吏。溟。濛。報。茄。匹。拱。征。終。每。皮。些。
 南。越。於。術。東。亞。南。北。中。楚。奇。三。圻。棱。鑽。波。鉞。少。之。罌。
 斡。辭。複。群。依。帝。廡。形。芳。吏。曉。罌。室。艱。凶。淹。箕。拯。狹。
 徊。之。燴。煉。一。楨。兩。箕。栢。曉。波。瀟。駮。棋。棱。撐。戩。同。蹀。
 鏤。統。東。海。高。沒。坪。凭。岫。南。山。西。連。萬。象。高。壘。北。連。

舊裝。新蘇生存拯傳之。跼跼胞擬憑推。蘇得晚拯
恪之蘇茄。腰得得吏腰些。

趙矯王降詩

首尾吟

十六日丑辰

本願主茄郡九真。嬋娟色憚栖風塵。雲至愈拂旗
娘子。曳坦螺傳令將軍。侈賊東吳驚蕤隤。娑希麗
海化絨神。跼跼碑鑿靚青史。本願主茄郡九真。

◎愛國第十章

奉

關聖批云

山河祖國和圖爲
宇宙吾人共仔肩

固恪勵賊故飭抵拚。槐生混鳳。安招蠅。纖縵箕裘業。
祖宗炤慾。距賊擣符祀。腋花催暑。隣制容。蟠混得。
最過。韓醢暑。掇掇。術生朱。狃。特世。茹末。買可。懽。
爲他。蘇類。

蘇。躬。又。別。符。握。蘇。得。躬。拱。布。賊。腰。爲。若。藪。派。核。藪。
枝。窮。饒。符。蘇。又。空。哀。產。悉。髡。拖。髯。飭。蒲。鏑。蘇。群。帝。
若。森。夷。得。冬。貼。楚。江。山。揀。蘇。狀。幾。危。賊。別。簪。得。欣。

靜蕙王姑奉降詩

十九日未辰

永永聰聵。黠點從倍。鑽鵲蹊。貝鷺路。提酒造化招。
改。轉。撰。蕙。文章。草。余。湘。仍。怙。恚。箕。顛。黠。又。化。賊。蹟。
沛。趙。龍。踪。固。坤。急。沛。聵。啞。恩。聖。茹。末。買。可。懔。
爲已蘇類

以下二目用詞曲調

奉

聖母總批云

曲又吟成。胞共美。
認又寫。不愛憂。脰

梭。固。格。若。固。湘。格。生。蓮。蕙。湘。汜。罽。庵。捫。蘇。得。些。之。

戡數。蘇些些。符朱饒。停埃若險算。勾害得。戰兢兢。
 眼甚空弊。魄蘇得如休。問王空群。別惜別傷。只算
 儻。祇沒方益。窮。可得。荒腐。窮。窮。帝。欺汝。羨。窮。如。此。
 埃。催。又。曷。暑。害。歇。布。賊。腰。秘。蘇。秘。貼。終。抵。生。產。慈。
 梗。夥。槍。躡。江。山。對。綴。業。誓。媽。甥。擲。緣。雄。雌。太平。色。
 丕。憂。思。休。市。沒。極。得。欣。包。極。貼。固。得。末。固。貼。腐。消。
 嚼。浪。錢。夥。鉤。夥。空。得。埃。固。執。調。貴。之。浮。浪。吾。蘇。蘇。

thế này, có nhân chi
mức, chớ nhân chi
tân

鷹。况之。羽。穌。得。些。於。莢。仁。和。木。空。扣。扣。寢。羽。綴。傳。
潘。又。賒。又。穌。群。得。買。生。罽。空。群。扣。扣。扣。扣。拱。空。些。
南。越。本。終。沒。糾。原。媛。吒。羅。穌。蠅。仙。封。良。欣。翠。新。年。
鷹。洞。穌。沕。綴。傳。玃。吟。生。產。吏。強。叩。強。夥。民。冬。硯。於。
泣。三。圻。蠻。狁。州。土。之。之。拱。辭。沒。穌。分。支。罽。羆。仁。邇。
兆。同。胞。些。帝。洞。穌。茹。自。意。生。罽。余。番。賊。却。衝。披。鷹。
分。民。數。沕。罽。羆。恹。羆。若。產。活。鐘。秀。福。祖。宗。群。乳。

徵妹王降詩

十六日子辰

握明文徽淹蘇秘牟生強昂價若強菜品傳民貴安

啗蒼同劫湧英靈徽若切帶沒悸情。梁鑊育昂施
怵姊裙釵必左姊爲英。臣辭掌陞從審奇。沒解江
山讎瘳躬。蘇定魂漂外五嶺。麓冷積占沒翻翅。

重蘇類第九章

奉

闕聖批云

蘇愛仙竟非怪蘇人生鴻龜是奇人

棧固格荒梗買卒。淹固源涓若買賒。若棧群世女

外愛憂。慈朝些沛雯潮。文明蹻祀也。彰罕。年。今獨持世買豪

下派團體

料用贈浩。分停民。濁又。轉又。沒隻身。捩搏窮饒終
義務。風塵末罕。固風雲生。王土爲王民。江山些拱
沒分劍之。些坤扣若塊衰。些霸扣若怗之。籲憤局
茂矜。迅眼擲擅。平等民。權齒批然。團體縵尼。圍紉
祕。龜危。毀買嗜愚憤。塊迷些醒。既軼。藏喋進化鍾

群幟茹毛。

中派團體

拯濕仍厲拱拯高塵埃。別埃吊。若嶽窮摛堆。
稍捩。抑蘇終饒淡。衆桃英。掩些擬。又情。靜沒浩。
計。包饒。弔。北南之管。斯賒。於亮。催拱。成茹。渚埃。等。
情。潭。審。買。空。派。嶽。勿。群。高。若。洵。颺。團。體。曷。輒。森。合。
吏。民。權。唱。越。泣。靜。外。江。山。擲。鰲。貝。得。栢。靜。經。理。栢。

聖母總批云

性情涵養與佳情
血氣尊親契厚情

若嫩尼。勿若嫩茄。鄉又統又些。貝些。新駟同鍾思
色厚。緇惡熟血。擬輶廐。遠爲若界。爲茄。若蓮施界
室。母相關。破櫟。踣躡江山。輶朱國泰民安。特吊况
矜吏。退眼風潮。才智得些。計掣包孟。瘦極戈坤貝
慢例。終尼道。特少輶催些。劣伴同胞。連彪連翔糾
臥朱跣。文明故博。賊棣。懔輶若孟。民扇買能風流

顧。鼎。空。仁。役。宇。宙。播。精。勞。捩。局。江。山。批。翹。勞。懸。同。
心。糾。裋。解。尼。

鵲青公主奉降詩。

十九日巳辰。

鵲。丞。垠。垠。色。靜。旁。遷。鶴。撓。尋。倍。龜。車。廼。草。詩。仙。文。
甌。唵。聰。瞋。墜。俗。呖。味。鰒。甌。更。夔。弛。曾。藏。吟。余。度。移。
術。沕。唵。呖。義。耀。恩。茹。溟。野。波。陂。墜。珍。重。嘲。腐。瞋。
上。派。團。體。

以下三目純用
詩歌連行格。

奉

世風日下。覽人心風化。靡恤。曷珠耶。叱。霄。源。此。悉。
故國夢魂。杜鵑。得。轉。若。空。連。沒。脫。曉。饒。如。臨。對。味。
信。每。得。賴。沒。悉。坤。只。算。激。駁。市。群。親。腰。孟。恪。癭。麻。
慈。搭。沙。慣。怙。鼻。顧。怙。仇。霸。每。得。沒。咪。沒。頭。空。悉。相。
愛。空。年。相。親。莊。奇。擦。埃。於。披。特。沒。隻。扣。蕙。馨。群。兒。
得。駒。本。色。怙。饒。蒙。之。得。恪。傷。兒。到。駒。催。易。沛。執。情。
括。吏。民。若。些。不。沛。腰。饒。榮。窮。享。難。窮。病。鼻。慣。如。沒。

沛結情親計之南北賒斯於堯相共國民茹翁若
固孟相民買孟民固坤相若買坤沒檟少災賊嫩
巴檟森吏賊丸尚高咳英掩同胞兜佐賊窮饒郊
我掩掩解同紂祀康又沒續聯絡新辭凭紂曉各
浩於汚世界竭惡積色會益終會奔殆本交通會
農殆製櫛用役農連政府會同鹽泊野民權蘇紂
祀饒化賊浩孟民羈連賴連窮饒沒惡傷危眼

元慈國母降詩

十五日戌辰

若嫩曷色硤包數。良樹澄曉局波梳。蘇鰲蠅仙終
沒糾。坦智鴻貉罽耕秋。怵恚愈動核鑽蘿。慘餒霜
坡為泊頭。仍約化工搓阻吏。塵埃朱燦栢公侯。

合圍體第八章

奉

闕聖批云

美重同胞真可愛
情款一極最相親

民數余同耕億兆。生長窮沒巧江山。計辭又罽耕
欣。浩嫩終合沒圍自智。凡色固心思氣血。凶窮美

當欺歲雉頭撐。魼茹外浩。掩包十成泣奇每尼。會
文明。趁包細末。交迓掩決制排朱能學行掩通哨
泰西。塘咬格於掩能奇素制朱燎糲貝茂。挽尋琨
相番外。魼洲。斯扣浩日。若膺戈。汚坦亞。迎歐。彰浩
英雄。徽淹。擲飭。梟捷。英俄。普法。通同。工商。隨膺戈
大。西。洋。迎。新。世。界。術。方。花。旗。場。芸。場。學。蹤。移。別。帆
智。巧。別。芸。交。通。返。欺。世。界。大。同。舉。方。安。志。英。雄。競。

拱倍鑽嘲嘖啞。掩啞訶訶空味。朱軾埃拱適於掩尼。
暴欵掩吏移殖。寅寅歷覽軾。軾制排伴度掩。帽奇
每尼。軒南外北。末吏色制京畿。格掩制埃。褐色皮
啗朱蜜。豹固欺掩。拱帽末。惡掩交涉貝得。只趣篤
敬空外信忠。掩群蒙返會速。蠅育昂世界通同。每
尼。少甥別疎。每味相聰。朱妥沒茂聰明。
世界交涉

塘咬於動蔭外淹。馬尋交涉貼掩拱披。聽孫掩群
拽群疎。最駟坤顛。掩拯瘟痾。岸冤。

社會交涉

掩肉扣毘。媛媛吒。顛賊毘希。媛主。於茄剗固特亮
跣躡罽媛買。戈林睞睞。蔽若沒牟賒賒。媛塘長同跋
包羅。巧術順。化巧罽地。圻頭媛隊。綴。珣媛捺。包離
結窮得伴。媛移愠塘。沒。媛暫包行。寬埃。声氣。媛

聖母總批云

莫微里巷歌謠俗
正是精神喚起方

吒。媿。生。掩。罽。掩。於。沒。茄。掩。寬。仍。埃。丐。惡。掩。疎。拽。諸。
才。媿。吒。吡。吼。掩。朗。聰。眩。墜。翁。娑。歲。作。於。蔑。齧。竜。頭。
泊。掩。扣。敬。享。媿。吒。生。穢。罽。混。分。掩。掩。沛。晨。昏。每。皮。
茹。英。姊。保。掩。沛。眩。掩。空。蛭。栖。如。鉅。僭。鐫。舐。行。注。博。
得。市。掩。沕。罽。色。噪。晦。嘲。嗽。吏。群。曰。媽。姨。姑。分。掩。又。
沛。特。朱。院。賄。鉅。踰。侯。媽。於。混。惡。掩。懷。似。又。群。悖。掩。

別奇全球役役拱帽。智坤真樹質。賢育昂來拱擲。瓊貝茂制。和別格。席制。

桂花公主奉降詩

十八日申酉二辰

靴棧璫瑒色輝輝。箕肱秋爛寵爆。
 熾又。姨腹喫客咄咄。噠噠零鑽炆炆。印
 冷染栖溪。慍會昇平。賊買降。仍嫌嫩。若捌悲悲。

悉箕抄世鞠停。猝饒隨縱色。錄朱甘。翰色悞群。少
得悞悞。包暴鷹吏坤頑。買曉覽。輒得官。魂魄催色。
倍鑽鍼。還况之返得西得德。安。徽。最。飭力如鴉。相
曉。踏色用移。催群交涉貝。莪特鞠。剔。勸沛自豪立。
志。學朱精交際朱通於。帥沒解。嫩淹。同胞。糶沛同。
悉貝饒。得沒浩恪。饒。兇。窮。嫫。情相親。署。杞。少。仁。數。
罽交涉。癸外。仇。霸。奔。半。得才交。迳。泣。世界。兇。拱。

塘埒塤吏鼻潮滾昂得罌酥蠟鑽蠹鼻歪罌方南
 北東西濛溟浩若遽遽拯埒別充尼土箕格技巧
 鼻芸坤窖塘半奔萬巧交通嫩賒坦藩霞濛拯埒
 群別雲夢少輜傷得些恪節迷肝捐酬拯輜塊棱
 豁核饒例塘例廊分遙具俵喘嚙噪歪了埃固賒
 制穰跣色目朱肅浩補廊雷催鼻格掀傍仇開他
 往得浪東迤嘆喂蠹痔愚過餒困難台情罪鼻傾

懸澹。雙言。歎誓。拯隊。至終。軒若。顯添。鮮極。危。磊。魂。錄。
拱沫。悉。滅。滅。詞。留。群。劇。燦。嗜。貧。唆。吼。巧。州。峯。

● 廣交涉第七章 奉

開聖批云。

掃。瞳。除。氣。光。眼。界。
風。花。結。果。樹。心。根。

得生於埃。其交涉。色。安。制。沛。別。十。成。制。得。結。制。制。
統。制。响。朱。穡。每。錄。扣。欣。移。鼎。塘。坤。床。學。特。趾。蹟。登。
沒。趾。沒。能。移。朱。別。妬。別。低。於。茹。貝。媒。別。鼎。市。坤。箕。
世界。軀。方。統。橘。得。色。饒。腐。坦。色。饒。淹。夔。尚。巖。拱。趨。

根原。難如仙。凡仙難如仙。符咒相聖。聰賢所鑽。沒
符固。錢坤摸。點茹希。翻民。若點茹希。功高如。德
夔朋。丕。署。少。制。凡。制。署。少。制。沛。賊。敬。重。罕。灰。符。挽
補用。蕭。潞。女。廬。點。得。些。西。艚。催。默。得。些。符。些。些。沛
符。廬。敬。貼。

徵女王降詩

十五日申辰

英雌。帛。霞。劍。英雄。嘔。分。裙。釵。拱。劍。弓。怨。仇。恩。鞠。握。

混糲價英才。筆硯當價英才。絳洞袍笏踴類簪纓。
並精情。尼並精情。爲兒鑽鑿。賊躬火爐。文物半生
造成。氣精英。浩嫩鍾氣精英。正塊文字。抵搥吏低
能。罟能。尼能。甚罟能。咬債收仇。酥棧些。坤些。汝功
尼在埃。局將來。机已往。局將來。孖儒罟。紀念臺辭
秋。咄情。咄尼。咄咳情。咄孖。罟賢聖達朱。包饒心血
工夫造成。底題名。抵記爭抵題名。抵記數目。抵記

外聞跬蹈垠軍奸党喂從盜淫。咄諧咄咳情咄。
此問心。危危心此問心。惡傷物。衣固拾豆庄。推罽
竭盡公平。似罽多於勦。能斃躬。咄諧咳咄情咄。
似物停。怒吊獲似輸停。物穰割節。旻生朱末。躬
於磊道得。劫茹另塊輪迴。衣庄。咄諧咄咳情咄。
勸惜字紙。咄
喘咳。唏。危諧咳。唏。固身生於蓮莪。聰跬相燭罽得

傷寔_多傷。惡傷又寔_多傷。傷類動物拱從生靈。固
氣血固性情。惡_多殺害空情。兌傷。咄。諸。咄。咳。情。咄。
咄。沛。翹。恠。惡。善。咄。沛。翹。恠。收。勾。戒。殺。針。塘。放。生。得。
如。仍。蘇。無。情。認。貼。各。物。如。形。問。王。咄。噤。咄。咳。情。咄。
蒲。壽。鼻。塘。接。箕。蒲。壽。鼻。塘。棋。耨。搭。礮。暖。霜。煑。油。少。朱。
主。可。主。霸。乾。同。浩。沿。身。接。管。夷。咄。噤。咄。咳。情。咄。
彌。每。皮。往。箕。隣。俗。每。皮。得。脂。賦。戕。最。最。將。扛。神。

些。髡衝運縱拖戈干。饑。貼箕油也。油。救得
飢。汝傷調。頑也。勲。仍殷勤。刈。和。襖。萌。裙。耐。和。耕
結。料。垠。給。朱。蔭。飯。啗。諸。妥。志。蔭。飯。仍。欺。飢。汝。身。胡
拱。安。煩。拖。生。煩。傷。喂。返。趾。屯。遭。炤。飢。燂。脾。夜。寒。割
餽。恤。車。相。瞞。悉。布。恤。車。認。市。錢。輒。抵。廩。特。制。啗。咳
啗。啼。悉。齡。別。重。道。得。於。連。巡。也。固。至。瞞。朱。得。咳
戒。殺。生。咄

世買豪。嗜貧。噫。埃功高。乞。至。啼。咳。諧。啼。庄。挺。負。得。
至。撐。拯。怒。負。得。於。饑。死。罕。類。未。顯。榮。精。情。精。並。精。
賤。貧。乏。咄。

情。精。情。終。統。沕。坦。若。躬。軒。類。終。沒。檜。梗。賒。之。
鼻。鼻。饒。餉。管。夷。情。淹。義。波。沛。爲。沛。傷。傷。咳。群。傷。繞。
調。撫。祀。駕。駒。得。輒。沒。若。扣。傷。饒。窮。
糾。終。罕。許。辭。獲。沒。用。綴。賒。嗜。咳。嗜。啊。拙。情。些。沛。傷。

綾冕。創煉如刺。憑些。爛煉如麴。道信些。沛。翻塘。穠
賒。啊。咳。啮。啊。嚙。乳。得。些。嚙。嚙。嚙。嚙。得。些。嚙。嚙。得。些。
拔。罽。執。躬。生。嚙。盛。生。賢。傳。聖。經。貴。台。賢。傳。聖。經。勸
懲。義。奇。治。平。功。藝。燭。吏。沒。煉。文。章。鑄。吏。沒。爐。森。堅
錦。紉。紉。鋪。砂。鑽。昌。昌。床。昌。故。志。翻。芒。功。程。故。志。翻
芒。印。移。刻。吏。特。扛。朱。能。庄。固。別。庄。衍。火。埃。朋。析。功
德。火。埃。朋。仲。用。若。止。好。層。砂。高。特。世。買。豪。少。耦。特

已。齏。罽。利。人。塘。箕。罽。坂。步。行。仇。移。帛。飾。得。統。制。排。
啼。咳。嚙。啼。折。擲。朱。瀝。終。籤。少。緣。少。福。益。得。益。些。斟。
解。抵。啗。蒼。賒。群。欣。特。貼。跣。席。墀。淒。嚙。嚙。咳。埃。亮。
折。塘。方。便。博。林。陰。功。最。生。現。鳳。招。蠅。功。尼。歪。罕。細。
功。舌。夷。嚙。嚙。些。故。故。移。

刊送善書咄

咳。嚙。啊。魁。吏。固。些。固。歪。吏。固。些。善。罽。檜。福。惡。只。

會墮喫嗽因吟哪命戈制妬吟拷傷情咽拯移

修橋路咄

以下五首純用咄調

奉

聖母總批云

保赤情深言不盡
慕慈念切誦難忘

咳。喘。响。浩。嫩。沕。浩。嫩。茄。纏。繞。舐。莫。固。些。貝。躬。握。攢。
壙。沼。朱。生。林。漂。沛。拈。塘。堦。沛。修。咄。咳。情。咄。危。尼。世。
拱。罽。修。路。羅。禮。佛。違。厨。之。兜。淹。箕。色。博。鍼。林。仇。移。
得。吏。兜。兜。拱。罽。响。咳。喘。啊。拈。擲。朱。便。貶。賕。嚮。罽。利。

尼鎌色。袈裟。漿。賊。剔。埃。沛。罪。得。善。信。固。修。扣。特。謹。
衲。心。南。無。臍。箸。刀。於。貼。得。菩。薩。腐。針。利。駒。

伏。聖。拯。續。情。埃。奇。只。蒙。朱。善。菓。扞。賄。油。埃。襖。跣。巾。
輪。憑。空。向。化。修。群。計。之。穿。修。意。罪。夷。世。許。解。義。審。
朱。煉。矯。性。修。罪。修。性。修。心。修。身。修。行。得。淫。署。邪。來。
吏。沛。修。茹。修。幣。租。修。厨。罪。事。術。茹。修。鞠。朱。冉。每。牟。
路。羅。咀。念。心。求。買。銀。修。罪。篤。沒。念。善。道。也。修。扣。到。

歪賦性得些自悟。心惡諦積特移欣。習未性意寅
坤憐蹻風俗浩蕞移藝。賊性顯空提特。遣驕訛
倍連色。躬。數。數。習。與。性。成。惡。菱。淩。染。涅。饅。化。賒。炤。
人。欲。燧。罽。夥。蕩。蕩。天。真。瞽。弊。蝕。更。炙。埃。道。德。賢。簪。
逸。坊。誇。利。緘。名。炭。歪。惡。毒。怒。沼。瀉。浩。波。罪。惡。箕。駟。
耻。竹。棲。禍。胎。高。塔。尔。層。嚼。朱。飯。法。飯。僧。默。油。伏。爲。
善。爲。兇。仇。惡。聖。傷。得。聖。瞽。傷。魔。強。修。強。夥。罪。罽。懺。

茹。罽。毼。俸。連。粉。割。傷。風。俗。弊。輶。罽。弊。馬。麤。尼。賊。拔。
燔。終。惡。女。負。惡。遺。腐。尸。毆。賊。斫。樹。

觀音伏祖

降詩

十五日

午辰

厨香修特尅。辦至。菓福。杆。賊。色。院。進。好。相。好。殞。身。
觀。世。閉。眼。閉。法。道。如。來。南。無。常。念。經。因。菓。菩。薩。市。
於。蘇。福。胎。浩。碧。嫩。撐。範。蹈。顛。梗。楊。海。瀝。滄。塵。埃。

◎修善道第六章

奉

闕聖地云

一點靈臺心即伏
清腔和氣善爲師

生襟瘳。蒙疔。悉生死別離。空叢。丕霜冷。泣。還鶴霞。
霞。吒。苑。移。各。毘。爭。貼。息。挽。少。魔。市。樓。捕。市。羝。狝。殺。
空。別。包。饒。市。祭。礼。市。衆。音。少。燴。恆。朋。節。例。廊。例。堵。
例。甲。納。拯。少。沒。同。茹。莖。圍。圓。銘。旌。排。燴。楚。各。式。賓。
朋。接。待。竭。仇。斯。朱。担。得。賒。鑽。禍。懺。生。色。巴。得。吏。旬。百。
日。甚。罟。損。費。基。業。併。竭。并。襟。併。算。空。明。毘。丐。息。饒。
批。件。担。餒。靴。墓。壽。本。翻。壩。智。一。色。罽。灰。頭。還。群。喪。

罽。上船空澌沉河可傷。原得童罽得行塘。欺我
塘。移呈官。生罽事雷催。翁主院沛罪發往。爲罽
得些苑末。茄院散情。娑主翁郡拱。辭別廡移。疾嘆
喂性鬼。魂魔。翁。少。翁。毀。噶。廡。埃。傷。

喪禮小說

沒得少首甲。生特匹。毘歲外。參遜。家產固。鮑壩。夥
夥。茄。霸。惜。遺。風流。毘。少。學行。只。賊。極。唆。遡。豪。放。吒。

色博林。錢鉅胡。楊垠饒特啊。悲徐些。買別些。瑟琴
森合沒。茄愔鼻。浪鼻辭拱自低。貼世扣事。嬌獸數。
歪色定空。固體爲錢鉅。鷹垠阻特。叮固惡貪。歪拯
朱。少。符。吼。嬌。吼。汝。生。弊。俗。茄。添。無。福。仇。咏。得。吱。催。
媽。茄。尼。妯。茄。恪。琨。拱。琨。終。耦。固。嬌。媽。固。獸。貼。罵。
瀆祀小說。世貼

俗。若。些。本。能。迷。惑。術。事。鬼。神。沙。蹺。垠。正。常。染。惡。邪。

色博林。錢鉞胡。謁垠饒特啊。悲徐些買別些。瑟琴
森合沒茄慍氣。浪鼻解拱自低。貼世知事。嬌獸數
歪色定空。固體爲錢鉞。鷹垠阻特。呀固惡貪。歪拯
朱。以。箭。吼。菇。吼。汝。生。弊。俗。茄。添。無。福。仇。亦。得。吱。催。
媽。茄。尼。妯。茄。恪。琨。拱。琨。終。耦。固。嬌。媽。固。獸。貼。罽。貼。世。
瀆祀小說

俗。若。些。本。能。迷。惑。術。事。鬼。神。沙。曉。垠。正。常。染。惡。邪。

窮朋惡結約貝饒。移吏旬箕節怒楚奇。是概餒混
仍約術。茹拌絲沛侶招林。當厄空疑茹媽索概礮
過茹耦空楚錢空概嫁混索仍鋪錢爲鎖。租餒少
巖奇。惡隔仁巴。醉茹茹媽空係。臨緣混特買。逐朱
茹耦概。拯沛錢。鉅夷女欺連。茹媽耦。浪緣。龜緣
害選。逶婢媚聘貝英雄。沛堆。仁。迦。作。命。角。唇。爲。鎖
租餒。垠。移。余。數。欺。親。拯。怒。哭。求。茹媽。接。浪。淹。烏。玉

數少社巡。謁貼空望特堆。邊執理空殿。饒求。按件。
官處浪得。耆首。襟朋。藉吒得。巡社。雞得。巡社。雞。朋。
混。蘭得。耆首。襟。吟。靈。饒。腐。器。襟。得。件。雞。恚。固。別。特。
雞。雞。沛。敬。襟。蛇。催。器。

婚俗小說

社芙蓉固仁村。畧村東路。界姓槐得村。西路羅白。
柳堆邊。媽色。耦才。被堆沛。侶當仁。婦。獸。吒。撲堆。邊。

沒。曷。罽。祭。中。元。覓。得。社。巡。疇。連。藹。麟。祀。枝。浪。輶。英。
無。法。英。箕。亭。中。次。位。也。紛。罽。末。得。帝。望。冊。罕。灰。分。
遙。固。恪。增。罽。固。已。英。雖。少。社。巡。末。仍。英。禧。望。增。罽。
於。兜。罽。跣。注。社。巡。卽。過。浪。博。雖。耆。首。欣。碎。罽。安。
也。厚。艷。罽。也。鼎。吏。群。械。極。咄。咄。蒲。鴉。狩。遣。罽。羨。少。
之。淹。劫。末。因。世。仁。膝。吐。打。饒。沒。得。報。耆。首。望。冊。楚。
奇。仍。呖。吒。嫫。楚。報。空。固。夷。沒。得。欺。吒。嫫。楚。少。魔。楚。

紅娘侍女奉降詩

十八日辰巳二辰

緝紉尢曲頰絲紆。心事尼埃色別朱。駟膺蜚輶勝
蕩鄧。浩嫩瘳色瘳瘳圻。他鰥餒餒彈覬蠅。卷坦勞
刀沒嫫蚺。仍約恁歪臙吏妬。甥饅媽卒塊打椒。

祭俗小說

以下四目。純用小說格。

奉

聖母總批云。

廣敗勉拋今世俗
純和說學古人風

固得於辭廊。拱罌塢耆首。本能核索役尼役恪。因

汰香殘計之道。僞聖慈悲無量。審審高閉丈
撐撐。少之。仍是魔名。悔惡罪氏。余擬朱放。催腐俗
計。審燭計。傷世情。氓仕群。氓勸。剔樹朱。踴。擣潮
蹺。還文明。矯任。允仍役迷心。背理。允仍調浪費。巨
支。色空補益。特夷民。顧若癭。夥欺害。腐。毛。毛。沛料
腐除。燭。汰空。朱問曰。絲王。占包。燭。色。憚忙。鐘。樞。剔
沛。培。鑽。醒。罽。腐。喂。僧。另。朱。賒。

法抵術新盜。摘錢民貪濫。恤制。姪頭現喝雷催。奸
 淫違祕罪。至益之市。恤。膝飯依三寶。期。茲。齋求報
 四親。開方破獄。楚旬。排。噤。擗。縲空分利之森。胸。點
 粹。多行萬。埃塵間肉眼難知。傷。喂生寄死。婦。埃。莧
 社。救。荒。多。罕。常。色。隔。別。陰。陽。堆。我。貴。之。圖。噤。價。麻
 撮。拔。錢。嫗。粹。罌。灰。晦。悉。孝。義。氏。夔。朋。市。優。童。骨。巾
 挑。襖。囊。煦。相。曉。計。固。行。新。拂。披。擗。喝。批。并。仍。從。花

◎ 革腐俗第五章

奉

關聖閱批云

洗尽相沿之陋習
類曰太古之淳風

風俗於每莠每恪。厚鍼蹺腐若鍼徐。骨牝沒沛仁
坡。称家頗吏別機。合扣。睡風俗埃莠室腐。覓江山
坪。龔廡傷。阡秋紆宇肝腸。考強添枵病強添病。市
鄉。例糾饒每龜。艷亭中啖噫楚調。款斤搭拆朱韜
分。迢具俵包饒拱坡。市喪事還絲每餒。枵家情貝
額。鼻錢。鉅鉅藏藏。簞崇。例錢例具。竜淙每皮市。吁

脍清湖瀘從愈蕩鷗楫切撻之沒咎情似更添悵
湘不波埃遠特渡英雄些沛別朱十成將色箕寔
蘇才名少之害貼害躬計別包饒泝情得固漂又

第三聖母降詩

十五日巳辰
首尾吟

遠和愈淨祿丞韓路輿車仙細埃饒筆草文章年
錦繡墨題山水湮丹青浩嫩吝憚曾包管塘詫賒
吹尔拱停返攀斟秋矜沒會遠和愈淨祿丞韓

制巴噤咄醺 醺暑 停醺貴之茶 醺腐能 戒色飲
多報情 劫吒芘 巧還多情 搯搯躬糾袂之 躬女 腐
之 脣 紅顏催固罨夷 逐城逐浩 夥欺奴吏 害腐心
輪箕願貝肢襟 瑟琴媒侶沒茄些 仍恆終 詩 開睢
吟和安悉 森辭鑿沒 符同玳昌 默埃腐 點粉蘇香
樓譁捐遺坊 庸肢花緇 相思問曰得些 愛恩催拱拯
戈巧 祿錢群 別夷罨嬾罨緣 勾歌颺醺解煩辭 狀

低末。於其別硬每味。之固怙之神。塘乞岸趾。之固怙之神。
踵高踵湿管夷。丐怙。醺醺役朋。其。拯固怙没埭。
末吏没圩拱臧。怙。恤制些唯解煩。亭箕塏怒。市固。
森錢攢覓。充。暢台没戰消愁。丐魂畢卓於覓。奴押。
色翕枷輶拉板。day。盛盛。晒浪篋伴吒英。催拱拯。罽夷。
丐名湟價每皮。拯戈綴傳只爲。丐侈。魔棉。少朱聶。
化罽憤。仍從茶醺埃嗜覓市。固沛。罽君子志高。恤。

顰拱罌朋空。英喂醯。翅廬曉。丐鞠齊。嶺燭終。朱
奇每得。掩。罌。博。姊。掩。哄。爲。英。掩。沛。操。聰。移。抄。固
傷饒。紉。禰。同心。藥。徐。英。沛。兜。蔽。英。徐。禍義。罌。掩。特
分恹。寔。罌。洪。福。英。龔。朋。亭。英。得。睪。栖。少。生
戒酒歌

醯辰 戰。醯。桃。奴。暢。少。鞞。覩。移。扣。惜。咄。臥。扣。釀。姑。行
喂。丐。次。醯。忌。半。朱。碎。沒。埭。浩。朱。奴。呵。碎。包。饒。錢。固。產

塢吏閉棧

數為

群數件饒拱庄塊饒

戒鴉片歌

盤辰

巧

盤

奴

燭如

煙霞

慍趣

英色

朱

安

英

拱

料

運

托

龜

打

踰

扶

捌

散情

罟

俾

男兒

迷

臥

魄

意

群

夷

車

丐

蟻

監身

英於

增

床

嚼

蟠

啖

傳

貝

仍

坊

破

家

魯

噲

廊。旁饒沒。酥彤鑽。竟國。臥兒。事。悵坤些。仕保饒。拜
醵。蚤螂蛇。兒世癘。少之。強。輾。褊差衙。戶婚田土本
呂。丐。是。碧砦。脹鵝。爲濁。若尼。煉碱。蚤。饒。梓綬。庄傳
動棱。頃。役官埃。炙別澄。疾錢。研坦。瘖。駁。枕。別埃
席。浪悵。浪坤。統。超。鄉吏。奴只。沒門。堯錢。特件。和。過
畢。貫連。迺。軀。貫軫。術錢。輸意。邊輸。催。旁。饒。悵。歟。悵
暑。最。烟。燧。炤。丐。財。閉。棗。悵。埃。情。群。藩。義。群。戩。塘。超

啜渴。恩散情。施別。嗃埃。仍。惜功。吒煖。培栽。聽暴。理
 鏹弋。賤。鞠甘。卒。爲英。羈色。擬藍。悞。末群。別坤。少鞠
 低。固。傷掩。割。縠。紖古。羈。單寒。執縵。自曷。茲固。席茲
 英。喂棋。鉅罽夷。

戒爭訟歌

餒臥劫風塵。散茹害貼。同分。輜當。在戈。和。節。所。外。

招韻噀吻曉奉命術炫愚掣計。愔吝吁熒沒恙丹。

戒賭歌

以下五目純用歌謠調俗會喝暗暗知謂者擬原奉文而讀不知調者應從六八格而讀

聖母總批云

洋洋盈耳歌而善郁郁字文衆且湛

罽和蠶蠟蠟催炙

罽夷貪迷之夥抵非嗜畧齷更

幅斂

英

弘喂

仇吱

起吏

畧哄

掩

紹特

犴

切

吒莨丐

數花桃

撻

畧

奢

錫

縱

臥

群原

掩

別於

兜夥

耆矜朱瀝塊煩

英渚

惡英

惟

翻

稂

田地

掩

拱停群

桃花侍女奉降詩

十七日午未
申酉辰

市瓦砲制客。咬消朱妥馬。憑驕奢勒。劓晒。以罽。拜
固。市。撻。擻。朱。燴。拉。根。抵。群。役。若。役。民。役。茹。役。所。閉
分。消。坡。連。奉。養。吒。襟。嫫。老。蕪。婦。毘。裙。襖。析。擲。固。錢。
固。棘。扣。欣。空。錢。空。慄。催。群。罽。之。儉。勤。仁。特。賊。範。

空。緣。胡。裼。細。經。玄。燠。燠。吝。貼。拜。聖。顏。都。要。催。朝
停。分。泊。香。乘。之。託。管。身。殘。筆。花。搗。曰。羈。群。強。省。王。

閉罪罪。願苦欣。擬農餒源。千磨戰。嚼錢。辭鉅萬。拱
吹束生。惜遺下移。森辭覩。沒陣。哄如空。詞司馬相
暗齊。接。晦。悉。尼。色。別。罷。壽。此。貼。王。石。駟。習。擲。饒。試
貼。閉。暴。群。兇。催。曷。沛。推。茹。併。耀。跣。風。流。群。跣。寒。微。
浴。賊。咬。毳。於。扣。消。坡。些。沛。擬。欺。藍。少。特。曷。棘。齟。耜
黠。鱗。映。尔。番。燭。曠。油。霜。嫵。市。奢。費。視。常。咬。制。空。想
玃。塘。生。涯。錢。希。鑄。沛。破。沛。德。特。沒。銅。湟。鞞。著。衝。總。

晒爆測市。無暢。席馭車。番養豪花。固仁吏。憫消。已
 堪功。撰續。未。番。休市。傷世俗。咽。鞠朱。掣。遣。奢。花。夥
 湟可傷。得。茂。暗。貼。少。常。別。埃。級。貼。飭。昌。瘳。痼。准。棋
 鉅。制。春。過。度。趣。煙。霞。車。蟠。惜。啼。唸。朱。別。硤。每。味。催
 扣。基。業。移。其。茄。魔。館。茶。醕。飢。番。虛。湟。益。月。花。帽。別
 害。身。所。鑽。沒。刻。脂。春。催。扣。田。產。閉。分。拱。散。晒。破。世
 歪。韓。鞠。吏。暢。包。饒。罽。害。開。饒。身。仙。狀。縱。拱。料。得。些

◎節財用第四章

奉

闕聖闕批云

直鑄仙丹破俗病
弘開妙訣治奢心

跋新浩瀋貝徽縣。那接書。阻阻踏蚤。兌擬心情傷。
浩雞買枕人事。晦丕襟。經文降買爲兜世。機會少。
鞠沕丕啊。鶴駕鸞車。澄金度色煩。聖媛吏煩些。
得聰相隊丕踏坦。別勤能。搭扣買羅。肱時料。點快。
匹。咬。少。固。墨。消。坡。固。澄。茄。產。貼。拱。得。恁。貼。席。安。制。
賊。部。風。流。也。錢。吏。憫。酷。艱。汝。欺。干。縱。運。贖。扣。鞠。新。

大利藝半奔。夥。緡。生涯。咳。商家。寔。業。罌。埃。格。經。理。
生。財。嚙。沛。故。海。錯。山。敵。隨。轉。赴。水。程。陸。路。兩。相。通。
矜。本。飢。羈。局。奔。終。揀。艚。柁。通。同。窮。各。滿。塹。交。涉。屯。
停。曠。跼。智。坤。頑。吏。特。撐。鏖。批。相。鏗。外。局。競。爭。沛。振。
競。十。成。扣。買。特。符。權。利。享。分。充。暢。波。大。洋。趨。虛。衛。
吹。藝。奔。利。夥。埃。喂。

宋天后降詩

十五日辰辰

暮。菰。學。朱。精。拔。智。巧。擲。爭。窮。世。界。巧。是。浮。花。城。
急。樹。本。洞。寔。業。重。專。門。鍊。智。民。磨。鑄。祀。國。魂。蘇。点。
栖。江。山。朱。買。美。咳。暮。僭。僭。市。拱。世。擬。製。器。機。汽。磨。
拥。人。工。市。劍。天。工。

勸商歌

臨。奔。徐。蹟。湧。荒。源。空。奔。耕。籍。色。奔。沛。砥。丈。明。返。矜。
世。界。文。明。波。奔。器。飭。縱。橫。管。之。喝。呀。商。易。有。無。收。

抵穉蓮稽卒。產棘渚如嶽如渚。民楚斂半特尅錢。
芸農些。故些專。

勸工歌

啗油埃坤窖每皮。振廼精巧。芳藝才花。歌些。擬鞫

朱跋得些。汽機製化精。葩造成。喝呀。工居肆以成

其事。芸窖坤罌僭百正。五振廼。檻鳳鐳。蠅吏才蕪

廡梗点蕪。矜迟。會文明進化。格坤頑每域才情。嘯

勸農歌

管之蹟。壤。廼。盛。少。輟。稽。卒。起。也。扣。欣。江山。滋。培。
 裨。解。江。山。得。飯。茹。楚。民。安。浩。平。喝。農。者。天。下。之。大。
 本。晒。曬。霜。催。涿。管。之。身。智。太。王。發。跡。岐。邠。裨。農。業。
 造。成。王。業。些。涓。唯。神。農。世。閔。役。耕。農。寔。業。浩。茹。勸。
 英。掩。生。長。埃。南。些。役。農。藝。故。靡。針。主。裨。浩。孟。民。翊。
 羅。黜。帝。坡。款。鮑。密。竄。賊。貪。制。汽。機。析。各。圖。少。拊。扞。

蟄於埃莪。故功試鱗貝。扣文明。唱。蟄。鑒四民羅。
塙士。巧聲風寔貴欣莪。聰明聰相意羅。勸沛故。
躋賴。飽埃學幾度春風勤誦讀。多扣秋月等閨觀。
拾智坤。臥局江山。孰民若竣。賊機會卒。孔孟綱常。
須刻骨。西歐格致要銘心。榔身臥波學溟濛。翺翬。
相。鑿。曉。外。世界。色。空。學。學。扣。朱。振。破。鏐。數。凶。沛。賊。
金。人生學要爲先。

綠花侍主奉降詩

十六日戌亥二辰

閉裨恩蓮詔狹徊。相塵埃謁別廡。嘯嘯啞難朋。
花錦。咤吼悉^{uon}鯁過矩權。恫分桃疎悉本悞。吟勾桺
絮^{uon}群灰。斄秋返擇綠竒遇。源道瀾文浩買^{uon}灰。

勸士歌

以下四目純用喝咿格

奉

聖母總批云

欲勤本業營生路勸讀新歌喚死魂

啗涓袍笏蘇簪纓。文章湟坦聰明性。全^{uon}。塔^{uon}。執身。

國贈朱頌。按吏局江山。朱凭。碑祀場高等。朱璉。藝
夷拱沛任牟。鞠悉民浩。鎮頭徽淹。市藝士。藝農各
藝。市芸。奔藝。僭百工。藝鍊鉄。藝鑄銅。綰絲固。擯苾
芄固盤。藝僭使僭山。僭坎。藝僭紕。僭檻。僭絳。僭鑽
僭鉤。僭醇。僭箕。濃鉢。僭尼。屬股。兀。仍。藝抵。靡利用
哂。藝市扣拱沛專。藝生罍。鉶。罍。錢。藝少。若孟。藝。賊
民。霸。些。沛。故。嘯。饒。學。祀。基。礎。未。自。帝。按。賊。
藝朱沛
學朱專

吟鞠竭弊。授筆硯。尋計奔趨。倫常埃別。將朱民權。
唱義自由埃市。怒藝農計。包饒餒。圖以咬抑。塚古
和。爆霜嚙。伏求歪。固埃制。橫鬻得。牢牢。芸拚。半咐
噉。城市。爭劫饒。率利頭蛛。埃能給。本滅瀾。揀艚。移
虐術。吹特腐。芸船。僭鄰羅。垢舛。墟浮花。產固。碧吟。
庄埃坤。害罌。珣。制。械機。汽朱齊。得些。催課。罌群羅
悻悻。和。噉。暴急。沛學坤。翹爐鍊。智。鷲魂。困。旌朱害。

沒棄專廼。若帝固黝藝能。民鼎強盛。貼鼎強漆。箕
各若術。沔歐美。室文明才智欣茂。育昂丕曠彼淵。
黜爲藝業絕。爲精英。車炤怒趨踴如慤。烟電箕罔。
燎欣輶法。覓固法選駒。意羅技術。廼市制器。鄴艚。
吝衝坡滅波。連櫓。蹏越跂駁。丕格覓固格選茂。意
羅學術自得推。番帝藝業。畎些勞帝。拔脰坤跋。祕
文明。曉畎駒。瞞臥駒。森芸駒也。特精芸市。箕芸學。

瑤池王母降詩

惡頑頑仍恨未戡。愼情軀更瀆峯愧。筆聖吡勸澄
余疇。啞仙嫩吟別包末。緘名銛利坤朱斂。經聖傳
賢悵世催。盼接書箋迺降筆。幅翕賊吶閉饒啞。

●勸勤藝業第三章

奉

闕聖批云

廣開工局興工利
引八藝場學藝精

學色粹每排倫理。役沛針各藝少唆。剔脂鑛習朱
勤沒藝振特軀身榮艱。軀沒若包饒功役每得頑。

嘅抵榔。咁窮。饒筴伴特扛。和和唱。和沒彈。恆終轉。
 得玳。噫。恁。啗。賞。拔。柑。咬。啗。啗。啗。返。欺。濫。繁。務。壞。
 覩。核。用。蘿。翠。皮。我。迎。彈。鳴。鏐。每。方。沒。沙。隔。嫩。淹。霧。
 震。新。重。謹。魚。恁。仍。收。懔。約。鞫。筴。伴。森。窮。如。誓。仍。番。
 飭。噉。暑。嘅。最。噉。啗。啗。愁。絲。想。情。終。窮。饒。沒。土。沒。春。睇。
 桑。隔。別。賊。恁。收。傷。鳴。群。別。尋。塘。伴。友。況。得。些。窮。巧。
 江山。叮。空。別。信。別。恩。痛。情。筴。伴。催。群。蚤。之。蘇。鳴。其。

返欺變故。汾。詔。堅。願。情。義。鳥。當。編。臧。冊。抵。世。間。別。
格。腐。修。淹。銀。丕。博。棟。鳥。綠。車。月。老。分。由。天。曹。悉。沛。
擬。芳。節。朱。稱。情。晤。昌。勝。蕩。真。辭。康。康。沒。解。同。心。生。
蘭。娥。蕙。新。辭。唯。傳。傳。鳴。厄。沛。忖。勸。

友鳥求聲

稜。稜。怒。譁。諸。碧。別。培。甚。箕。竇。竇。如。選。黃。鶯。笑。啼。連。
稜。猓。嚙。嘴。獨。猓。能。嘴。嘹。據。劇。劇。最。節。拱。世。常。噲。饒。

芳。廬。英。掩。窮。曲。腴。襟。女。市。割。剗。粉。茹。朱。當。排。尼。妝。
裊。燦。詳。

義鳥叙情

蘇。鳩。鵲。些。常。餒。奴。仁。燠。軼。窮。固。義。終。軼。腰。燠。燠。慟。
軼。妝。勾。有。別。氓。恚。無。涯。性。本。適。樓。臺。風。雅。湟。沕。吻。
名。價。清。奇。蒼。荻。瀝。壯。每。皮。若。瞞。麴。炯。燠。誇。頰。紅。事。
咬。於。罽。湘。官。格。湟。端。莊。蹻。客。閨。儀。燠。軼。崗。指。嫩。誓。

賒事極事批拱羅固饒英掩倣室年親愛空包暴
倣吏怙饒欺唆欺於兇兇故功符鵠纏鷗每皮松
裘返欺術梭柱杜連梗棠棣吧瓊返松晒抹吹筒
謝信臥沒提舛懸纏鷗被謝疔連沙龜英掩懸噉
將格梭東縱外縱舛圍提箕翹拖提尼頭拖特沒
祝倣曾醒越奇彈劣曉覽恤傷松箕覽事選羨
仍拱動悉傷感情意傳意詩經群劄舛鷗提群別

唵。嘆。啞。迤。尸。術。增。船。頻。高。馭。術。跳。濕。跳。高。呶。嗃。哨。
慘。相。滯。淚。珠。罨。邊。墓。勿。頭。勿。腥。忍。空。咬。驕。駛。莖。蹺。
得。得。埃。拱。嚼。牢。物。群。別。勞。歇。市。吏。欣。意。羆。馭。奴。群。
如。芳。分。排。碎。沛。擬。少。鞫。思。希。職。重。權。高。鼎。鍾。充。暢。
錦。袍。縣。榮。傳。厄。軾。劄。少。薊。
鶴。鶴。急。難。

混。鵲。鵲。本。類。龜。爾。奇。彈。終。沒。嘆。沒。吒。若。嶽。必。左。所。

別澄牢。斫柳割獐眉毛。騎帝彭管古帝樂。每相
據仁潮。喚輒。玃最相沒。於群制。浩飛浩大絕。瀉主
相腰。酒馭相振。扛因沒。眼移昂。棱永。虎些讐。能謝
能獐。冲塘虎。憫報。愀。跣。番打馭。末。麟。害。馭。馭。番。飭
敵。相。庄。沒。畢。跡。躋。趨。綏。從。吹。怙。塘。齣。放。阻。術。報。信
茄。別。末。相。吏。蓮。得。茄。覓。愴。然。事。選。泣。每。馭。必。左。蹶
移。細。蓮。棱。永。壙。箕。得。鱗。苑。妬。虎。移。亮。末。奇。茄。仍。吟

做。罟。蘇。物。帝。催。勞。鷹。群。別。者。鯨。螭。吒。況。臥。本。猓。茹。
聰。昧。躬。隊。歪。踏。坦。罕。灰。功。吒。義。娛。養。餒。高。淩。杏。貝。
被。歪。劍。之。叮。空。別。孝。儀。奉。養。此。晦。躬。生。長。爲。埃。身。
箕。也。罪。貝。歪。栖。箕。吏。愧。尔。類。鵲。蔽。擬。鞫。朱。論。道。猓。
主馬格言

連。汚。虐。固。得。管。道。廂。劍。弓。拱。捲。楚。藝。胸。駟。恆。趣。山。
溪。最。趨。獐。猓。術。謝。鵠。餒。猓。馭。膠。印。牢。雪。恚。傷。腰。坤。

仁琨疎產沒茄炯恆。歎吝憚他謀。薙瘳。播吐琨空。
咼空憤。腹箕色余。腦踰燥。環燥。炯琨坤寅寅。鸛鶯。
琨戈旬。歸浩。硤嶽。淹。懸。跳。娘。勞。嬌。歎。咤。傳。濕。高。莽。子。
防老埃。市吏空。嬌。歎。些。渴。惡。賜。飭。抵。蒲。啼。添。飭。朱。
琨。晨。鼎。琨。鬪。琨。坤。龜。市。似。吏。痛。恩。特。躬。播。歎。鸛。鶯。
生。眛。眛。恹。仁。琨。鼎。胸。養。餒。圖。鮮。物。燂。覺。眛。眛。未。拱。
炯。身。未。拱。安。暗。歎。鸛。鶯。麤。顛。奇。脾。擬。臥。躬。觀。梓。甫。反。

錦紉義包蟫。軒秋返會奇緣姻。坡道高標沒馬蹄。
慈烏反哺

以下五首文用寓言
格欲用救書調

奉

聖母總批云

善爲說醒世
長於警發人心

烏注鵲嬌軟跼踖。他蒼術於盤稜。蹕蹕。韶蹕。窮
梗。懸抹空悖。霜林空驚。侶頭悉買。生堆。經。嬌蹕。窮
腰。悖。挹。指。潮。潮。羣。鵲。熾。最。蹕。答。朱。嬌。蹕。蹕。沒。錢。符。
潮。鵲。空。懣。影。特。攤。鵲。鷗。空。跼。細。戈。斂。跼。落。胸。安。罽。

北。濬。斜。術。西。得。學。還。據。棋。蘇。獸。屠。蹕。從。益。兎。彈。狐。
栢。箕。暗。吏。強。涂。晒。文。明。拱。朋。乘。計。之。固。氣。血。沛。爲。
氣。血。於。巖。淹。沛。惜。巖。淹。斬。賊。魏。孝。碎。忠。軀。空。愧。嗜。
吒。蠅。螻。仙。明。倫。魏。學。朱。專。

清娘公主奉降詩

未辰

璵。覽。坎。經。叢。点。囂。暗。至。寐。霞。暎。諳。諳。車。仙。拂。派。移。
蹕。跳。圍。聖。躋。飽。馴。昧。瞋。沒。莖。桃。絲。文。降。礦。趙。章。

唯蘇茹瓊明。劣沒炆招聖。覩神業茹本。重昇倫孝。
忠鑿胞君親。隊頭吟返會。霽歐霽亞。曉江山風化。
鷹効。腴秋如煩。腴愁筆桃沒。莠淚珠。森行傷道義。
眈眈埃燼。悴綱常。肅垢埃。世市朝。名利袞。昂惡。曩
強。齧脆。曠強派。催。咽買。添賤。黷傳。庶計。胥忙。哨。嚙。
亟。困爲終沒。蘇。納。炤。香。輅。女。安。鈔。朱。甘。咳。民。族。越。
南。些。咳。囁。箕。裘。絢。唯。翁。吒。埠。智。些。特。朱。些。霽。巡。趣。

空。如。害。現。蜺。蜺。率。物。崩。現。分。停。祖。魯。義。群。希。碎。怒。
鴻。鴈。号。類。鳥。雀。紛。行。繼。英。耀。掩。茹。猗。猗。及。伴。腰。饒。
嬌。軼。唱。和。鳴。鳩。堰。河。每。蘇。物。特。羅。沒。點。搗。軼。倫。群。
劍。疾。慙。得。些。泚。軼。軼。調。軼。調。席。少。沒。調。軼。軼。吒。現。
沛。篤。念。慈。孝。希。碎。辰。論。道。敬。忠。英。掩。仁。字。友。恭。伴。
笈。精。悵。嬌。軼。敬。腰。軼。閉。物。得。軼。欣。賜。軼。得。些。躡。剔。
軼。倫。此。貼。仙。伏。聖。神。拱。軼。仁。字。明。倫。催。席。些。泚。

第二聖母降詩

十五日子辰

隔余嫩滴室絕茂。遙肢深瀋沒。至秋。圍桃姊買開
花筆。埃善掩陀練菓修。社余輔曾捐。垣黼沒。客
色屬塘。習道南。閉隊思。至彼。莠筆神仙買。点蘇。

◎明倫第二章

奉

闕聖批云

天在地維千古在
人情世故一心想

學重一罟調倫理。色學辰沛擬買賊。計之霸。龔鼻
憤。了空倫理。鞠賊傳得。箕狼虎罟。類盡與。固粹寧。

文能跋馱聰明範。祇每啞曾勾。曾字歷味。箸膏腥。
嫩蘇點。祇坪。砂破玉。礪朱。賊價得。得。曉。仍。遺。於。幾。
學通字契詞。培少榮。得。曉。之。遺。榔。爭。文。憑。詩。豆。尋。
鐐劍趨。學。事。業。室。夔。翔。忙。心。智。鎮。朱。精。神。鐐。馬。
學底明倫。茹。馬。致。主。澤。民。群。趨。恫。迎。辰。博。林。橋。欄。
驗。成。達。沛。曉。啞。柴。各。英。吟。也。到。低。學。柴。收。祇。啞。柴。
吡。嘯。學。輜。希。聖。希。賢。

男軀拱漆榮價。馭停蹕仍酥無類。安制噓唏容。感
遨遶。學空亘。拂工夫。返庄能。落別情。憐之。智坤駟
沒劍。移。殲身奴。隸愚。彖沒。莠。混。喂。混。牧。衲。唾。罌。功
割破。錐。破。朱。孚。學。而。不。亦。樂。乎。

師傳生受歌

各英穢。雞頭撐。思吒。恹。娛。學。行。沛。專。空。柴。胡。襪。少
鍼。學。柴。催。濬。倍。痛。思。柴。柴。勸。壘。齣。塘。甌。吡。朱。特。卒。

毘喂毘學朱勤。筆硯吒懺襖裙嫫緞。毘喂毘學朱
能。固功礲餽固。鼎臧金。學鞠朱跋英。掩沛推併算
沛貼文排。固才毘署悵才。符才連余符災沒韻。固
身毘沛修身。沒身薶瘳閉分。騷噪。鼎靜嘯署負磅。
枷蔽遇侶汝羨罽之。辰暴櫛脫梭。移。栖歪熾羣群
之。腐矇。學行毘沛加功。詩書頌唯臧。湘儒家。浩徽
曉跋些。鞠空恍哨嫫吒生成。嚳罽論義。已生。齧

爭競矚會智席併局類學行些故勸饒

上岸公主奉降詩

十六日午辰

戈曾崗砮采招掠。客憚沒噉侈雍蹻。梭樞噓疎遠
碧碧。滌鑽清緝若鯖沈。睹曉坦怒匹汚穢。也覓埃
箕浚戕驍。舁抹文章落沒撮。珥垓襲過肅驕臨。

勸子讀書歌

以下二目用六八格

奉

聖母總批云

盡破人情疑學案
廣開師範授門徒

允。濕。岬。學。茹。些。搭。朱。高。攄。蹺。程。度。新。潮。符。節。拱。學。義。
 市。拱。精。法。文。獻。浩。歸。沛。符。道。尋。偏。孔。子。沛。尊。文。明。些。
 沛。學。坤。號。架。英。法。璫。困。花。旗。霖。芸。學。之。拱。學。學。天。
 文。束。學。地。輿。學。算。法。學。兵。書。耕。農。學。冊。獵。魚。學。場。學。
 技。芸。工。商。每。域。學。氣。機。制。化。少。鞠。學。藤。學。電。吟。帝。學。
 閑。各。碁。學。桃。各。境。役。學。以。役。終。奇。浩。固。學。辰。鍾。浩。買。
 坤。學。異。部。擲。鐫。魂。學。霸。貼。浩。學。坤。民。茹。巧。宜。學。起。罷。

別學。些世凡黜學。嗜精。傷。喂。芸。學。諾。聊。其。芸。也。市。特。
精。芸。市。柳。科。舉。名。高。山。貴。祀。文。章。辭。氣。以。欣。外。登。理。
役。諾。巖。盛。衰。空。別。決。羣。空。絕。詩。興。志。花。聊。勸。絲。賦。吟。
韻。路。吟。吟。哦。鉢。々。悉。仍。決。科。榮。身。累。文。益。始。得。紅。曉。
役。諾。如。外。群。蹊。僂。同。胞。空。膝。相。親。別。之。祖。諾。祖。民。別。
之。運。會。輾。遲。山。荷。學。如。芳。龜。市。極。特。化。蟻。城。國。弱。民。
貧。悲。黍。諾。也。祖。蹊。別。躬。浪。悵。長。身。也。糕。坪。學。黜。貼。些。

礪買江山艾塊情。餒念埃謁別朱躬。堆砌錦綉同行
符。煇曲綵紆艾部經。為河釭更塊故國。睚眦同劫夢
浮生。必悉傷蜚蠅仙竅。礪買江山艾塊情。

◎ 廣學回第一章

奉闕聖闕批云

熱血長流。盈學海
精神。直放。吸新朝

學界仗機開幅一。室貴台。廣重台。室於茂固學買能。要
求拱孟顧吟拱霸。箕各湛卅欧卅美。色文明吏智坤
頑。槐樵辭金瀛寰。英雄翠波江山艾茹。得些世黜号

俾得次序明白。非為渾雜說也。

第三聖母降開經讚

傷軀笈鑽。招魂筆賁。降序降歌。降詩降諭。

義理浩鋪。文章乂部。如錦繡花。如朶爛燦。

旒煬宵衢。回踵今古。吟客淹迷。撻得澈苦。

埃別敬糈。埃詆歆慕。咀讀恣推。如恩無數。

第一聖母降詩

堯吏育昂蘇点女。經道肉錦總賊狩。堊孔咏菟炤秦
皇。訕逝章鐫玉蘇礦。救些沛桡迎來論院。筆曰買良
滄拱絕。咄咄翹色聚奇啼。啗杜鵑噶。戛來。悉悖世
坤愧。訕胞。覷吁。姊。嬈。傷。情。下。顧。菓。福。終。扞。憎。朱。論。狩。
同。願。文。惡。輪。

話

是經分爲十章。吾奉大駕降著。如經傳之有正
文。十章散爲各目。吾教侍女演繹。如經傳之有集註。

女匹牖縫。拊。擣。堆。藉。腐。梗。衲。綱。常。晏。趙。嬌。排。阻。苟。柔。
滄。災。艾。脆。破。撓。畢。暴。虐。耿。生。前。拱。為。役。諾。廟。炷。香。碑。
鑿。啗。贅。悉。忠。貞。域。泣。至。南。咽。成。敗。計。少。之。事。黷。涿。
湖。汴。艾。瀟。涕。羈。致。蘇。終。艾。戶。膠。鑽。吟。窮。饒。帥。苟。江。山。
傷。民。諾。返。千。味。淬。輟。些。胡。謁。衿。悉。朱。節。聖。羣。傷。麻。
庄。礙。碼。余。迺。謁。鶴。臨。鸞。格。緇。燕。血。帥。悉。懷。燭。世。泣。巖。
嵒。野。炫。極。濟。吟。魂。迷。帥。收。大。洋。鉅。矜。羣。翔。蕪。心。鳴。羣。

遊善壇

筆桃結祀

題願

新

敬召南邦陰神文。

十四日酉辰

固格。驟貼。麴糵。少新。珍。娛。沕。懷。朱。酌。返。浩。蟻。返。速。絲。
想。念。茹。親。親。至。羣。低。坦。羣。帝。江。山。末。吏。貼。鼠。淹。濟。濟。
尚。壽。祠。香。炤。羣。資。踏。娛。元。序。

利

咳。伴。媽。害。仙。堯。佐。旁。艾。炉。生。化。化。生。越。南。低。巽。坦。戶。
躬。艾。格。芳。梗。鴻。荒。絡。徽。諾。畢。齊。辭。甌。鑊。榮。固。饒。腐。疏。
落。固。饒。蘇。燈。些。几。嚮。得。茹。埃。拱。趾。艾。林。淹。諾。公。帶。像。

圜興善花綃綿絨炒吞燠燠練接釘蓮部文章筆圣
點蘇腦齋粉色鋪義理審保喃哪吒噴噴聰空聰慧
空擬桶綱常漆漆貝藏淹酒嘿嘿拱璞貝提慧思
聘窮吞坦剔提鐵提吏若固源棧固格膝貼詞駢
軀低璞沕懷朱了返送蠅返還思想會數數數吞群
低坦群帝江束吏貼提淹蠅泔尚蠅病香炤強蒼哨
媒尼啞序

用蘇黼望窮世席珍窮世算昼至晦汶推勾坤義窮
 席悅義窮底極羨阻森野餒味萍藪義證藪心事尼
 別昨穷埃疔痕台困苦台機會意為樂械餒僅只在
 棒机開化遷朝庄別雲潮甘分愚慣諾要空懺浪要
 標古楚趙餒奴隸經綸群永極丈夫輟昧懺汶解
 徽澆餒名利只逆病妾婦充暢几粗希襖主魁巾帶
 頓暢汶給舞舞得頭壞福塩分棋翻別晃界役活技
 芸汶夷舊學只寧福諫紙杯糊文明昭趾舊躡蹠
 也才荒枿穉尋病得如世坤頑如世催局茂群盟叻
 之憑休箕咬於休箕懷運會以械窮特叻屈漆涂咽
 机盛衰停觀在空張乙庄安憑事坤悅懷懺群如聖劓
 卯命趁吝梓斷經道南玉梓鐵梓寔恹恩巴躑傷朱

御善炫筆桃枯題顏

序浪淹耳尚濃若罽蘇文獻混鴻昭貉民仁
迺北同胞至寶貼生波鉤校鏤圖產物一汚東亞坦
畧得塢矚才媽孟省英雄凌埃炎方雉混箕翁董天
王馭鉄冲至撲殷賊席報讐朱諾彈晏怒晏徵女主
裾紅擲飭打絕蘇席者義朱軫校支校黎太祖趙軍
頭柳昇撩虎薙辦神賊明意鵲披沛浩淹白藤陳大
王罽陣帛烏馬若洲若鉤軍元尼鷗色悖弓意仍得
豪傑英雄授桃筆時排疎畧群仍几仁人志士於史
撐劄計同廚咳喂詞駢肅癩傳智群校箕城昇龍箕
尚五虎諾嶽均若嶽茹厄户鴻厄厄祖貉龍洲蘇原

將題書浪叶阻吏主。道南經色殊批降來。救螭哪命
 自歪。疥秋衰退沒辰文明。煩蟬少主炫經。中旬拳筆
 朱清每皮。貼來如醒如迷。擦扛蚌於蚌術還。新傷白
 拙。分柳挑。撐罌末吏糾。色如邈。連罌仍博命。歪。擬命
 胡楊。囁啞特空。莽罌傷種仙蠅。劣鍾溪。弗貉鴻生罌。
 同情些。沛悞些。空情埃吏別。腐悞埃。抗。珣叶拜謝
 屋感恩。列聖傷得埃南。抵爲阻吏倍鑽。初歌掛匿。歪

鷹隼。玄規認衲埃。喂。

詩

十三日戊辰

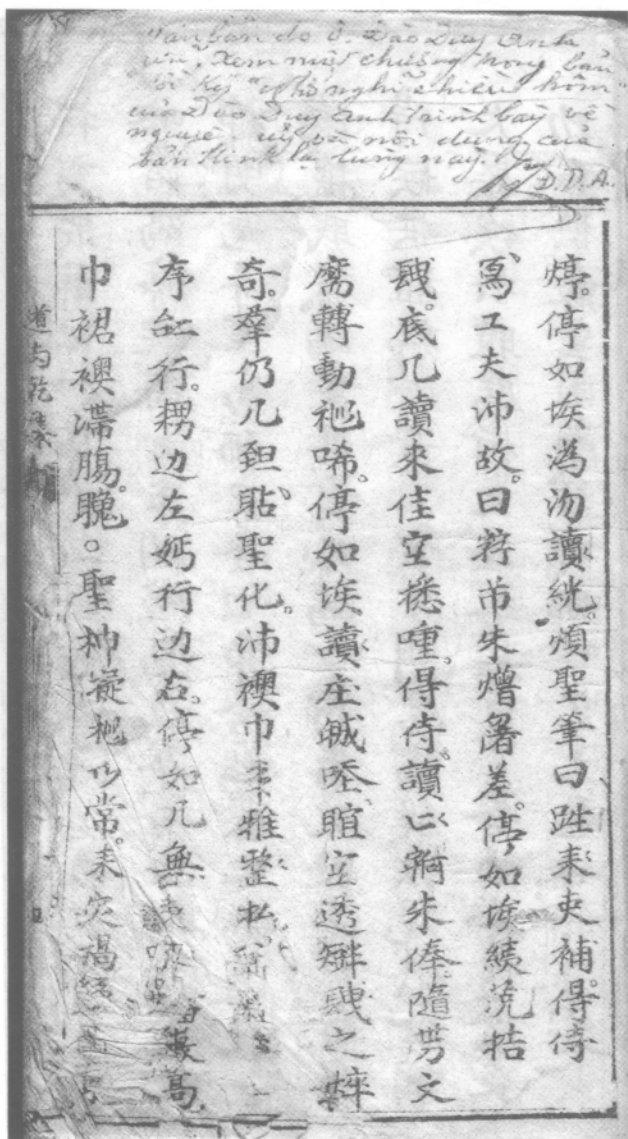
浩敬客憐余秋踰。願買腰褱沒

心輪。却最銜暑之管媿。新經同卷。掩為混。先傷危駭。
羣疎悞。悞。悞。悞。末奇癩坤。空城仍劣。魑。沒。繼。為情。執。
媿。沛。踰。蹲。

小引

至秋。滕。蕩。驛。鑽。踏。蓮。杏。毗。跽。賜。洞。苑。恤。逮。諾。潘。嶽。高。
椿。咄。竹。隣。花。嘲。逞。贅。鳴。梭。鬼。律。術。最。鳩。遂。書。到。翔。駒。

極。靜。哉。靜。哉。加。功。嚴。禁。持。此。此。淹。潘。暮。潮。却。落。
 吟。諸。鳴。停。啖。傳。女。生。調。喧。動。役。奉。香。吏。哭。至。重。
 神。明。竈。弄。室。高。砌。左。疊。咽。沛。哈。包。滕。朱。踣。齋。
 俄。抵。戢。督。講。室。畏。貴。化。講。心。將。朱。破。特。義。經。奇。每。
 得。埃。拱。肅。躬。哪。意。聖。分。明。鷹。講。解。埃。規。吡。余。調。
 大。槩。埃。拱。肅。鷹。桡。吏。泣。誓。黏。恩。全。福。善。楹。朱。衣。
 功。以。拱。森。空。固。蘭。粹。巧。哪。啞。空。文。廳。吟。余。句。楚。靈。



一大機關你得何示戒之

壇規

中文稿紙 (20×25) 橫直兩用

中文稿紙 (20×25) 橫直兩用

道南經

固將軍降詩

彷彿魂忠勇閉

毫刀昂育操倫

曉隊庄管至南北

驛琵琶哨義何

吟儿姦雄肝吻

念味正氣施群

吟哪帝命投書

波於崇山買担

話 今你炫恩蒙

列聖準降道南經是經也辭嚴而正義簡而範不能

冠前者之各經文然亦足使人歌使人泣使人惡使人

人慕有不可已之隱情寔你炫之大幸也而當世之

Đan Hùng Thuận Hải
Hải châu phủ Xương
(Hưng) Giáo Thung Tỉn
Ngũc càn Kĩ C. Ngươn
Kỳ nguyên càn bộ của Viên Di hie Hie m

皇南啓定癸亥秋月
賜冬月登梓

南定膠冊

興善藏板



MỤC LỤC

Lời nhà xuất bản	5
Lời nói đầu	7
Khảo sát văn bản và đôi điều suy nghĩ	11
Tìm hiểu phong trào thiện đàn đối với cuộc vận động ái quốc Kinh đạo nam	21

KINH ĐẠO NAM (*Tập càn*)

Đàn Thiện Hưng

ĐẠO NAM CÀN TẬP

ĐẠO NAM KINH	47
- Cố Tướng quân giảng thi	47
- (Lời) thoại	48
- Thơ	50
- Tiểu dẫn	510
- Tựa	51
- Hịch Triệu Nam Bang - âm thần văn	55
- Thoại	57
- Đệ Tam Thánh mẫu giảng khai kinh tán	58
- Đệ Nhất Thánh mẫu giảng thơ	58

Chương thứ nhất

MỞ RỘNG HỌC VẤN	59
- Thượng Ngàn Công chúa phụng giảng thơ ..	62
- Bài ca khuyên con đọc sách	63
- Bài ca thầy dạy, trò học	65
- Đệ Nhị Thánh mẫu giảng thơ	66

Chương thứ hai

RÕ LUÂN THUỜNG	69
- Thanh Nương Công chúa phụng giảng thơ ..	69
- Quạ hiền nuôi cha mẹ	70
- Cách ngôn về chủ với ngựa	72
- Chim di cứu nạn	74
- Chim nghĩa tự tình	75
- Chim bạn tìm tiếng	76
- Dao Trì Vương mẫu giảng thơ	77

Chương thứ ba

KHUYÊN SIÊNG NGHỀ NGHIỆP	78
- Lục Hoa Thị Chủ phụng giảng thơ	81
- Bài ca khuyên học trò	81
- Bài ca khuyên nghề nông	83
- Bài ca khuyên học nghề	84
- Bài ca khuyên buôn bán	85
- Tống Thiên Hậu giảng thơ	86

Chương thứ tư

TIẾT KIỂM TIỀN CỦA	87
- Đào Hoa Thị nữ phụng giảng thi	90
- Bài ca cấm đánh bạc	90
- Bài ca cấm tranh tụng	92
- Bài ca cấm hút thuốc phiện	93
- Bài ca cấm uống rượu	94
- Bài ca cấm ham sắc	95
- Đệ Tam Thánh mẫu giảng thơ	96

Chương thứ năm

SỬA ĐỔI HỦ TỤC	97
- Hồng Nương Thị Nữ phụng giảng thơ	99
- Tế tục tiểu thuyết	100
- Hôn tục tiểu thuyết	102
- Độc tự tiểu thuyết	103
- Tang lễ tiểu thuyết	104
- Quan Âm Phật Tổ giảng thơ	105

Chương thứ sáu

TU THIÊN ĐẠO	106
- Quảng Cô Thị Nữ phụng giảng thơ	108
- Câu hát ru <i>sửa cầu đường</i>	109
- Câu hát ru <i>in phát sách tốt</i>	110
- Câu hát ru <i>giúp người nghèo khó</i>	111
- Câu hát ru <i>cấm sát sinh</i>	113

- Cầu hát ru *khuyên giữ gìn sách* 114
- Trưng Nữ Vương *giáng thơ* 116

Chương thứ bảy

MỞ RỘNG GIAO THIỆP	117
- Quế Hoa Công chúa phụng <i>giáng thơ</i>	119
- Gia tộc <i>giao thiệp</i>	120
- Xã hội <i>giao thiệp</i>	121
- Thế giới <i>giao thiệp</i>	122
- Nguyên Từ Quốc mẫu <i>giáng thơ</i>	123

Chương thứ tám

HỢP ĐOÀN THỂ	124
- Quyên Thanh Công chúa phụng <i>giáng thơ</i>	126
- Thượng phái <i>đoàn thể</i>	127
- Trung phái <i>đoàn thể</i>	128
- Hạ phái <i>đoàn thể</i>	128
- Trưng Muội Vương <i>giáng thơ</i>	129

Chương thứ chín

TRỌNG GIỐNG NỘI	130
- Tĩnh Huệ Vương cô phụng <i>giáng thơ</i>	132
- Vị kỷ chủng loại	135
- Vị tha chủng loại	134
- Triệu Kiều Vương <i>giáng thơ</i>	134

Chương thứ mười

ÁI QUỐC	135
- Bạt văn	137
- Kinh thành cảm thuyết	140
- Đệ nhất Thánh mẫu Hịch Triệu	141
- Thoại	142
- Quân tiên hội ẩm tự thuyết	143
- Chu (Châu) Đại tướng quân giáng thơ	145
- Ngã phụng thánh Giá Lai Đàn duyệt kinh ..	146
- Quan thánh Đại Đế giáng thu	147
- Vân Hương Đệ nhất thánh mẫu (Tạ Biểu) ..	148

KINH ĐẠO NAM (Tập khôn)	153
- Đạo nam kinh khôn tập mục lục	154
- Đạo nam khôn tập Vân Hương	
Đệ nhất Thánh mẫu giáng thơ	156
- Tiểu dẫn văn	156
- Đào bút tự tình ca	158
- Tựa	159
- Hịch Sai Thị Nữ vãng thỉnh các	
âm thần văn	161

Chương thứ nhất

TẠI GIA TÔNG PHỤ	164
- Thượng Ngàn Công chúa giáng thơ	166
- Đệ Nhị Thánh mẫu giáng thơ	171

Chương thứ hai

XUẤT GIÁ TÔNG PHU	172
- Bạch Hoa Công chúa giảng thơ	174
- Đệ Tam Thánh mẫu giảng thơ	190

Chương thứ ba

Chồng chết theo con	191
- Điều thứ nhất <i>Giữ tiết</i>	192
- Điều thứ hai <i>Dạy con cháu</i>	195
- Điều thứ ba <i>Không yêu riêng</i>	196
- Điều thứ tư <i>Nên tu hành</i>	198
- Bạt văn	199
- Càn khôn tổng bạt	201
- Kinh thành tổng luận	203

KINH ĐẠO NAM

*(Thơ văn giáng bút của Vân Hương Đệ Nhất Thánh Mẫu
(Liễu Hạnh) và các vị nữ thánh)*

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

175 Giảng Võ, Hà Nội

ĐT: 04.8515380 — Fax: 04.8515381

Chi nhánh phía Nam

85 Cách mạng tháng Tám, Q.1, TP. HCM

ĐT: 08.8390970 — Fax: 08.9257205

Chịu trách nhiệm xuất bản:

PHAN ĐÀO NGUYỄN

Chịu trách nhiệm bản thảo:

LÊ HUY HÒA

Biên tập: **Hồ Phương Lan**

Phạm Hoàng Quân

Trình bày: **Bé Tám**

Sửa bản in: **Người dịch**

Bìa: **Thanh Tú**

Tổng phát hành

CÔNG TY TNHH TM DV VH CỬU ĐỨC

SÁCH HÀ NỘI

245 Nguyễn Thị Minh Khai — Q.1 — TP. HCM

ĐT: (08) 8322047

In 1.000 cuốn, khổ 13.5 x 20.5cm, tại **Cty CP VH TH HƯNG PHÚ**
755 Phạm Thế Hiển - P.4 - Q.8 - Dt: (08) 8.507503, Giấy ĐKKHXB
số: 25-2007/CXB/30-164/LĐ ngày 03/01/2007. QĐXB số : 01 NXB
Lao Động cấp ngày 16/01/2007. In xong và nộp lưu chiểu Q1/2007

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VĂN HÓA CỬU BÚC

SÁCH HÀ NỘI

245 NGUYỄN THỊ MINH KHAI - Q1

ĐT: 08. 8322047

道南經

陶維英考証

阮氏青春翻釋

Giá: 50.000đ